CÔNG TY TNHH
DATALOGIC
VIỆT NAM
Digitally signed by
CÔNG TY TNHH
DATALOGIC VIỆT NAM
Date: 2025.12.19
09:47:05 +07'00'

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC II BẢN VẼ

PHỤ LỤC III KẾT QUẢ QUAN TRẮC

PHỤ LỤC 1.1
VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306686509 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 08/01/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/09/2025;
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận lần đầu ngày 08/01/2009, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 9 ngày 05/12/2025, chứng nhận hiệu đính ngày 11/12/2025;
3. Giấy phép môi trường số 05/GPMT-KCNC của cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/06/2024;
4. Văn bản thông báo số 95/KCNC-QHXDMT của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả kiểm tra công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam ngày 17/01/2025;
5. Văn bản số 9205/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" ngày 28/02/2021;
6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866422, số cấp vào sổ cấp GCN CT05038 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/01/2011;
7. Giấy phép xây dựng số 04/GPXD/QHXD-KCNC của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20/10/2004;
8. Giấy phép xây dựng số 04/GPXD/KCNC của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ngày 09/09/2013;
9. Giấy phép xây dựng số 09/GPXD của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/10/2018;
10. Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 30/07/2009;
11. Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 05/06/2015;
12. Công văn số 8282/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam ngày 28/08/2018;
13. Văn bản số 9205/STNMT-CCBVMT của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" ngày 18/02/2021;
14. Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy + Văn bản nghiệm thu

về PCCC;

15. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 07/HĐ-BQLCDA-XLNT ngày 01/07/2017;
16. Hợp đồng kinh tế số 210/2024/HĐKT/VX-DT về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và hủy hàng ngày 12/03/2024, hiệu lực đến hết ngày 12/03/2029 (bao gồm CTNH, CTRCNTT và CTRSH);
17. Hợp đồng kinh tế số 0102/2024/HĐKT/RV-DATA về việc thu mua phế liệu ngày 01/02/2024, hiệu lực đến hết ngày 28/02/2028;
18. Chứng từ CTNH từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2025;
19. Hóa đơn điện, nước từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2025;
20. MSDS của nguyên, vật liệu sử dụng.

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Người ký: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM
Thời gian ký: 15.10.2025 15:20:49 +07:00

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0306686509

Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 01 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 15 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DATALOGIC VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: DATALOGIC VIETNAM LLC

2. Địa chỉ trụ sở chính

F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *+84-8 3730 8481* Số Fax: *+84-8 3730 8482*

Thư điện tử: Website: *www.datalogic.com*

3. Vốn điều lệ : 51.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm mươi mốt tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: DATALOGIC S.R.L

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 03217801202 – REA: BO-501477

Ngày cấp: 25/11/2016 Nơi cấp: Bologna Companies Register

Địa chỉ trụ sở chính: Via San Vitalino 13, Lippo di Calderara di Reno (BO) 40012, Italy

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: ĐẶNG VĂN CHUNG Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *08/09/1971* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *079071022592*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Kỳ Phùng

BAN QUẢN LÝ **KHU CÔNG NGHỆ CAO** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **8711760427**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 08 tháng 01 năm 2009
Chứng nhận thay đổi lần thứ 9: Ngày 05 tháng 12 năm 2025
Chứng nhận hiệu đính: Ngày 11 tháng 12 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định về Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Nay là Bộ Tài chính) quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Nay là Bộ Tài chính) sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí xác định doanh nghiệp Công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 1685/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Văn bản số 5652/BCT-KH ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương và Văn bản số 1792/BTTTT-KHTC ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông trả lời kết quả thẩm tra hồ sơ bổ sung chức năng của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Datalogic Việt Nam nộp ngày 27 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ bản đề nghị hiệu đính Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Datalogic Việt Nam nộp ngày 09 tháng 12 năm 2025,

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư **CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM**; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2009 (điều chỉnh lần 8 ngày 25/02/2025); đăng ký điều chỉnh (1) Bổ sung mục tiêu dự án; (2) Tăng vốn đầu tư và các nội dung liên quan đến vốn đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: CÔNG TY DATALOGIC S.R.L

1. Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp: 03217801202-B0-501.477

2. Ngày cấp: 25/11/2016 Nơi cấp: Ý

3. Địa chỉ trụ sở: Via San Vitalino 13, Lippo di Calderara di Reno (BO) 40012, Italy;

4. Điện thoại: 39 051 3147011

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

- Họ tên: VALENTINA VOLTA Giới tính: Nữ
- Quốc tịch: Ý

- Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Sinh ngày: 13/6/1978
- Hộ chiếu số: YB1085256 Ngày cấp: 12/4/2017 Nơi cấp: Ý
- Địa chỉ liên lạc: Viale Del Risorgimento nr. 28 – 40135, Bologna Ý

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM, mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: 0306686509 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/01/2009, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 15/9/2025.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM**
- Tên tiếng Anh: **DATALOGIC VIETNAM LIMITED LIABILITY COMPANY**

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

- Thiết kế và sản xuất các thiết bị thu thập dữ liệu tự động ngoại vi và phần mềm do doanh nghiệp sản xuất (sản phẩm, phụ kiện, linh kiện và các linh kiện được lắp ráp) bao gồm thiết bị đọc mã vạch cầm tay, thiết bị đọc mã vạch gắn cố định và máy tính di động.
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa có bảo hành và không bảo hành đối với các sản phẩm của Datalogic được sản xuất trong Việt Nam và ngoài Việt Nam bởi một trong những công ty thuộc tập đoàn Datalogic (các công ty thành viên với Datalogic Việt Nam); Cung cấp dịch vụ nghiên cứu & phát triển (liên quan đến thiết bị thu thập dữ liệu tự động, thiết bị đọc mã vạch cầm tay, thiết bị đọc mã vạch kiểu trình diện, thiết bị đọc mã vạch một mặt, máy quét quang học, máy quét/đo quang học, thiết bị dữ liệu đầu cuối cầm tay, máy tính di động, máy scan RFID, cảm biến đo lường, cảm biến tầm nhìn, cảm biến quang điện, máy đánh dấu sản phẩm bằng tia laze, hệ thống nhận diện vật thể, hệ thống phụ theo dõi vật thể, và hệ thống phụ thực hiện xử lý và loại trừ vật thể cung cấp cho các công ty thành viên với Datalogic Việt Nam); Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho các công ty thành viên với Datalogic Việt Nam bao gồm dịch vụ tư vấn liên quan đến việc cài đặt phần cứng máy vi tính, dịch vụ tư vấn phần mềm và hệ thống, dịch vụ phân tích hệ thống, dịch vụ thiết kế hệ thống, dịch vụ lập trình và dịch vụ bảo trì hệ thống.
- Thực hiện quyền xuất nhập khẩu các bộ phận, sản phẩm, phụ kiện, linh kiện và các linh kiện được lắp ráp có mã HS thuộc nhóm 3403, 3506, 3910, 3919, 3920, 3921, 3923, 3926, 4008, 4016, 4017, 4202, 4415, 4812, 4816, 4819, 4821, 4823, 4907, 4908, 4911, 5603, 5609, 5806, 6202, 6305, 6307, 7006, 7009, 7312, 7318, 7320, 7326, 7410, 7419, 7616, 7907, 8203, 8302, 8310, 8421, 8423, 8424, 8471, 8472, 8473, 8479, 8480, 8501, 8504, 8505, 8506, 8507, 8517, 8518, 8523, 8528, 8529, 8531, 8532, 8533, 8534, 8536, 8537, 8541, 8542, 8543, 8544, 8546, 9002.
- Sản xuất Cảm biến thông minh (Smart Sensor) với quy mô khoảng 2.500.000 sản phẩm/năm trong giai đoạn ổn định (kể từ năm thứ 4 bắt đầu sản xuất) với doanh thu đạt 50.000.000 USD/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án: F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. Diện tích: 21.429 m^2 (hai mươi mốt ngàn bốn trăm hai mươi chín mét vuông).

5. Vốn đầu tư thực hiện dự án: 79.000.000 (Bảy mươi chín triệu) đôla Mỹ, tương đương 1.611.000.000.000 (Một ngàn sáu trăm mười một tỷ) đồng Việt Nam, trong đó nguồn vốn để thực hiện dự án:

- Vốn góp để thực hiện dự án: 3.000.000 USD (ba triệu đôla Mỹ), tương đương 51.000.000.000 VNĐ (năm mươi mốt tỷ đồng Việt Nam), chiếm tỷ lệ 4% tổng vốn đầu tư - đã góp đủ.
- Vốn huy động:

+ Vốn vay: 12.000.000 USD (mười hai triệu đôla Mỹ), tương đương 204.000.000.000 VNĐ (hai trăm lẻ bốn tỷ đồng Việt Nam).

+ Vốn khác: 31.000.000 USD (ba mươi mốt triệu đôla Mỹ), tương đương 527.000.000.000 VNĐ (năm trăm hai mươi bảy tỷ đồng Việt Nam).

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư:

+ 29.000.000 USD (Hai mươi chín triệu Đô la Mỹ), tương đương 725.000.000.000 VNĐ (bảy trăm hai mươi lăm tỷ Việt Nam đồng).

+ 4.000.000 (Bốn triệu) đôla Mỹ tương đương 104.000.000.000 (một trăm lẻ bốn tỷ) đồng Việt Nam.

- Tiến độ thực hiện vốn đầu tư đối với phần vốn tăng thêm 29.000.000 USD: chậm nhất đến hết năm 2029.
- Tiến độ thực hiện vốn đầu tư đối với phần vốn tăng thêm 4.000.000 USD: chậm nhất đến hết năm 2029.

6. Thời gian hoạt động dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

7. Tiến độ thực hiện dự án: Đã đi vào hoạt động từ tháng 05 năm 2009.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi như sau:

a) Về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Dự án được hưởng ưu đãi Thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành theo điều kiện thực tế đáp ứng của doanh nghiệp (Khoản 11, Điều 1, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, áp dụng đối với thu nhập của dự án đầu tư mới tại Khu Công nghệ cao theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

b) Về thuế nhập khẩu:

Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 15 Luật Đầu tư 2014 và miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu năm 2016.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

Công ty TNHH Datalogic Việt Nam có trách nhiệm triển khai dự án theo các tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BKHCN ngày 06/11/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí đối với dự án đầu tư cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao đầu tư vào Khu Công nghệ cao;

Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật;

Tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động mua bán hàng hoá, các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đối với hoạt động thực hiện quyền phân phối bán buôn (không gắn với lập cơ sở bán buôn); thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không gắn với lập cơ sở bán lẻ) và quyền nhập khẩu theo quy định pháp luật và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định của các cơ quan quản lý chuyên ngành;

Dự án có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường, thực hiện các thủ tục về môi trường và các thủ tục khác có liên quan đến hoạt động của dự án được cơ quan có chức năng thẩm định trước khi đi vào hoạt động;

Dự án phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

Nhà đầu tư cam kết việc tăng vốn đầu tư trong giai đoạn 2025 - 2029 (29.000.000 USD) nhằm bổ sung/thay thế những máy móc, thiết bị đã cũ không còn hoạt động tốt, các máy móc thiết bị được bổ sung/thay thế sẽ cùng loại với máy móc, thiết bị cũ nhưng thuộc thế hệ mới, công nghệ vẫn sẽ được duy trì ổn định như hiên tại và không thay đổi sản phẩm đầu ra của dự án;

Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về quy hoạch và xây dựng;

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng làm việc tại dự án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam;

Dự án nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam về chuyển giao công nghệ;

Sản phẩm của dự án nếu tiêu thụ tại Việt Nam phải đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, hợp chuẩn và phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

Đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Doanh nghiệp chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu - nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp phép hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương;

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 72 Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Nay là Bộ Tài chính) quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Nhà đầu tư có trách nhiệm tự tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án và thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 05/2023/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ kế hoạch và Đầu tư (Nay là Bộ Tài chính) quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư; chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước;

Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định của Cơ quan Quản lý nhà nước khi có sự điều chỉnh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh hoặc địa điểm hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá;

Trong quá trình hoạt động, Nhà đầu tư phải chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực hoạt động và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Trong trường hợp doanh nghiệp không thực hiện đúng nội dung dự án hoặc chậm triển khai dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao), Ban quản lý Khu Công nghệ cao có quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP.HCM cấp ngày 08/01/2009 điều chỉnh lần 8, ngày 25/02/2025.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 *(ba)* bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, tổ chức kinh tế thực hiện dự án được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Kỳ Phùng

Người ký: BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Email: shtp@tphcm.gov.vn
Thời gian ký: 28.06.2024 13:41:57 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /GPMT-KCNC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UB ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội, Chỉ thị số 27-CT/TU của Thành ủy và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4945/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-KCNC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh tại Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường tại văn bản số 494/KCNC-QHXDMT ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam, họp ngày 15 tháng 4 năm 2024;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam tại văn bản số 01-CV/DATALOGIC ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ hoàn thiện kèm theo Văn bản số DLVN-2024008 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường tại Phiếu trình ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo số 62/BC-QHXDMT ngày 21 tháng 6 năm 2024 về kết quả thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Datalogic Việt Nam tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Công ty TNHH Datalogic Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306686509 được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày ngày 08 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 13 tháng 04 năm 2022.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8711760427 được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 4 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 0306686509.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay, thiết bị đọc mã vạch gắn cố định và máy tính di động.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư Nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích khu đất thực hiện cơ sở là : 21.429 m^2 (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866422 được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08 tháng 01 năm 2011).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: 1.300.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất sản phẩm: Quy trình sản xuất thiết bị đọc mã vạch: Bản mạch in điện tử → In kem hàn → Lắp linh kiện → Hàn linh kiện → Kiểm tra PCB → Hàn thủ công → Tải phần mềm → Giá lưu trữ → Kéo linh kiện → Lắp ráp đế thiết bị → Ráp phần mềm DLS → Đóng gói và lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3 Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ Quy chế Bảo vệ môi trường Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Thực hiện theo đúng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký đầu tư đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trường hợp có sự thay đổi, phải báo cáo Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh để được xem xét, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các hồ sơ pháp lý liên quan khác theo đúng quy định trước khi triển khai hoạt động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **7 năm** kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Datalogic Việt Nam;
- UBND TPHCM;
- Sở TN&MT TPHCM;
- UBND thành phố Thủ Đức;
- Các PTB (để biết);
- Văn phòng Ban Quản lý KCNC;
- BQLCDA;
- Ban biên tập trang thông tin SHTP (để đăng tải trang thông tin điện tử);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Y.11.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Anh Thi

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .05../GPMT-KCNC ngày 28 tháng 6. năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý không xả trực tiếp ra môi trường mà được đấu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao để tiếp tục xử lý).

Nước thải của cơ sở sau xử lý sơ bộ được đấu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải, đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 07/HĐ-BQLCDA-XLNT ngày 01 tháng 6 năm 2017 với Ban quản lý các dự án Đầu tư – Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (là đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh được phân công phụ trách quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn thải 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt khoảng 27,38 m^3/ngày được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tổng thể tích 76,44m^3 (Khu vực nhà vệ sinh trong nhà xưởng và khu vực nhà vệ sinh trong văn phòng sẽ thu về 05 bể tự hoại với tổng thể tích 54,60 m^3 (thể tích mỗi bể 10,92 m^3/bể), Khu vực nhà vệ sinh trong nhà ăn sẽ thu về 02 bể tự hoại với tổng thể tích 21,84 m^3 (thể tích mỗi bể 10,92 m^3/bể)) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Nguồn thải 02: Nước thải phát sinh từ nhà ăn khoảng 17,92 m^3/ngày sau khi qua bể tách dầu (01 bể tách mỡ, thể tích 4,5 m^3) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

- Nguồn thải 03: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm 0,05 m^3/tháng được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

Nước thải phát sinh tại cơ sở (nguồn thải 01, 02 và 03) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở công suất 70 m^3/ngày.đêm để xử lý. Chất lượng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đảm bảo đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao được ban hành theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao thông qua 01 điểm đấu nối trên đường N3. Vị trí đấu nối nước thải tại hố ga đấu nối trên đường N3 với tọa độ X = 1.199.588; Y = 615.428 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0 45'$, múi chiếu 3^0).*

- Nguồn thải 04: Nước thải phát sinh từ hệ thống Chiller khoảng 0,5 m^3/ 3 tháng/lần được thu gom vào các phuy nhựa với dung tích 1m^3/thùng có nắp đậy và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại, tần suất thu gom 3 tháng/lần.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 70m^3/ngày.đêm, quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí Biofor MBBR → Bể lắng II → Bể khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao tại 01 hố ga đấu nối trên đường N3 với tọa độ X = 1.199.588; Y = 615.428 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^0 45'$, múi chiếu 3^0).

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại.

- Bố trí nhân viên quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo tập huấn đầy đủ các nội dung vận hành hệ thống, ứng phó sự cố. Thực hiện đúng quy trình vận hành đã được ban hành.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, quy trình, công suất; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn. Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ.

- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m^3/ngày.đêm của cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp văn bản số 9205/STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc thông báo kết quả kiểm tra vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam". Do đó, cơ sở không tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m^3/ngày.đêm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu Công nghệ cao để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05../GPMT-KCNC ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01 đến nguồn số 28: Khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện (tương ứng khí thải được thu gom từ chụp hút số 1 đến số 28).

- Nguồn số 29: Khí thải phát sinh từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn.

- Nguồn số 30: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn, lắp ráp tại tầng lửng.

- Nguồn số 31: Khí thải phát sinh từ máy phát điện - công suất phát điện 40KVA (chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện).

- Nguồn số 32: Khí thải phát sinh từ máy phát điện - công suất phát điện 65KVA (chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện).

- Nguồn số 33 đến nguồn số 75: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thủ công (tương ứng máy hàn tay có tích hợp thiết bị xử lý khói hàn số 1 đến số 42, không có ống thải).

- Nguồn số 76: Khí thải phát sinh từ bơm PCCC sử dụng dầu DO (chỉ sử dụng khi có sự cố, không có ống thải).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Nằm trong khuôn viên Công ty TNHH Datalogic Việt Nam tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải số 01 của hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện - hệ thống số 1 (nguồn số 01 đến nguồn số 18), tọa độ vị trí xả khí thải số 01: X=1.198.672; Y=615.875.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải số 02 của hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện - hệ thống số 1 (nguồn số 01 đến nguồn số 18), tọa độ vị trí xả khí thải số 02: X=1.199.688; Y=615.886.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí thải số 03 của hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện - hệ thống số 2 (nguồn số 19 đến nguồn số 28), tọa độ vị trí xả khí thải số 03: X=1.199.992; Y=615.676.

- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với ống thoát khí thải số 04 của hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện - hệ thống số 2 (nguồn số 19 đến nguồn số 28), tọa độ vị trí xả khí thải số 04: X=1.199.831; Y=615.546.

- Dòng khí thải số 05: Tương ứng với ống thoát khí thải số 05 của hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn (nguồn số 29), tọa độ vị trí xả khí thải số 05: X=1.199.845; Y=615.096.

- Dòng khí thải số 06: Tương ứng với ống thoát khí thải số 06 của hệ thống thu gom khí thải từ công đoạn hàn, lắp ráp tại tầng lửng (nguồn số 30), tọa độ vị trí xả khí thải số 06: X=1.198.792; Y=615.658.

- Dòng khí thải số 07: Tương ứng với ống thoát khí thải số 07 của thiết bị thu gom khí thải từ máy phát điện dự phòng - công suất phát điện 40KVA (nguồn số 31), tọa độ vị trí xả khí thải số 07: X=1.199.627; Y=615.516

- Dòng khí thải số 08: Tương ứng với ống thoát khí thải số 08 của thiết bị thu gom khí thải từ máy phát điện dự phòng - công suất phát điện 65KVA (nguồn số 32), tọa độ vị trí xả khí thải số 08: X=1.199.700; Y=615.489.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: (nguồn số 01 đến nguồn số 18) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 4.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 02: (nguồn số 01 đến nguồn số 18) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 4.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 03: (nguồn số 19 đến nguồn số 28) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là. 4.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 04: (nguồn số 19 đến nguồn số 28) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 4.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 05: (nguồn số 29) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 165 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 06: (nguồn số 30) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 1.600 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 07: (nguồn số 31) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 414 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 08: (nguồn số 32) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 624 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 - 06: xả liên tục 24/24 giờ.

- Dòng khí thải số 07 - 08: xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 1, K_v = 1) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn		Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT		
I	**Dòng thải số 01, 02, 03, 04, 06**				Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Chủ cơ sở tự đề xuất quan trắc với tần suất 03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	-		
2	Bụi	mg/Nm^3	**200**	-		
II	**Dòng thải số 05**					
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	-		
2	n-Propanol	mg/Nm^3	-	**980**		
III	**Dòng khí thải số 07, 08**					
1	Bụi	mg/Nm^3	**200**	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01 đến nguồn số 28: Khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện được thu gom về 02 hệ thống xử lý khí thải bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính (nguồn số 01 đến nguồn số 18 thu về hệ thống số 01, nguồn số 19 đến nguồn số 28 thu về hệ thống số 02) và thoát ra môi trường qua 04 ống thải (mỗi hệ thống có 02 ống thải), mỗi ống thải cao 3m (tính từ phần thông tầng).

- Nguồn số 29: Khí thải phát sinh từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn được thu gom bằng chụp hút về thiết bị xử lý khí thải cục bộ bằng than hoạt tính có tích hợp quạt hút và thoát ra môi trường qua ống thải cao 3m (tính từ phần thông tầng).

- Nguồn số 30: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, lắp ráp tại tầng lửng được thu gom bằng chụp hút và thoát ra môi trường qua ống thải cao 1,5 m (tính từ phần thông tầng).

- Nguồn số 31 và nguồn số 32: Khí thải phát sinh từ máy phát điện - công suất phát điện 40KVA và công suất phát điện 40KVA (chỉ sử dụng khí có sự cố) được thu gom và thoát ra môi trường qua 02 ống thải, mỗi ống thải cao 2,3m (tính từ mặt đất).

- Nguồn số 33 đến nguồn số 75: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thủ công sử dụng 42 máy hàn tay có tích hợp thiết bị tích hợp xử lý khí thải cục bộ, khí sạch được thoát ra môi trường lao động.

- Nguồn số 76: Khí thải phát sinh từ bơm PCCC sử dụng dầu DO (chỉ sử dụng khí có sự cố) được thoát trực tiếp ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống thoát khí dòng khí thải số 01, 02 03, 04 (tương ứng với nguồn số 01 đến nguồn số 28):

Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải.

Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí dòng khí thải số 01, 02, 03, 04: Quạt hút có lưu lượng 4.000m^3/giờ, 04 ống thoát khí thải có đường kính 0,3m, chiều cao 3m (tính từ phần thông tầng).

1.2.2. Hệ thống thoát khí dòng khí thải số 05 (tương ứng nguồn số 29):

Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Thiết bị xử lý khí thải cục bộ có tích hợp quạt hút → Hệ thống đường ống → Ống thải.

Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí dòng khí thải số 05: Quạt hút có lưu lượng 165 m^3/giờ, 01 ống thoát khí thải có đường kính 0,3m, chiều cao 3m (tính từ phần thông tầng).

1.2.3 Hệ thống thoát khí dòng khí thải số 06 (tương ứng nguồn số 30):

Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Hệ thống chụp hút → Quạt hút → Ống thải.

Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí dòng khí thải số 06: Quạt hút có lưu lượng 1.600m^3/giờ, 01 ống thoát khí thải có đường kính 0,35m, chiều cao 1,5m (tính từ phần thông tầng).

1.2.4 Hệ thống thoát khí dòng khí thải số 07 và 08 (tương ứng nguồn số 31, 32):

Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → Ống thải.

Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí dòng khí thải số 07: Quạt hút có lưu lượng 414 m^3/giờ, 01 ống thoát khí thải có chiều dài 0,4m, rộng 0,4m, cao 2,3m (tính từ mặt đất) chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện.

Thông số kỹ thuật hệ thống thoát khí dòng khí thải số 08: Quạt hút có lưu lượng 624 m^3/giờ, 01 ống thoát khí thải có chiều dài 0,4m, rộng 0,4m, cao 2,3m (chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống đường ống, hệ thống xử lý bụi, khí thải và quạt hút để kịp thời phát hiện những sự cố có thể xảy ra.

- Kiểm định, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị sản xuất thường xuyên, đảm bảo hoạt động đúng quy trình nhà sản xuất đưa ra.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng. Tạm ngừng các công đoạn hoạt động có phát sinh khí thải chờ khắc phục xong sự cố mới tiếp tục hoạt động.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: 60 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện (hệ thống số 1), công suất 4.000 m^3/giờ (dòng khí thải số 01, 02).

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện (hệ thống số 2), công suất 4.000 m^3/giờ (dòng khí thải số 03, 04).

- Hệ thống xử lý khí thải từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn, công suất 165 m^3/giờ (dòng khí thải số 05).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 1, tọa độ vị trí xả khí thải số 01: X=1.198.672; Y=615.875

- Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 2, tọa độ vị trí xả khí thải số 02: X=1.199.688; Y=615.886

- Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 3, tọa độ vị trí xả khí thải số 03: X=1.199.992; Y=615.676

- Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 4, tọa độ vị trí xả khí thải số 04: X=1.199.831; Y=615.546

- Ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tương ứng với dòng khí thải số 5, tọa độ vị trí xả khí thải số 05: X=1.199.845; Y=615.096.

(*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này.

- Thông số: Lưu lượng, bụi (tương ứng với dòng khí thải số 01, 02, 03, 04).

- Thông số: Lưu lượng, n-Propanol (tương ứng với dòng khí thải số 05).

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (Kp=1; Kv=1) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hưu cơ - QCVN 20:2009/BTNMT.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 01 mẫu tổ hợp được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải) trong 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích 01 mẫu đơn được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải) trong 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn hiệu chỉnh.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm cac công trình xử lý bụi, khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc bụi, khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý khí thải gửi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Các ống thoát khí thải (sau hệ thống xử lý khí thải) phải có vị trí lấy mẫu và sàn công tác theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng.

3.6. Đảm bảo khí thải phát sinh tại cơ sở phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 1; Kv = 1) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các hợp chất hữu cơ.

3.7. Khí thải phát sinh từ 02 máy phát điện dự phòng và 01 bơm PCCC sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường có sự cố, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.8. Đối với các nguồn phát sinh khí thải không có hệ thống xử lý khí thải, khuyến nghị Công ty có biện pháp quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm (theo đặc điểm, tính chất của nguồn thải) để chứng minh đảm bảo không vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải.

3.9. Cơ sở Công ty TNHH Datalogic Việt Nam chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15../GPMT-KCNC ngày 28 tháng 6. năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung 70 m^3/ngày.
- Nguồn số 02: Hoạt động của thiết bị, máy móc sản xuất tại khu xưởng.
- Nguồn số 03: Hoạt động của bơm PCCC (chỉ hoạt động khi có sự cố).
- Nguồn số 04: Hoạt động của máy phát điện - công suất phát điện 40KVA.
- Nguồn số 05: Hoạt động của máy phát điện - công suất phát điện 65KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.199.589; Y = 615.420.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.199.660; Y = 615.506.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.199.592; Y = 615.453.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1.199.787; Y = 615.524.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1.199.295; Y = 615.473.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 24:2016/BYT Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn theo QCVN 24:2016/BYT Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc:

TT	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn trong 8 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	Không	*Tại nơi làm việc*

3.2. Tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	*Khu vực thông thường*

3.3. Độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bệ máy kiên cố. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

1.2. Thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín), lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su chống rung.

1.3. Trong quá trình hoạt động sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy.

1.4. Trong suốt quá trình hoạt động, tiếp tục duy trì các biện pháp giảm thiểu nêu trên và thường xuyên có kế hoạch giám sát định kỳ để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm do tiếng ồn gây ra.

1.5. Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để giảm thiểu tiếng ồn và đảm bảo điều kiện vi khí hậu

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số .05../GPMT-KCNC ngày 21 tháng 6. năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay thải	Rắn	18 02 01	KS	210
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	lỏng	17 02 03	NH	544
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính khác thải	Rắn	16 01 06	NH	121
4	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	7
5	Bao bì mềm thải có dính thành phần nguy hại thải	Rắn	18 01 01	KS	3.215
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa có dính thành phần nguy hại thải	Rắn	18 01 03	KS	1.734
7	Thiết bị linh kiện điện tử thải	Rắn	19 02 06	NH	395
8	Bảng mạch in điện tử thải	Rắn	19 02 01	KS	82
9	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi khác	Lỏng	17 08 03	NH	32
10	Nước xả cặn từ hệ thống Chiller	Lỏng	19 10 01	KS	2.000
11	Hộp mực in có thành phần nguy hại thải	Rắn	08 02 04	KS	15
12	Xỉ hàn	Rắn	07 04 02	KS	9
13	Than từ HTXL khí thải	Rắn	12 01 04	NH	395

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
14	Tấm pin năng lượng mặt trời thải	Rắn	19 02 08	KS	135
	Tổng				**8.893**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy carton thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	251.427
2	Paller gỗ thải	Rắn	18 01 07	TT-R	1.610
3	Phụ tùng đúc nhựa, cao su thải không dính thành phần nguy hại	Rắn	12 08 06	TT-R	5.209
4	Phụ tùng kim loại thải	Rắn	19 02 07	TT-R	3.003
5	Phụ tùng thủy tinh và phụ tùng quang thải	Rắn	20 02 07	TT-R	591
6	Phụ tùng khác thải	Rắn	19 02 07	TT-R	11
7	Bao bì đóng gói và nhãn dán thải	Rắn	18 01 05	TT-R	1.776
8	Bao bì nhựa các loại không dính các tạp chất chứa thành phần nguy hại thải	Rắn	18 01 06	TT-R	5.282
9	Bùn từ HTXL nước thải	Bùn	12 06 12	TT	7.651
	Tổng				**276.561**

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt (thức ăn thừa, rau củ quả thừa, hộp xốp đựng thức ăn,...)	105
Tổng khối lượng		**105**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng phuy có nắp đậy (14 thùng loại 120 lít , 02 thùng loại 1m^3 và các bao PP chống thấm) bên ngoài được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 18 m^2.

- Vị trí bố trí: được đặt tách riêng bên ngoài của nhà xưởng sản xuất, trong khuôn viên cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được bố trí có nền bê tông chống thấm, có gờ chống tràn chất thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong phòng chứa, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo; trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng phuy có nắp đậy (9 thùng loại 240 lít, 9 thùng loại 660 lít), bên ngoài được dán tên, mã chất thải công nghiệp thông thường và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 30 m^2.

- Vị trí bố trí: được đặt tách riêng bên ngoài của nhà xưởng sản xuất, trong khuôn viên cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo: phòng chứa chất thải công nghiệp thông thường được bố trí có nền bê tông chống thấm, có mái che, có cửa khóa, có biển cảnh báo đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị 10 thùng chứa có dung tích 60 lít đặt tại khu vực nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn,...; 5 thùng chứa dung tích 240 lít đặt tại khuôn viên, khu tập trung chất thải của Cơ sở.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 12 m^2.

- Vị trí bố trí: được đặt tách riêng bên ngoài của nhà xưởng sản xuất, trong khuôn viên cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo: Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt có nền bê tông, mái che.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển xử lý đối với chất thải phát sinh tại cơ sở theo đúng quy đinh hiện hành, đảm bảo tần suất thu gom.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b

khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05../GPMT-KCNC ngày 28 tháng 2 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên qua.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết./.

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 95 /KCNC-QHXDMT

V/v thông báo kết quả kiểm tra công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Giấy phép môi trường số 05/GPMT-KCNC ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đối với cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ Cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam tại Công văn số DLVN-2024012 ngày 29 tháng 8 năm 2024, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 421/QĐ-KCNC ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc cử cán bộ, công chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra thực tế các công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm vào ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải số DLVN-20250010 ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam gửi đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14 tháng 01 năm 2025, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kết quả kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của cơ sở "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam như sau:

1. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã hoàn thành xây dựng, lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m^3/ngày.đêm, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kết quả kiểm tra vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại Công văn số 9205/STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 12 năm 2021.

2. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã hoàn thành xây dựng, lắp đặt 03 hệ thống xử lý khí thải theo như Giấy phép môi trường số 05/GPMT-KCNC ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- 02 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện công suất 4.000 m^3/giờ/hệ thống, quy trình xử lý: Khí thải → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải (đường kính D300 mm, cao 3m tính từ phần thông tầng).

- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn công suất 165 m^3/giờ, quy trình xử lý: Khí thải → Thiết bị xử lý khí thải cục bộ có tích hợp quạt hút → Hệ thống đường ống → Ống thải (đường kính D180 mm, cao 3m tính từ phần thông tầng).

- Vị trí xả khí thải: trong khuôn viên Công ty TNHH Datalogic Việt Nam tại F04, Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

+ Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện (dòng khí thải số 01). Tọa độ vị trí xả khí thải X = 1.198.672; Y = 615.875.

+ Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện (dòng khí thải số 2). Tọa độ vị trí xả khí thải X = 1.199.688; Y = 615.886.

+ Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện (dòng khí thải số 3). Tọa độ vị trí xả khí thải X = 1.199.992; Y = 615.676.

+ Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện (dòng khí thải số 4). Tọa độ vị trí xả khí thải X = 1.199.831; Y = 615.546.

+ Ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn (dòng khí thải số 5). Tọa độ vị trí xả khí thải X = 1.199.845; Y = 615.096.

- Khí thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K_p= 1; K_v=1) và QCVN 20:2009/BTNMT.

- Theo Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải số DLVN-20250010 ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam gửi đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 14 tháng 01 năm 2025: hệ thống xử lý khí thải đang vận hành liên tục và ổn định; chất lượng khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải nêu trên đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K_p= 1; K_v=1) và QCVN 20:2009/BTNMT.

- Theo kết quả kiểm tra của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh: tại thời điểm kiểm tra, 02 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện công suất 4.000 m^3/giờ/hệ thống và 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ tủ hút IPA công suất 165 m^3/giờ của quá trình rửa khuôn đang vận hành thử nghiệm giai đoạn vận hành ổn định. Quy trình công nghệ, vị trí xả thải, nguồn tiếp nhận không thay đổi so với Giấy phép môi trường đã cấp; Công ty đã lập Nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải; kết quả phân

tích mẫu số: 607-2024-00003941, 607-2024-00003942, 607-2024-00003943, 607-2024-00003944, 607-2024-00003945 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường thực hiện theo Biên bản lấy mẫu ngày 19 tháng 12 năm 2024 cho thấy chất lượng khí thải sau xử lý tại đầu ra của 02 hệ thống xử lý xử lý khí thải phát sinh từ quá trình in kem hàn và quá trình hàn linh kiện và đầu ra của 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ tủ hút IPA của quá trình rửa khuôn đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K_p= 1; K_v=1) và QCVN 20:2009/BTNMT.

3. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý chất thải theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-KCNC. Đề nghị Công ty TNHH Datalogic Việt Nam tiếp tục thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường đã được cấp, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định pháp luật khác liên quan; báo cáo kịp thời về Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thông báo nội dung nêu trên đến Công ty TNHH Datalogic Việt Nam biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND TP.HCM;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Thủ Đức;
- Các PTB;
- BQLCDA;
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Y.9.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Kỳ Phùng

Cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Thành phố Hồ Chí Minh
Email: stnmt@tphcm.gov.vn
Thời gian ký: 29.12.2021 10:10:07 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 9205/STNMT-CCBVMT

V/v thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường đối với dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" (gọi tắt là Dự án) của Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 281/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án như sau:

- *Về pháp lý môi trường*, Dự án được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 7 năm 2016, Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 05 tháng 6 năm 2015 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án và điều chỉnh nâng công suất giai đoạn 1 – khu A lên 1.300.000 sản phẩm/năm; Công văn số 8282/STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 8 năm 2018 về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải công suất 70m^3/ngày.

- *Về hiện trạng của dự án:* Đối với các công trình hiện hữu tại giai đoạn 1 – khu A đang hoạt động sản xuất với quy mô công suất 1.300.000 sản phẩm/năm và dự kiến giai đoạn 2 – khu B sẽ được triển khai thực hiện tại tầng 1, giai đoạn 1 – khu A đã được Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2085/STNMT-CCBVMT ngày 26 tháng 3 năm 2021 hướng dẫn thực hiện. Công ty đã đầu tư, xây dựng mới khu nhà ăn, hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày và các công trình xử lý chất thải khác có liên quan, cụ thể:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải: Công ty đã tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải, cụ thể:

- *Đối với nước mưa*: Nước mưa được thu gom về hệ thống thoát nước trong khuôn viên và được dẫn vào hệ thống thu gom, thoát nước của Khu công nghệ cao.

- *Đối với nước thải:* phát sinh từ hoạt động của nhân viên, quá trình vệ sinh nhà xưởng, khu nhà ăn (căn tin). Công ty đã đầu tư và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày với quy trình, cụ thể: Nước thải → Bể điều hoà → Bề sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí Biofor MBBR → Bể lắng II → Bể khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao.

Theo Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án, cho thấy:

- Các loại hoá chất được sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải, cụ thể: hoá chất khử trùng là Chlorin (0,69 kg/ngày) được sử dụng tại bể khử trùng

- Công ty đã vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (công suất 70m^3/ngày.đêm) và theo kết quả thử nghiệm nước thải (từ ngày 28/7 đến ngày 03/8/2021) do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Môi trường Tân Huy Hoàng tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải tại đầu ra hệ thống trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu công nghệ cao, cho thấy: các thông số, chỉ tiêu đạt giới hạn tiếp nhận Khu Công nghệ cao.

Theo kết quả phân tích chất lượng nước thải (mẫu đối chứng), số 809-11/21-6.2/KQPT ngày 30 tháng 11 năm 2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động thực hiện lấy mẫu ngày 23 tháng 11 năm 2021, chất lượng nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (*theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh*).

2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải: Trong quá trình hoạt động sản xuất, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn (khói hàn). Công ty đã xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình xử lý, như sau: Hơi khói hàn → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống khói.

3. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Công ty có bố trí khu lưu chất thải với diện tích là 30m^2 và ký hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Môi trường Việt Xanh thu gom và xử lý (*theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021*).

4. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp số đăng ký Chủ nguồn thải chất thai nguy hại, mã số QLCTNH 79.001337.T cấp ngày 15 tháng 6 năm 2012 (cấp lần 3). Công ty có bố trí khu lưu chất thải nguy hại với diện tích là 18m^2 và ký hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Môi trường Việt Xanh thu gom, vận

chuyển và xử lý (*theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021*).

5. **Đối với công trình quản lý chất thải khác (rác thải sinh hoạt,...):** Công ty có bố trí khu lưu chất thải với diện tích là 12m^2 và ký hợp đồng với Công ty TNHH Xử lý Môi trường Việt Xanh thu gom và xử lý (*theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021*).

6. **Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:** Công ty đã nêu rõ các biện pháp phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải và nước thải, phòng ngừa sự cố tràn đổ, rò rỉ hoá chất và biện pháp an toàn lao động.

Căn cứ kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Dự án như nêu trên, cho thấy Dự án đã đủ điều kiện để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH Datalogic biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BQL. Khu Công nghệ cao;
- Phòng TNMT thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VT, CCBVMT, KSON. V(06).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thanh Mỹ

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

79 26833 11 005121

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

CÔNG TY TNHH DATALOGIC SCANNING VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000028 do Ban Quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô I-4b, Khu công nghệ cao, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

M.S.D.N: 0306868548 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BD 866422

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 304 Tờ bản đồ số: 43, 44.

b) Địa chỉ: phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

c) Diện tích: 21.429 m^2, (bằng chữ: Hai mươi mốt ngàn bốn trăm hai mươi chín mét vuông).

d) Hình thức sử dụng: riêng: 20.599,7 m^2, chung: 829,3 m^2.

đ) Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp.

e) Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 11/12/2053.

g) Nguồn gốc sử dụng đất: Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao (Ban Quản lý Khu công nghệ cao TP. HCM).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: **NHÀ XƯỞNG.**

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2)	Kết cấu chủ yếu	Cấp CT	Số tầng	Năm HT xây dựng
1) Nhà xưởng	8640	8640	Tường gạch + tôn có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, mái tôn	-/-	1	-/-
2) Nhà Văn phòng	1632	3228	Tường gạch, khung sàn mái BTCT	-/-	2	-/-

Thời hạn sở hữu: Đến ngày 11/12/2053.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Giấy chứng nhận này được cấp do nhận chuyển nhượng theo hồ sơ số 007524, để thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT00041 ngày 08/02/2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.
- Khi hết hạn thuê đất, việc xử lý về sở hữu công trình xây dựng trên đất thuê được giải quyết theo quy định pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2014

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đào Anh Kiệt

Số vào sổ cấp GCN: CT05038

III- Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

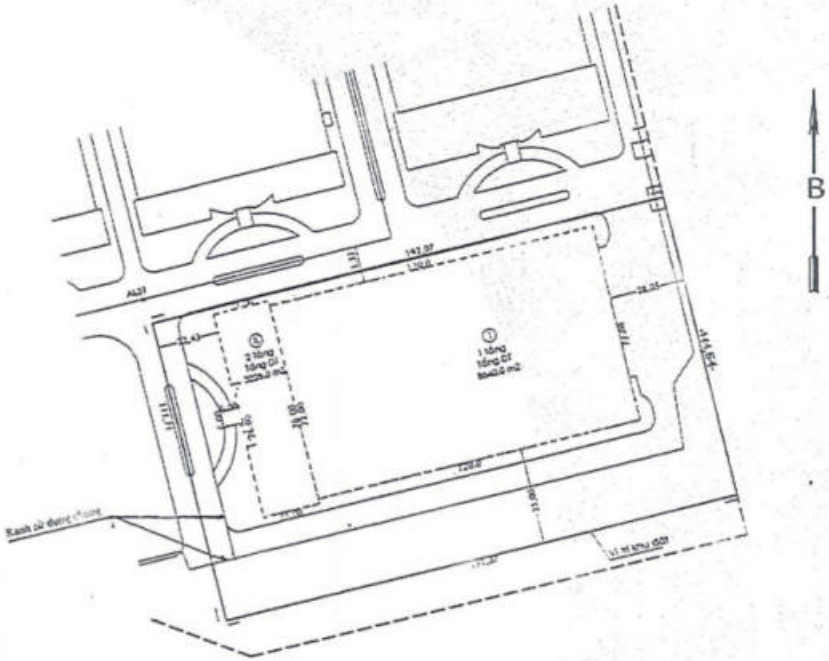

Phần chi tiết xem bản đồ hiện trạng - bản đồ vị trí số 7696/ĐĐ-GĐ-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 20/7/2009.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Uy Ban Nhân Dân
Thành Phố Hồ Chí Minh

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

Số: 04 /GPXD/QHXD-KCNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Xây dựng mới	x
Cải tạo, sửa chữa	

1. Cấp cho : **Công ty TNHH Sài Gòn Allied Technologies.**
2. Trụ sở : *Lô I4 F04 - Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9 – thành phố Hồ Chí Minh.*

   Điện thoại: 94-8-7330890 Số fax: 84-8-7330889
3. Được phép xây dựng công trình: **NHÀ XƯỞNG.**
4. Theo thiết kế có ký hiệu: **F-04 – WARE HOUSE**, gồm 07 bản vẽ:
   AL-A-F04-PL-01(02,03)-R1; AL-A-F04-EL-01(02)-R1; AL-A-F04-SE-01-R1
5. Đơn vị thiết kế: **Công ty TNHH TVXD Sài Gòn (SCC)**
   - Gồm các hạng mục sau đây:
     + Kết cấu công trình:
       - Nhà xưởng F01 (01 tầng) có kết cấu chính bằng bêtông cốt thép (BTCT), tường gạch kết hợp tole có lớp cách nhiệt, mái lợp tole có lớp cách nhiệt, vì kèo thép, sàn nền BTCT trên hệ móng cọc BTCT.
       - Khu văn phòng (02 tầng) có kết cấu chính bằng BTCT, tường gạch, mái bằng BTCT.

     + Chiều cao từng tầng: so với nền nhà là:
       - Khu nhà xưởng (01tầng): cao từ 11~ 17,5m.
       - Khu văn phòng (02 tầng) : tầng 1: cao 6m; tầng 2: cao 5m.

     + Chiều cao toàn công trình : so với nền nhà là: 17,5m.
     + Diện tích xây dựng: (21x76) + (8x15x72) + (6x6)) = 10.272m^2.
     + Diện tích sàn xây dựng: 11.868m^2.
   - Trên lô đất: I4 giai đoạn I là 10.000m^2, đường Lê Văn Việt - Phường Long Thạnh Mỹ- Q.9 - TP.HCM.
   - Cao độ nền: cao độ chuẩn là cao độ mặt đường trong Khu I4 (cổng: +2.65 (tim đường))
   - Chỉ giới xây dựng: cách tường rào đường Lê Văn Việt 35m, và theo định vị của quy hoạch chi tiết 1/500.
6. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số 03/HĐTĐ/KCNC-2003 ngày 11/12/2003.
7. Thời gian hoàn thành công trình dự kiến là 12 tháng, kể từ ngày khởi công xây dựng.
8. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp giấy phép xây dựng, quá thời hạn trên thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn.

TP.HCM, ngày 20 tháng 10 năm 2004

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Trần Đức Dũng

TRƯỞNG BAN

Phạm Chánh Trực

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 04 /GPXD-KCNC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 9 năm 2013

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam

- Địa chỉ: Lô I-4a, F04, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9

- Số điện thoại: (84 8) 37308481

2. Được phép xây dựng công trình: Cổng, Hàng rào và Nhà bảo vệ

- Theo thiết kế có ký hiệu: Từ KT-01/05 đến KT-05/05; KC-01/05 đến KC-05/05

- Do Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế KTS lập.

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Vị trí xây dựng: Lô I-4a, F04, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 9. Diện tích khu đất: 21.429 m^2.

+ Cốt nền xây dựng công trình: Lấy cốt nền hoàn thiện tầng 1 Nhà bảo vệ làm chuẩn, cao hơn cốt vỉa hè đường N3 nối dài 0,55m.

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo ranh được xác định trên bản vẽ mặt bằng Cổng, Hàng rào.

+ Màu sắc công trình: Màu sáng phù hợp hài hòa với cảnh quan kiến trúc chung

+ Tổng diện tích xây dựng tầng một: 13,85m2.

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 13,85m2

+ Chiều cao công trình so với cốt hoàn thiện tầng 1: 3,1m

+ Các hạng mục công trình:

a) Nhà bảo vệ: Diện tích tầng 1: 13,85m2; diện tích sàn xây dựng: 13,85m2; số tầng: 01; chiều cao: 3,1m.

b) Hàng rào và Cổng: Dài 85,5m

c) Bể tự hoại: 1,2m x 2,0m x 1,3m = 3,12 m3

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Hợp đồng thuê đất số 39/HĐTĐ/KCNC-2010 ngày 31/8/2010; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 866422 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/01/2011.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000028 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp cho Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam ngày 08/01/2009.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như Mục 1.;
- Sở XD (bản sao);
- UBND Quận 9 (bản sao);
- Lưu: VT, P. QHXDMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

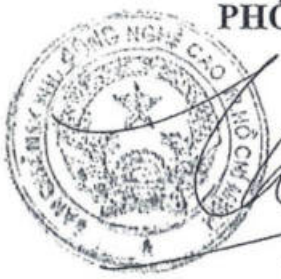

Lê Thành Đại

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo ngày khởi công công trình đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao trước khi thi công công trình.

4. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...). Nước thải từ bể tự hoại phải đấu nối với cống thoát nước thải đổ vào hệ thống chung của Khu Công nghệ cao.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 09 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam

Địa chỉ: F04-Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà ăn công nhân – Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

- Số lượng bản vẽ thiết kế gồm 28 bản vẽ, theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: M-01; KT-01/37 đến KT-08/37; KT-22/37 đến KT-24/37; KT-33/37 đến KT-37/37; KC-01/36 đến KC-02/36; KC-06/36 đến KC-09/36; KC-32/36 đến KC-36/36 do Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thành An lập tháng 7/2018.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: F04-Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cốt cao độ nền xây dựng công trình (Nhà ăn công nhân) là ±0.000: Tương đương với cốt cao độ +3,100 theo hệ Hòn Dấu – Hải Phòng, cao hơn +0,600 so với cốt cao độ lề Đường N3 nối dài điểm gần công trình nhất là +2,500 theo hệ Hòn Dấu – Hải Phòng.

+ Mật độ xây dựng toàn dự án: 49,99% (Trong đó diện tích chiếm đất là 10.712,0m^2). Diện tích xây dựng mới là 440,0m^2.

+ Hệ số sử dụng đất toàn dự án là 0,61 (Diện tích xây dựng mới là 440,0m^2).

+ Chỉ giới đường đỏ:

• Trùng ranh lộ giới Đường N3 nối dài.

• Trùng ranh giao đất.

+ Chỉ giới xây dựng:

• Mặt tiếp giáp Đường N3: Cách ranh giao đất tối thiểu 15m.

• Mặt tiếp giáp Đường N3 nối dài: Cách ranh giao đất tối thiểu 15m.

+ Màu sắc công trình: Màu sắc phù hợp và hài hòa với cảnh quan kiến trúc chung.

+ Diện tích xây dựng toàn dự án (Tầng 1): 10.712,00m^2 (Trong đó diện tích xây dựng mới là 440m^2).

+ Tổng diện tích sàn xây dựng toàn dự án: 13.120,0m^2 (Trong đó diện tích sàn xây dựng mới là 1.252m^2).

+ Chiều cao công trình Nhà ăn công nhân (so với cốt nền vỉa hè Đường N3 nối dài): 17.35m.

+ Diện tích khu đất: 21.492,00m^2.

- Các hạng mục công trình:

2.1 Nhà ăn công nhân:

Diện tích xây dựng tầng 1: 400,0m^2; chiều cao công trình 16,75m, số tầng: 04; diện tích sàn xây dựng: 1.212,0m^2; diện tích chiếm đất: 400,0m^2.

2.2 Trạm bơm:

Diện tích xây dựng tầng 1: 16,0m^2; chiều cao công trình 3,25m, số tầng: 01; diện tích sàn xây dựng: 16,0m^2; diện tích chiếm đất: 16,0m^2.

2.3 Nhà vận hành xử lý nước thải:

Diện tích xây dựng tầng 1: 12,0m^2; chiều cao công trình 3,6m, số tầng: 01; diện tích sàn xây dựng: 12,0m^2; diện tích chiếm đất: 12,0m^2.

2.4 Nhà bảo vệ:

Diện tích xây dựng tầng 1: 12,0m^2; chiều cao công trình 3,6m, số tầng: 01; diện tích sàn xây dựng: 12,0m^2; diện tích chiếm đất: 12,0m^2.

2.5 Các công trình phụ khác:

- Bể nước ngầm: Diện tích 140,08m^2; thể tích 300m^3.

- Bể xử lý nước thải: Diện tích 48m^2; thể tích 96m^3.

3. Giấy tờ về pháp lý có liên quan:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CT05038 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/01/2011 cho Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam. Mục đích sử dụng là đất khu công nghiệp;

- Công văn số 864/KCNC-QHXDMT ngày 05/7/2018 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý) về việc chấp thuận Bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình và giải pháp hạ tầng kỹ thuật dự án "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam", Công văn số 1211/KCNC-QHXDMT ngày 13/9/2018 của Ban Quản lý về việc đính chính số liệu quy mô xây dựng công trình trong công văn chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình và giải pháp hạ tầng kỹ thuật dự án "Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại Lô F04-Lô I-4a, Khu Công nghệ cao Thành phố;

- Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30/7/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam. Công văn số 8282/STNMT-CCBVMT ngày 28/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 718/TD-PCCC ngày 23/5/2018 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng số 01/BCKT-KT ngày 13/8/2018 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

- Công văn số 1349/KCNC-QHXDMT ngày 05/10/2018 của Ban Quản lý về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công công trình Nhà ăn công nhân tại F04-Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Ghi chú: Chủ đầu tư phải thực hiện các yêu cầu sau:

- Chủ đầu tư phải thực hiện các yêu cầu tại Giấy chứng nhận số 718/ĐĐ-PCCC ngày 23/5/2018 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh; Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh môi trường tại Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30/7/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam. Công văn số 8282/STNMT-CCBVMT ngày 28/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

- Chủ đầu tư nghiên cứu sử dụng vật liệu không nung theo quy định tại Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ, Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng về Quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng.

- Nếu có tranh chấp khiếu nại về ranh đất Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trường hợp ranh khuôn viên đất hoặc khoảng cách đến các công trình lân cận có thay đổi, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép xây dựng cho phù hợp.

Nơi nhận:
- Như Mục 1;
- Sở Xây dựng (bản sao);
- Thanh tra Sở Xây dựng (bản sao);
- UBND Phường Long Thạnh Mỹ (bản sao);
- Lưu: VT, P.QHXDMT.Th.06.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Lê Thành Đại

252

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 593/QĐ-TNMT-QLMT	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2009*

CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;
- Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam tại F04, lô I-4a và lô I-4b Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, họp ngày 28/05/2009 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo văn bản giải trình số DLSVN - 2009020 ngày 26/06/2009 của Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam;
- Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Môi trường

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam của Công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án):

1.1 Dự án được triển khai trên khu đất có tổng diện tích 4ha bao gồm hai khu riêng biệt nhau, mỗi khu rộng 2ha tại F04, lô I-4a và lô I-4b Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, quận 9 thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Quy mô dự án bao gồm:

– Giai đoạn 1 - Khu A: Sửa chữa, đầu tư trang thiết bị sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định với tổng công suất 840.000 sản phẩm/năm. Quy trình sản xuất: Bản mạch in điện tử → thoa keo hàn → lắp linh kiện → lò hàn → kiểm tra ngoại quan → hàn các thiết bị đấu nối và

thiết bị xuyên lỗ → tải phần mềm → giá lưu trữ → lắp ráp đế thiết bị → ráp phần mềm DLS, kiểm tra → đóng gói, lưu kho.

- Giai đoạn 2 – Khu B: Xây dựng nhà xưởng, lắp đặt trang thiết bị sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định. Nâng tổng công suất sản phẩm lên 1.740.000 sản phẩm/năm.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau, bao gồm:

2.1 Giảm thiểu và xử lý ô nhiễm trong từng giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị; đảm bảo các tiêu chuẩn, qui định về bảo vệ môi trường đối với bụi, tiếng ồn, rung, khí thải, nước thải, chất thải rắn;

2.2 Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn quy định xả vào trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao;

2.3 Giảm thiểu và xử lý bụi, mùi, tiếng ồn, rung, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường;

2.4 Phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành trước khi dự án đi vào hoạt động;

2.5 Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ và an toàn trong sản xuất;

2.6 Thực hiện chương trình quản lý môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, báo cáo định kỳ 6 tháng/lần kết quả giám sát môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 của Chính phủ và Thông tư số 05/2008/TT-BTNMT ngày 08/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại Dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Cty TNHH Datalogic Scanning VN;
- UBND thành phố;
- UBND quận 9, P.TNMT quận 9;
- Ban QL KCN cao TPHCM;
- GĐ Sở (để báo cáo);
- Lưu VT, QLMT (TaP.8).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Văn Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3683/GXN-TNMT-CCBVMT	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2015*

GIẤY XÁC NHẬN

Việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại Khu công nghệ cao, quận 9

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại lô I-4 a&b Khu công nghệ cao, quận 9 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam thực hiện ngày 28/4/2014; Kết quả phân tích mẫu nước thải và khí thải ngày 21/01/2015 do Viện Nhiệt đới môi trường – Viện Khoa học – Công nghệ quân sự thực hiện.

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

XÁC NHẬN

Điều 1. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại lô I-4 a&b Khu công nghệ cao, quận 9, cụ thể:

1. Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao, quận 9.

Theo kết quả phân tích mẫu nước thải do Viện Nhiệt đới môi trường – Viện Khoa học – Công nghệ quân sự thực hiện ngày 21/01/2015, chất lượng nước thải của Công ty đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghệ cao, quận 9.

2. Đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống hút khói hàn ở các xưởng sản xuất, sau đó dẫn qua hệ thống lọc bằng than hoạt tính rồi thải ra môi trường.

Theo kết quả phân tích mẫu khí thải do Viện Nhiệt đới môi trường – Viện Khoa học – Công nghệ quân sự thực hiện ngày 21/01/2015 thực hiện, chất lượng khí thải tại các chụp hút khói hàn đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT - cột B.

3. Thực hiện phân loại, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại theo quy định, cụ thể:

- Bố trí riêng biệt khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp với Công ty TNHH SX-TM-DV Môi trường Việt Xanh.

- Đã thực hiện đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.001337.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/6/2012.

Điều 2. Công ty TNHH Datalogic Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bắt buộc sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" tại Khu công nghệ cao, quận 9 và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký. Giấy xác nhận này gồm 03 trang có đóng dấu giáp lai./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Văn Phước

Nơi nhận:
- Cty TNHH Datalogic VN;
- BQL Khu công nghệ cao, quận 9;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, P.KSON, P.TĐMT, CCBVMT (Ngân.08).

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 8282 /STNMT-CCBVMT
Về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Trả lời Công văn số DLVN-0218013 ngày 12/7/2018 và Công văn số DLVN-2018014 ngày 14/8/2018 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam về việc báo cáo xây dựng thêm nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành dự án. Qua rà soát các hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam tại địa chỉ số F04, Lô I-4a và lô I-4b Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30/7/2009 với quy mô gồm 02 khu riêng biệt nhau, mỗi khu rộng 02 ha cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1 – Khu A: Sửa chữa, đầu tư trang thiết bị sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định với tổng công suất 840.000 sản phẩm/năm. Quy trình sản xuất: Bản mạch in điện tử → thoa keo hàn → lắp linh kiện → lò hàn → kiểm tra ngoại quan → hàn các thiết bị đấu nối và thiết bị xuyên lỗ → tải phần mềm → giá lưu trữ → lắp ráp đế thiết bị → ráp phần mềm DLS, kiểm tra → đóng gói, lưu kho.

- Giai đoạn 2 – Khu B: Xây dựng nhà xưởng, lắp đặt trang thiết bị sản xuất thiết bị đọc mã vạch cầm tay và thiết bị đọc mã vạch cố định. Nâng tổng công suất sản phẩm lên 1.740.000 sản phẩm/năm.

Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 05/6/2015 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án với quy mô 1.300.000 sản phẩm/năm (quy mô thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30/7/2009 là điều chỉnh nâng công suất Giai đoạn 1 – Khu A lên 1.300.000 sản phẩm/năm đồng thời hoãn kế hoạch xây dựng Giai đoạn 2 – Khu B); theo đó, xác nhận nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được đấu nối vào hệ thống xử lý tập trung của Khu Công nghệ cao, Quận 9.

2. Theo giải trình tại của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam, bếp ăn hiện hữu của Công ty có diện tích 250 m^2 nằm trong tòa nhà hiện hữu và sát với dây chuyền sản xuất. Do đó, để tăng hiệu quả sản xuất và bảo vệ môi trường, Công ty xin bổ sung 02 hạng mục phụ trợ là xây dựng mới nhà ăn tại vị trí đất trống

trong khuôn viên Công ty để phục vụ cho 1.000 công nhân của Công ty và xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m^3/ngày để xử lý nước thải đạt quy chuẩn tiếp nhận của Khu Công nghệ cao; riêng về quy mô sản xuất và các nội dung khác không thay đổi.

3. Về mặt bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận đề nghị của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam về việc xây dựng 02 công trình phụ trợ trên; đồng thời, đề nghị Công ty thực hiện những nội dung sau:

- Việc xây dựng 02 hạng mục công trình phụ trợ phụ thuộc vào năng lực đầu tư Công ty và Công ty có trách nhiệm phải tuân thủ đúng quy định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp và thiết kế xây dựng đã được Khu Công nghệ cao thẩm định, phê duyệt đối với nội dung đầu tư xây dựng như trên.

- Nghiêm túc tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường, các nội dung khác của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30/7/2009 và Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 05/6/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam, nếu có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Công ty phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến Công ty TNHH Datalogic Việt Nam được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Quản lý Khu Công nghệ Cao;
- Lưu: VT, CCBVMT (2b). Quyên.04.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

Cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Thành phố Hồ Chí Minh
Email: stnmt@tphcm.gov.vn
Thời gian ký: 29.12.2021 10:10:07 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 9205/STNMT-CCBVMT

V/v thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường đối với dự án "Đầu tư xây dựng Công ty TNHH Datalogic Việt Nam" (gọi tắt là Dự án) của Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 281/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án như sau:

- *Về pháp lý môi trường*, Dự án được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 593/QĐ-TNMT-QLMT ngày 30 tháng 7 năm 2016, Giấy xác nhận số 3683/GXN-TNMT-CCBVMT ngày 05 tháng 6 năm 2015 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án và điều chỉnh nâng công suất giai đoạn 1 – khu A lên 1.300.000 sản phẩm/năm; Công văn số 8282/STNMT-CCBVMT ngày 28 tháng 8 năm 2018 về ý kiến đối với việc xây dựng nhà ăn và hệ thống xử lý nước thải công suất 70m^3/ngày.

- *Về hiện trạng của dự án:* Đối với các công trình hiện hữu tại giai đoạn 1 – khu A đang hoạt động sản xuất với quy mô công suất 1.300.000 sản phẩm/năm và dự kiến giai đoạn 2 – khu B sẽ được triển khai thực hiện tại tầng 1, giai đoạn 1 – khu A đã được Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2085/STNMT-CCBVMT ngày 26 tháng 3 năm 2021 hướng dẫn thực hiện. Công ty đã đầu tư, xây dựng mới khu nhà ăn, hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày và các công trình xử lý chất thải khác có liên quan, cụ thể:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải: Công ty đã tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải, cụ thể:

- *Đối với nước mưa*: Nước mưa được thu gom về hệ thống thoát nước trong khuôn viên và được dẫn vào hệ thống thu gom, thoát nước của Khu công nghệ cao.

- *Đối với nước thải:* phát sinh từ hoạt động của nhân viên, quá trình vệ sinh nhà xưởng, khu nhà ăn (căn tin). Công ty đã đầu tư và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải, công suất 70 m^3/ngày với quy trình, cụ thể: Nước thải → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí Anoxic → Bể sinh học hiếu khí Biofor MBBR → Bể lắng II → Bế khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao.

Theo Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án, cho thấy:

- Các loại hoá chất được sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải, cụ thể: hoá chất khử trùng là Chlorin (0,69 kg/ngày) được sử dụng tại bể khử trùng

- Công ty đã vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (công suất 70m^3/ngày.đêm) và theo kết quả thử nghiệm nước thải (từ ngày 28/7 đến ngày 03/8/2021) do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Môi trường Tân Huy Hoàng tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải tại đầu ra hệ thống trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước của Khu công nghệ cao, cho thấy: các thông số, chỉ tiêu đạt giới hạn tiếp nhận Khu Công nghệ cao.

Theo kết quả phân tích chất lượng nước thải (mẫu đối chứng), số 809-11/21-6.2/KQPT ngày 30 tháng 11 năm 2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động thực hiện lấy mẫu ngày 23 tháng 11 năm 2021, chất lượng nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh (*theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh*).

2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải: Trong quá trình hoạt động sản xuất, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn (khói hàn). Công ty đã xây dựng và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải với quy trình xử lý, như sau: Hơi khói hàn → Hệ thống chụp hút → Thiết bị hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống khói.

3. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Công ty có bố trí khu lưu chất thải với diện tích là 30m^2 và ký hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Môi trường Việt Xanh thu gom và xử lý (*theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021*).

4. Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp số đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 79.000337.T cấp ngày 15 tháng 6 năm 2012 (cấp lần 3). Công ty có bố trí khu lưu chất thải nguy hại với diện tích là 18m^2 và ký hợp đồng với Công ty TNHH Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ Môi trường Việt Xanh thu gom, vận

chuyển và xử lý (*theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021*).

5. Đối với công trình quản lý chất thải khác (rác thải sinh hoạt,...): Công ty có bố trí khu lưu chất thải với diện tích là 12m^2 và ký hợp đồng với Công ty TNHH Xử lý Môi trường Việt Xanh thu gom và xử lý (*theo Hợp đồng kinh tế số 166/2021/HĐKT/VX-DT ngày 12 tháng 3 năm 2021*).

6. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Công ty đã nêu rõ các biện pháp phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải và nước thải, phòng ngừa sự cố tràn đổ, rò rỉ hoá chất và biện pháp an toàn lao động.

Căn cứ kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Dự án như nêu trên, cho thấy Dự án đã đủ điều kiện để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH Datalogic biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BQL. Khu Công nghệ cao;
- Phòng TNMT thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VT, CCBVMT, KSON. V(06).

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Thanh Mỹ

CÔNG AN TP.HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC
Số : ...50.....PCCC/NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 1 năm 2005

GIẤY CHỨNG NHẬN
NGHIỆM THU HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

- Căn cứ Điều 3 Pháp lệnh Qui định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy và chữa cháy do Chủ tịch nước ký Lệnh ban hành ngày 4/10/1961.
- Căn cứ thông tư số 03-TT/LB ngày 3-11-1989 của liên Bộ Công an – Xây dựng "*Qui định chế độ an toàn phòng cháy chữa cháy, phòng nổ trong xây dựng công trình*"

Sau khi xem xét các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật hệ thống phòng cháy chống cháy của Chủ đầu tư công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu của Phòng cảnh sát PCCC lập ngày 31 tháng 1 năm 2005.

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC – CÔNG AN TP.HỒ CHÍ MINH CHỨNG NHẬN

Công trình :*Nhà xưởng F-01; F-02; F-03 và F-04- Sài Gòn ALLIED TECHNOLOGIES (giai đoạn I).*
Chủ đầu tư là : *Công ty TNHH Sài Gòn ALLIED TECHNOLOGIES.*
Xây dựng tại : *Khu công nghiệp cao đường Lê Văn Duyệt, quận 9,TP. Hồ Chí Minh.*

ĐÃ ĐƯỢC NGHIỆM THU HỆ THỐNG KỸ THUẬT PHÒNG CHỐNG CHÁY GỒM:

- *Bậc chịu lửa công trình.*
- *Khoảng cách an toàn PCCC.*
- *Hệ thống thoát nạn .*
- *Hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong nhà và ngoài nhà.*
- *Hệ thống chống sét.*
- *Hệ thống báo cháy tự động.*

Kèm theo các yêu cầu sau :

1- Chủ đầu tư và đơn vị tiếp nhận sử dụng phải duy trì sự hoạt động liên tục của các hệ thống PCCC và các điều kiện an toàn về PCCC như thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

2- Thành lập lực lượng PCCC cơ sở tại Công ty và phải được huấn luyện về nghiệp vụ PCCC theo quy định.

SAO Y BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2460 quyển số 01 TP/CC-SCT/SGT
Ngày 17 tháng 3 năm 2009
CHỦ TỊCH UBND-P.LONG THẠNH MỸ

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Cao Văn Hoàng

Nơi nhận :
- Như trên.
- Lưu PCCC (KT).

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC & CC TP.HCM
Số: 604/TD-PCCC (HDPC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

M.S.D.N: 0306686509 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số đơn ngày 26/03/2009

của: Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam.

Người đại diện là ông/ bà: John Burns. Chức danh Tổng Giám đốc.

(1) **SỞ CẢNH SÁT PC & CC TP.HCM**

CHỨNG NHẬN:

(2) **Cải tạo một phần nhà xưởng F04.**

Địa điểm: Lô I-4 Khu công nghệ cao, quận 9, TP.HCM.

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam.

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH TM DV XD Lập Thành.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

Chủ đầu tư phải thông báo tiến độ thi công công trình để được Sở Cảnh sát PC&CC TP.HCM kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2009

(4) **GIÁM ĐỐC**

THIẾU TƯỚNG Trần Triều Dương

Nơi nhận:
- Như trên;
- C23-BCA;
- Phòng CS PC&CC Q.9;
- Lưu: VT, HDPC.

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Kiến trúc liên quan đến PCCC.	DSMP 01 ÷ DSMP 04	
02	Hệ thống báo cháy tự động.	DSFA 01 ÷ DSFA 02	
03	Thuyết minh kỹ thuật.		

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC&CC TP.HỒ CHÍ MINH

Số: 675/CS PCCC TP - HDPC

Về việc nghiệm thu PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2009

Kính gửi: Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam

Theo thư mời ngày 29 tháng 5 năm 2009 về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Sở Cảnh Sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh lập ngày 25 tháng 6 năm 2009.

Sở Cảnh sát PC&CC TP. HCM đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình : Cải tạo một phần nhà xưởng F04

Chủ đầu tư : Công ty TNHH Data Logic Scanning Việt Nam

Xây dựng tại: Lô I-4 Khu công nghệ cao, quận 9, TP.Hồ Chí Minh

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm.

- Bậc chịu lửa công trình, giải pháp ngăn cháy và lối thoát nạn.
- Khoảng cách PCCC và giao thông phục vụ chữa cháy.
- Hệ thống báo cháy tự động.

Đồng thời cần thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 25 tháng 6 năm 2009.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và quy định về PCCC. Thực hiện đầy đủ các điều kiện về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục CS PCCC-BCA (báo cáo);
- Lưu: VT, HDPC(TD).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đại tá Trần Thanh Châu

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC&CC TP.HỒ CHÍ MINH

Số: 138 /NT-PCCC-P2

V/v nghiệm thu về PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2012

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM.

Theo Thư mời ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM về việc đề nghị nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh lập ngày 09 tháng 01 năm 2012.

Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình: Nâng tầng (đoạn trục 4-12); Cải tạo hệ thống PCCC tại nhà xưởng F-04.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM.

Xây dựng tại: Lô I-4a, Khu công nghệ cao, quận 9, TP.Hồ Chí Minh.

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Bậc chịu lửa công trình, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

Đồng thời cần thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy lập ngày 09 tháng 01 năm 2012.
- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và quy định về PCCC. Thực hiện đầy đủ các điều kiện về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục CS PCCC&CNCH-TC VII;
- Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 9;
- Lưu: VT, P2.

GIÁM ĐỐC

THIẾU TƯỚNG Trần Triều Dương

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính
Số chứng thực 008211 Quyển số SCT/BS
Ngày 11-01-2017
Phê duyệt UBND P. Nguyễn Cư Trinh

Nguyễn Hoàng Dũng

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC & CC TP.HCM

Số: 850/TD-PCCC (P2....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
Ban hành theo Thông tư số 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004
In năm 2010

M.S.D.N: 0305686509 - C.T.T.N.H.H - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01 ngày 20 / 4 / 2011

của: Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM

Người đại diện là ông/ bà: Trần Tiến Phát Chức danh Giám đốc điều hành

(1) **SỞ CẢNH SÁT PC & CC TP.HCM**

CHỨNG NHẬN:

(2) **Nâng tầng (đoạn trục 4 - 12); Cải tạo hệ thống PCCC tại Nhà xưởng F-04**

Địa điểm: Lô I - 4a, Khu Công Nghệ Cao quận 9, TP.Hồ Chí Minh.

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Datalogic Scanning VIET NAM

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH Quân và Cộng Sự.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, lối thoát nạn, giải pháp ngăn cháy;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và tự động Sprinkler;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chống sét đánh thăng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) 1/ Cột thép chịu lực của khu vực xưởng nâng tầng (đoạn trục 4-5) phải được ốp bảo vệ bằng vật liệu chống cháy đảm bảo giới hạn chịu lửa tối thiểu R90. 2/ Tường công trình trục 4 phải là tường ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu là REI 150, cửa trên tường ngăn cháy phải có giới hạn chịu lửa tối thiểu là EI 70 (tường ngăn cháy phải được xây cao đến mái, diện tích cửa ngăn cháy không vượt quá 25% diện tích tường ngăn cháy). 3/ Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố và trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ theo quy định của TCVN 3890:2009. (xem tiếp trang 2)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 20 11

KT. GIÁM ĐỐC

(4) PHÓ GIÁM ĐỐC

Đã ký: Trần Văn Chớn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục CS PCCC&CNCH-TC VII;
- Phòng CS PC&CC quận 9;
- Lưu: VT, P2.

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
	4/ Đầu báo cháy Tia chiếu (Beam) tại khu vực nhà kho tầng 1 phải đảm bảo khoảng cách từ đầu báo cháy đến tường nhà không quá 7m, khoảng cách giữa đường thẳng nối đầu phát với đầu thu của 02 cặp không quá 14m. 5/ Số lượng đầu nối của các hộp đấu dây và số lượng dây dẫn của cáp trục chính phải có dự phòng 20%. 6/ Tại mỗi họng nước chữa cháy trong nhà trục A, trục M (đoạn trục 14 - 17) trang bị thêm 01 cuộn vòi Ø50 dài 20m. 7/ Số lượng đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler trên 01 nhánh không vượt quá 06 đầu phun. 8/ Chủ đầu tư phải thông báo tiến độ thi công công trình để được Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng.		
01	Kiến trúc liên quan đến PCCC;	01/08 ÷ 05/08; 08/08	
02	Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà và tự động Sprinkler;	01/06 ÷ 03/06	
03	Hệ thống báo cháy tự động;	04/06 ÷ 05/06	
04	Hệ thống chống sét đánh thẳng	06/06	

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 1293 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số .....ngày 11.11.2020.....của Công ty TNHH Năng lượng AURORA.....

Người đại diện là Ông/Bà: Bestiani Federico..... Chức danh: Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam

Địa điểm xây dựng: Lô I-4b, Khu công nghệ cao Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Năng lượng AURORA.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật và Xây dựng Phúc Long

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà;
- Giải pháp nối đất chống tĩnh điện.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Huỳnh Quang Tâm

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- C07-BCA;
- Công an Quận 9;
- Lưu: VT, Đ2.

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
Chủ đầu tư liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thủ tục nghiệm thu theo quy định; Thông báo bằng Văn bản đến Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an TP. Hồ Chí Minh để kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng./.			
Quy mô:Lắp đặt trên mái công trình diện tích khoảng 8280m^2			
Bản vẽ đính kèm:			
	Bậc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, giao thông phục vụ chữa cháy. Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; Giải pháp nối đất chống tĩnh điện	BEC 00 ÷ BEC 13; BEC 20 ÷ BEC 24	
	.		

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 66 /PC07-Đ2

Về việc nghiệm thu về PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam.

Theo đề nghị tại Văn bản ngày 31/12/2020 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) lập ngày 16/12/2020 và ngày 12/01/2021, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH đồng ý xác nhận việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam đối với công trình Nhà ăn công nhân xây dựng tại Lô I-4a, đường N3, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP Hồ Chí Minh theo các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn, khoảng cách an toàn PCCC;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, bình chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống cung cấp khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Nhà ăn công nhân trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

1. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

2. Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

3. Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

4. Công trình chỉ được phép đưa vào khai thác, sử dụng sau khi được nghiệm thu công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an Quận 9;
- Lưu: VT, Đ2.

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Huỳnh Quang Tâm

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 718 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số .....ngày 15/5/2018.....của: Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam

Người đại diện là Ông/Bà: Trần Tiến Phát Chức danh: Tổng Giám đốc

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Nhà ăn công nhân

Địa điểm xây dựng: Lô I-4a, đường N3, KCN Cao, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH DATALOGIC Việt Nam

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty Cổ phần ĐT và XD Lập Thành.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, khoảng cách an toàn PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, bình chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thượng tá Nguyễn Thanh Hưởng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày 03-07-2020
TỔ CHỨC TƯ PHÁP P.11 QUẬN BÌNH THẠNH

Trần Thị Bích Hằng

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư; BQL KCN Cao TP. HCM;
- C66-BCA; P. CS PC&CC Quận 9;
- VT, P2.
- Lưu:.....

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY			
STT	**TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ**	**KÝ HIỆU**	**GHI CHÚ**
Chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản đến Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh để kiểm tra nghiệm thu công trình trước khi đưa vào sử dụng./.			
	Quy mô : 03 tầng		
01	- Bậc chịu lửa, khoảng cách an toàn PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn;	**KT01/12÷KT12/12**	
02	- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, bình chữa cháy; - Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; - Hệ thống chống sét đánh thẳng.	**PCCC01/14÷PCCC14/14**	

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 334.../TD-PCCC&CNCH

V/v thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cải tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 850/TD-PCCC ngày 15/6/2011, nghiệm thu theo văn bản số 138/NT-PCCC-P2 ngày 13/01/2012 của Sở Cảnh sát PC&CC Thành Phố Hồ Chí Minh;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/04.21/ĐNTD ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam;

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. Thông tin về nội dung điều chỉnh thiết kế/cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của dự án, công trình

- Tên công trình: Cải tạo nhà xưởng F-04

- Địa chỉ: F04, Lô I-4a, KCN Cao, phường Long Thạnh Mỹ, TP. Thủ Đức.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH TM DV PCCC Thanh Long Hải; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Lập Thành.

II. Nội dung thẩm duyệt

- Lối thoát nạn;

- Mặt bằng bố trí chữa cháy tự động Sprinkler.

- Mặt bằng bố trí báo cháy tự động; đèn chiếu sáng sự cố, đèn thoát nạn.

Quy mô dự án/công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư; C07-BCA;
- Đ/c Đại tá Nguyễn Thanh Hưởng – PGĐ CATP;
- Công an TP. Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ2. (Đ.Huy).

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Huỳnh Quang Tâm

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số .../TD-PCCC ngày .../.../... của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**	
	Quy mô: nhà xưởng F-04 02 tầng	
	Nội dung cải tạo: - Bố trí phòng sản xuất tại đoạn trục (8-12)/(H-L) tại tầng 2 nhà xưởng F-04; - Bổ sung đầu phun chữa cháy tự động Sprinkler, đầu báo cháy tự động cho khu vực phòng sản xuất trục (8-12)/(H-L), đèn chiếu sáng sự cố, đèn thoát nạn;	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH**	
	- Lối thoát nạn; - Mặt bằng bố trí chữa cháy tự động Sprinkler. - Mặt bằng bố trí báo cháy tự động; đèn chiếu sáng sự cố, đèn thoát nạn	KT01 đến KT03; PC01 đến PC03

Lưu ý: Thông tin tại Văn bản này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 1229 /PC07-Đ2

V/v điều chỉnh địa chỉ công trình trên giấy chứng nhận thẩm duyệt và công văn nghiệm thu về PCCC đối với công trình Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Năng lượng Aurora.

Ngày 12/3/2021, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh tiếp nhận văn bản của Công ty TNHH Năng lượng Aurora về việc điều chỉnh địa chỉ công trình trên giấy chứng nhận thẩm duyệt và công văn nghiệm thu về PCCC đối với công trình Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam tại địa chỉ Lô I-4b, khu công nghệ cao, Quận 9, TP Hồ Chí Minh.

Qua nghiên cứu nội dung đề nghị và hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư đối chiếu theo các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

1. Công trình tại địa điểm nêu trên đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 1293/TD-PCCC ngày 19/11/2020 và nghiệm thu về PCCC số 169/PC07-Đ2 ngày 08/2/2021. Theo hồ sơ thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC, địa chỉ công trình là "Lô I-4b, khu công nghệ cao, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), TP Hồ Chí Minh".

2. Việc chủ đầu tư điều chỉnh địa chỉ công trình trên giấy chứng nhận thẩm duyệt và công văn nghiệm thu về PCCC đối với công trình Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà máy Datalogic Việt Nam từ "Lô I-4b, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP Hồ Chí Minh" thành "Lô I-4a, Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh" là phù hợp theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8711760427 ngày 14/12/2020 của Ban quản lý Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh và Hợp đồng mua bán điện năng lượng mặt trời ngày 14/8/2020 giữa Công ty TNHH Năng lượng Aurora và Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và Cứu nạn, cứu hộ - Công an TP Hồ Chí Minh trả lời để chủ đầu tư biết./.

"Ghi chú: Văn bản này không có giá trị khác ngoài lĩnh vực quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy".

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Đại tá Nguyễn Thanh Hưởng – PGĐ CATP;
- Công an TP Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ2.

TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 336 /PC07-Đ2

Về việc nghiệm thu về PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 102/TD-PCCC ngày 03/3/2022 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 09/6/2022 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là Ông (bà) Đặng Văn Chung. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 16/6/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Cải tạo một phần tầng 2 nhà xưởng F-04 với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tân Công Thịnh.

Quy mô công trình gồm: Cải tạo các phòng tại đoạn trục H-L/1-3 tầng 2, lắp đặt hệ thống chữa cháy bằng khí FM-200 tại phòng máy chủ tầng 2.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Mặt bằng bố trí công năng liên quan đến PCCC;
- Giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Bố trí thiết bị hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM-200).

Các yêu cầu kèm theo:

1. Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

2. Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

3. Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH-BCA;
- Công an Thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ2.

TRƯỞNG PHÒNG

Đại tá Huỳnh Quang Tâm

CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 102 /TD-PCCC
V/v thẩm duyệt về PCCC đối với hồ sơ thiết kế cải tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 850/TD-PCCC(P2) ngày 15/6/2011 và văn bản nghiệm thu về PCCC số 138/NT-PCCC-P2 ngày 13/01/2012 của Sở Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt cải tạo về phòng cháy và chữa cháy ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đồng ý về thiết kế phòng cháy và chữa cháy đối với các nội dung sau:

I. Thông tin về nội dung điều chỉnh thiết kế/cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của dự án, công trình/hoán cải phương tiện

- Tên công trình: Cải tạo một phần tầng 2 nhà xưởng F-04
- Địa chỉ: Lô I-4a, Khu Công nghệ cao, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Datalogic Việt Nam.
- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH PCCC Hiệp Phát.

II. Nội dung thẩm duyệt

- Mặt bằng bố trí công năng liên quan đến PCCC;
- Giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Bố trí thiết bị hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM-200).

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt cải tạo phòng cháy và chữa cháy được kèm theo văn bản này./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư; C07-BCA;
- Đ/c Đại tá Nguyễn Thanh Hưởng – PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Lưu: VT, Đ2. (Phước)

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Đỗ Văn Kháng

QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ...../TD-PCCC ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an TP Hồ Chí Minh)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH**	
1	Cải tạo các phòng tại đoạn trục H-L/1-3 tầng 2 Lắp đặt hệ thống chữa cháy bằng khí FM-200 tại phòng máy chủ tầng 2	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH**	
1	Mặt bằng bố trí công năng liên quan đến PCCC; Giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn; Bố trí thiết bị hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM-200).	HT:1/7 đến HT:7/7
2	Thuyết minh liên quan đến PCCC	1 quyển

Lưu ý: Thông tin tại văn bản này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 07 /HĐ-BQLCDA-XLNT

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 21/6/2012;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố "Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh- giai đoạn 1";

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-KCNC ngày 31/5/2017 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý các công trình, cơ sở hạ tầng ngân sách đầu tư trong Khu Công nghệ cao và tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật; thực hiện bảo trì công trình; thực hiện các hoạt động dịch vụ công cộng, các hoạt động dịch vụ có thu phí trong Khu Công nghệ cao và hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của nhà đầu tư;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm 2017, tại Văn phòng Ban quản lý các dự án Đầu tư-Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên gồm có:

BÊN A. BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Đại diện: **Ông Phạm Hữu Minh** Chức vụ: Phó Giám đốc.

Theo Ủy quyền tại Quyết định số 17/QĐ-BQLCDA ngày 16/6/2017

Địa chỉ: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Đường D1 Khu Công nghệ cao,P. Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 37 360462, 37 307390 - Fax: (08) 3736 0470

Tài khoản: 31410002531451 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Mã số thuế : 0306678152

BÊN B: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Đại diện : Ông Trần Tiến Phát Chức vụ : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP.HCM, Việt Nam.

Điện thoại : 373 08 481 Fax : 373 08 482

Mã số thuế : 0306686509

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các điều khoản như sau:

Điều 1. Điểm đấu nối.

Vị trí đấu nối tại Hố ga:.....

Quy cách điểm đấu nối: .....

(Theo văn bản đề nghị đấu nối nước thải của Cty)

Điều 2. Khối lượng nước thải.

Khối lượng nước thải đăng ký: ..... m^3/ ngày.

Điều 3. Chất lượng nước thải.

1. Quy định nước thải tiếp nhận đưa vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao TP.HCM: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp).

2. Chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đảm bảo trong tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao theo tiêu chuẩn "Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung – Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 1" ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 (Phụ lục 2);

3. Cơ sở xác định chất lượng nước thải của Bên B được căn cứ vào kết quả quan trắc chất lượng nước thải hàng quý của bên B hoặc kết quả kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan chức năng, kết quả lấy mẫu nước thải đột xuất của Bên A.

4. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý của Bên A trước khi xả ra môi trường đạt loại A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ.

Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định dịch vụ xử lý nước thải trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

1. Tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải (trong tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao) theo đăng ký của Bên B.

2. Thông báo đến Bên B các thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (nếu có).

3. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý nước thải.

4. Khi thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa tuyến ống thu gom cũng như hệ thống xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 7 ngày và khôi phục hoạt động trong thời gian sớm nhất để hạn chế gián đoạn việc xử lý nước thải của Bên B.

5. Bên A có quyền lấy mẫu đột xuất để kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B nếu thấy cần thiết.

6. Qua phân tích mẫu nước thải lấy đột xuất, nếu kết quả phân tích mẫu phát hiện có các chỉ tiêu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép, thì Bên A và Bên B sẽ lập Biên bản ghi nhận sự việc trình cấp thẩm quyền xử lý.

7. Đối với các đơn vị có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải (đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh nghiệm thu): các chỉ tiêu được quan trắc sẽ là cơ sở để Bên A đánh giá chất lượng nước thải của bên B.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

1. Đấu nối hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo đúng các quy định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao.

2. Báo cáo đúng tính chất và thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, nếu phát hiện có sự thay đổi thành phần hoặc gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm hay các hiện tượng bất thường thì Bên B phải kịp thời thông báo trước cho Bên A bằng các hình thức: fax, email và văn bản trong ngày.

3. Thực hiện việc báo cáo, kiểm tra mẫu nước thải:

- Trước khi Bên B đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao: Bên B gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A.

- Sau đó định kỳ 03 tháng/lần, bên B tiếp tục gửi kết quả quan trắc chất lượng nước thải của Bên B cho Bên A trong tuần lễ đầu tiên của mỗi quý để giám sát.

4. Thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí dịch vụ xử lý nước thải.

5. Bồi thường và buộc thực hiện các biện pháp khắc phục khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán.

1. Mức phí:

a) Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: Thực hiện theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh Quyết định về một số cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về phí xử lý nước thải.

- Thời điểm tính phí xử lý nước thải: từ ngày ….. tháng ….. năm …

- Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

- Lượng nước thải xử lý được xác định bằng:

Đối với đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

Đối với đơn vị có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao nghiệm thu: lưu lượng nước thải được tính theo chỉ số của đồng hồ. Trong trường hợp đồng hồ hư hỏng, lưu lượng nước thải được áp dụng như đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Trường hợp phí xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Phương thức thanh toán:

a) Bên B thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp hàng tháng bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được phiếu thông báo thanh toán. Giá trị thanh toán được tính theo tỷ giá ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn tại thời điểm xuất hóa đơn.

Tên tài khoản: Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố

Số tài khoản: 31410002531451

Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

b) Quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được giấy thông báo (căn cứ theo ngày Bên B ký nhận thông báo thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải) mà vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.

Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, nếu một bên muốn thay đổi, hoặc bổ sung nội dung hợp đồng đã ký, thì bên đó phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày. Bất kỳ thay đổi nào sẽ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và ký bởi hai bên (phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng). Nếu phụ lục sửa đổi, bổ sung có những điều khoản trái với điều khoản của hợp đồng thì xem như điều khoản đó trong hợp đồng đã được sửa đổi.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây :

1. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới hoặc gia hạn hợp đồng thì tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Khi một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng hoặc vi phạm những qui định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xả thải thì hợp đồng

sẽ được chấm dứt nếu như vi phạm đó đã được một trong hai Bên nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn không khắc phục.

3. Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản chung.

1. Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm là thỏa thuận toàn bộ giữa hai bên (Bên A & Bên B) về các vấn đề được nêu trong Hợp đồng.

2. Hai bên cam kết hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hợp đồng.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng Nếu thương lượng không thành, thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành . Phán quyết của Trọng tài là phán quyết cuối cùng và bắt buộc thực hiện.

4. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn hàng năm trừ khi Bên A hoặc Bên B có ý kiến khác.

5. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

6. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được lập thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHÓ GIÁM ĐỐC	
Phạm Hữu Minh	TRẦN TIẾN PHÁT
	TỔNG GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 210/2024/HĐKT/VX-DT

Bình Dương, ngày 12 tháng 03 năm 2024

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Về việc: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và hủy hàng

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ký ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ vào Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (CTNH) mã số 1-2-3-4-5-6.033.VX của Công ty TNHH SX TM DV Môi trường Việt Xanh do Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp ngày 18/11/2020;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Chúng tôi, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM**
Địa chỉ : Lô I-4a, Khu Công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028.3730 8481 Fax: 028.3730 8482
Mã số thuế : 0306 686 509
Đại diện : (Ông) **ĐẶNG VĂN CHUNG** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

BÊN B : **CÔNG TY TNHH SX – TM – DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH**
Địa chỉ : Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P. Khánh Bình, Tp. Tân Uyên, Bình Dương.
Điện thoại : 0274.3653 076 (~77) Fax: 0274.3653 075
Mã số thuế : 3700 671 231
Tài khoản : 0281 001 385 284 tại Ngân hàng Viecombanh - CN Bình Dương
Đại diện : (Ông) **TRẦN THANH HÀ** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Sau khi thoả thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ("**Chất thải**") phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A

và dịch vụ hủy hàng là nguyên vật liệu không còn sử dụng của Bên A theo đúng quy định của pháp luật.

1.2 Địa điểm giao nhận chất thải, hủy hình dạng nguyên vật liệu: Lô I-4a, Khu Công nghệ cao TP.HCM, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

1.3 Danh mục chất thải được ghi rõ tại Mục 3.2 của Hợp đồng.

1.4 Phương án hủy nguyên vật liệu: đập/ phá hủy hình dạng nguyên vật liệu bằng các thiết bị chuyên dụng.

1.5 Bên A đồng ý chọn Bên B làm đối tác trong việc thu gom rác thải công nghiệp thông thường, rác sinh hoạt phát sinh tại nhà máy bên A bao gồm: Sắt, Thép phế liệu, Đồng phế liệu, Nhôm phế liệu, Giấy carton, Nhựa phế liệu các loại.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

2.1Trách nhiệm của bên A:

- Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của bên A phải được tập trung thu gom, đóng gói trong bao bì thích hợp, phân loại, dán nhãn cảnh báo CTNH và lưu giữ an toàn trong kho chứa, chờ tiến hành bàn giao cho bên B thu gom xử lý.
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc và đảm bảo tính pháp lý của lô hàng cần hủy.
- Khi có nhu cầu thu gom xử lý chất thải/ hủy hàng, bên A chủ động thông báo cho bên B bằng fax hoặc điện thoại về thông tin chất thải/ hàng hủy cần thu gom trước 48 tiếng đồng hồ.
- Khi có phát sinh chất thải ngoài danh mục hợp đồng thu gom, chất thải dễ cháy nổ, hóa chất có tính nguy hại cao, bên A phải báo cho bên B trước khi thu gom để phòng ngừa và xử lý kịp thời.
- Bên A bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.
- Cùng với Bên B ký xác nhận số lượng trên biên bản giao nhận.
- Bên A cử đại diện và thông báo cơ quan về việc giám sát hủy lô hàng (nếu có).
- Bên A sử dụng chứng từ CTNH theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và chuyển giao cho nhân viên bên B ngay sau khi giao nhận chất thải.
- Bên A cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn chi phí xử lý chất thải và chi phí dịch vụ hủy hàng nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của bên B:

- Cung cấp nhân lực, phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải/ hàng hủy tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, đảm bảo các yêu cầu pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy trong quá trình vận chuyển, bảo quản và xử lý CTNH.
- Sau khi chất thải của Bên A giao cho bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Hoàn trả liên 4 chứng từ CTNH cho bên A sau khi hoàn tất xử lý chất thải.

- Cung cấp hóa đơn tài chính và biên bản hủy hàng cho Bên A.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Số lượng chất thải/ hàng hủy được xác định bằng phương pháp cân tại kho bên A. Sau khi xác định số lượng, hai bên cùng lập biên bản hoặc chứng từ chất thải có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên. Biên bản này là cơ sở để hai bên kiểm tra và thanh toán theo nội dung hợp đồng.

3.2 Đơn giá xử lý (bao gồm: vận chuyển, lưu giữ và xử lý):

STT	Tên chất thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (đồng/đvt)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	16 01 06	10.000
2	Bao bì cứng bằng nhựa thải dính hóa chất	Kg	18 01 03	2.000
3	Bao bì mềm dính keo, hóa chất thải	Kg	18 01 01	4.800
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	5.500
5	Dầu bôi trơn, hộp số và bôi trơn thải	Kg	17 02 03	2.000
6	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	4.000
7	Pin, ắc quy chì thải	Kg	19 06 01	6.000
8	Linh kiện, thiết bị điện tử thải	Kg	16 01 13	2.000
9	Xỉ hàn thải từ quá trình sản xuất kim loại nặng	Kg	07 04 01	4.000
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Kg	17 08 03	4.000
11	Chất thải y tế	Kg	13 01 01	10.000
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Kg	18 01 02	4.800
13	Kính thủy tinh thải	Kg	-	2.500
14	Rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp thông thường	Tháng	-	2.000.000
15	Dịch vụ hủy hàng là nguyên vật liệu nhập sản xuất xuất khẩu nhưng không đưa vào sản xuất	Kg		2.000
Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế GTGT				

3.3 Phương thức thanh toán:

- Căn cứ vào khối lượng chất thải/ hàng hủy thu gom thực tế hàng tháng có xác nhận của đại diện hai bên dựa trên biên bản giao nhận hoặc chứng từ CTNH. Hai bên tiến hành kiểm tra đối chiếu công nợ, Bên B xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản tiền Việt Nam đồng.
- Thời hạn thanh toán: trong vòng hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong nội dung hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng, bên nào sai sẽ chịu mọi chi phí.

4.2 Mọi điều khoản khác có liên quan không được qui định cụ thể tại hợp đồng này sẽ được hai bên thực hiện theo qui định của Luật pháp Việt Nam.

4.3 Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

4.4 Hợp đồng có thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày ký. Trước khi hết hạn hợp đồng 15 ngày, hai bên sẽ thông báo cho nhau về vấn đề gia hạn hợp đồng.

4.5 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Tổng Giám Đốc	Tổng Giám Đốc
CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH
ĐẶNG VĂN CHUNG	**TRẦN THANH HÀ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập –Tự Do- Hạnh Phúc

-------o0o--------

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 0102/2024/ HĐKT/RV- DATA

- Căn cứ Luật Thương Mại số : 36/2005/QH 11 ký ngày : 14/04/2005
- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015QH 13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/04/2017.
- Căn cứ vào Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 23/06/2014.
- Căn cứ vào Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 Của Thủ tướng Chính Phủ.
- Căn cứ vào nhu cầu Công ty TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Hôm nay , ngày **01** tháng **02** năm **2024** , Chúng tôi đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Địa chỉ: F04, Lô I-4a Khu Công Nghệ Cao Tp.HCM, P. Long Thạnh Mỹ, Thủ Đức, Tp.HCM

Mã số thuế: 0306686509

Điện thoại: 028.37308481 Fax: 028.37308482

Đại diện: **ĐẶNG VĂN CHUNG** Chức Vụ: Tổng giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA XNK RỒNG VÀNG

Địa chỉ: Số 17 Đường Lê Qúy Đôn, Kp Thắng Lợi, P.Dĩ An, Tp.Dĩ An,T.Bình Dương

MST : 3700593336

Điện thoại: 0274.3782.116 Fax: 0274.3737.393

Đại diện Ông : **HOÀNG VĂN TIỂU** Chức Vụ: Giám đốc làm đại diện.

Tài khoản số: 5590238168828 tại Ngân hàng Agribank – CN KCN Sóng Thần, Bình Dương

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý thu mua toàn bộ các loại phế liệu sắt, nhôm, giấy carton,....vv sản xuất tại nhà máy Bên A địa chỉ : F04, Lô I-4a Khu Công Nghệ Cao Tp.HCM, P. Long Thạnh Mỹ,Tp.Thủ Đức, Tp.HCM với đơn giá thu mua được thể hiện ở điều 2 của hợp đồng .

- Tuần xuất : 02 lần/tuần vào thứ 4 và thứ 6
- Phương tiện : Xe ô tô

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ

- Đơn giá thu mua (bao gồm thu gom, vận chuyển)(nêu Điều 01) như sau:

STT	TÊN MẶT HÀNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
1	Giấy carton	Kg	2.300
2	Nylon trắng	Kg	10.000
3	Nhựa phế liệu	Kg	4.700
4	Nhựa cứng	Kg	2.700
5	Nylon màu	Kg	3.500
6	Pallet gỗ	Cái	5.700
7	Sắt vụn	Kg	5.500
8	Nhôm phế liệu	Kg	25.000
Đơn giá trên đã bao gồm thuế V.A.T			

Ghi chú:

- Đơn giá thu mua trên sẽ được điều chỉnh tùy theo biến động giá cả của thị trường sẽ được áp dụng ngay sau khi bên A thông báo cho bên B và được bên B đồng ý sẽ được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng có ký kết giữa hai bên.
- Nếu hàng hóa có bao bì chứa Bên A phải khấu trừ cho Bên B.
- Số lượng phế liệu được tính theo số lượng giao nhận thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua phiếu xuất kho hoặc phiếu cân điện tử có chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của đại diện hai bên.
- Khi tiến hành thu mua, hai bên sẽ lập Biên bản giao nhận phế liệu thu mua, căn cứ vào số lượng thực tế giao nhận với đơn giá nêu trên có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên. Bên B sẽ thanh toán 100% giá trị phế liệu sau khi đối chiếu công nợ với Bên A và Bên B nhận được hóa đơn tài chính do Bên A xuất.
- Phương thức thanh toán : Tiền mặt hoặc chuyển khoản

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

4.1 ***Trách nhiệm của bên A :***

- Toàn bộ phế liệu phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A phải được tập trung thu gom, phân loại trong kho chứa , chờ tiến hành bàn giao cho Bên B thu gom vận chuyển.

- Khi có nhu cầu thu gom phế liệu đột xuất , bên A thông báo cho Bên B bằng fax hoặc điện thoại trước 02 ngày để bên B sắp xếp công nhân và phương tiện đến thu gom.

- Bên A sẽ bố trí nhân viên hướng dẫn, phối hợp giám sát, hỗ trợ xe nâng trong quá trình thu gom phế liệu (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy.

- Bên A không phải thanh toán cho Bên B trong trường hợp không có phát sinh việc chuyển giao rác thải hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B thực hiện không đúng theo nội dung hợp đồng.

- Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính đối với việc thu mua phế liệu.

4.2 ***Trách nhiệm của bên B:***

- Cung cấp phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị , dụng cụ an toàn cần thiết khi đến làm việc tại nhà máy bên A.

- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy của Bên A.

- Sau khi rác thải của Bên A giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ đi xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Bàn giao mặt bằng gọn gàng , sạch sẽ cho Bên A sau mỗi đợt thu gom.

-Tuân thủ đúng theo quy định nội bộ của Bên A.Nếu vi phạm bất kỳ quy định nào, Bên B sẽ bị phạt theo mức độ vi phạm dưới sự thương lượng của hai bên và thông báo của Bên A.

- Bên B cam kết thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên A.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này có hiệu lực 04 (bốn) năm kể từ ngày ký đến hết ngày **28** tháng **02** năm **2028.** Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký , nếu có khó khăn hai bên sẽ bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác vui vẻ. Nếu xảy ra tranh chấp hai bên không cùng nhau giải quyết được thì sẽ đưa ra tòa án kinh tế Bình Dương giải quyết, quyết định của Tòa Án là quyết định cuối cùng .

- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ (01) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
ĐẶNG VĂN CHUNG	**HOÀNG VĂN TIỀU**

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

2936/2025/1-2-3-4-5-6.033.VX

1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.033.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

2. Chủ CS DVXL CTNH 2: ..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 79.001.337.T

Địa chỉ văn phòng: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, P.Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

Địa chỉ cơ sở: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, P.Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	23	PT, HR
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	182	SR, TC
3	Bao bì mềm dính keo, hóa chất thải	X			18 01 01	371	TĐ
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	X			18 02 01	40	TĐ
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải		X		17 02 03		PT, XLN, TĐ
6	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
7	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01		PD
8	Linh kiện, thiết bị điện tử thải	X			16 01 13		PD
9	Xỉ hàn thải từ quá trình sản xuất kim loại nặng	X			07 03 08		HR
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	X			17 08 03		TĐ
11	Chất thải y tế lây nhiễm	X			13 01 01		TĐ
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: .....

Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61C 02489

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Phúc Ký: ..... Ngày: 28/02/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 0306686509 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG VĂN CHUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Dương, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 3700671237 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH - TP. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Nguyễn Trường Giang

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : .....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

5323/2025/1-2-3-4-5-6.033.VX

1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.033.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

2. Chủ CS DVXL CTNH 2: ..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 79.001.337.T

Địa chỉ văn phòng: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, P.Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

Địa chỉ cơ sở: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, P.Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		PT, HR
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	136	SR, TC
3	Bao bì mềm dính keo, hóa chất thải	X			18 01 01	319	TĐ
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	X			18 02 01		TĐ
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải		X		17 02 03	35	PT, XLN, TĐ
6	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
7	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01	10	PD
8	Linh kiện, thiết bị điện tử thải	X			16 01 13	25	PD
9	Xỉ hàn thải từ quá trình sản xuất kim loại nặng	X			07 03 08		HR
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	X			17 08 03		TĐ
11	Chất thải y tế lây nhiễm	X			13 01 01		TĐ
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: .....

Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61C02489

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Đinh Văn Ánh Ký: ..... Ngày: 27/03/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 0306686509 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG VĂN CHUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Dương, ngày 16 tháng 04 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 3700671231 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH - TP. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Nguyễn Trường Giang

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : .....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

6632/2025/1-2-3-4-5-6.033.VX

1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.033.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cũ trước 01/07/2025: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P.Khánh Bình, TP.Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

2. Chủ CS DVXL CTNH 2: ..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 79.001.337.T

Địa chỉ văn phòng: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

Địa chỉ cơ sở: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		PT, HR
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	60	SR, TC
3	Bao bì mềm dính keo, hóa chất thải	X			18 01 01	330	TĐ
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	X			18 02 01	32	TĐ
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải		X		17 02 03	28	PT, XLN, TĐ
6	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
7	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01		PD
8	Linh kiện, thiết bị điện tử thải	X			16 01 13		PD
9	Xỉ hàn thải từ quá trình sản xuất kim loại nặng	X			07 03 08		HR
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	X			17 08 03		TĐ
11	Chất thải y tế lây nhiễm	X			13 01 01		TĐ
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: .....

Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61C-024.86

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Phúc Ký: ..... Ngày: 08/05/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 0306686509 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG VĂN CHUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 3700671231 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH - TP. TÂN UYÊN, T. BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Nguyễn Trường Giang

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : .....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

10361/2025/1-2-3-4-5-6.033.VX

1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.033.VX

Địa chỉ văn phòng: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cũ trước 01/07/2025: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P.Khánh Bình, TP.Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

2. Chủ CS DVXL CTNH 2: ..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 79.001.337.T

Địa chỉ văn phòng: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

Địa chỉ cơ sở: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06		PT, HR
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	298	SR, TC
3	Bao bì mềm dính keo, hóa chất thải	X			18 01 01	307	TĐ
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	X			18 02 01		TĐ
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải		X		17 02 03		PT, XLN, TĐ
6	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
7	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01		PD
8	Linh kiện, thiết bị điện tử thải	X			16 01 13		PD
9	Xỉ hàn thải từ quá trình sản xuất kim loại nặng	X			07 03 08		HR
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	X			17 08 03		TĐ
11	Chất thải y tế lây nhiễm	X			13 01 01		TĐ
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: .....

Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61C-08333

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Phúc Ký: ..... Ngày: 19/06/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 0306686500 C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG VĂN CHUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 7 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 3700671231 C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH TP.TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Nguyễn Trường Giang

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : .....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

10588/2025/263/GPMT-BNNMT

1. Chủ CS DVXL CTNH 1: CÔNG TY TNHH SX-TM-DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH Số Giấy phép môi trường: 263/GPMT-BNNMT

Địa chỉ văn phòng: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô N1, đường N8, KCN Nam Tân Uyên, Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh ĐT: 0274.3653.076

Địa chỉ cũ trước 01/07/2025: Lô N1, Đường N8, KCN Nam Tân Uyên, P.Khánh Bình, TP.Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương ĐT: 0274.3653.076

2. Chủ CS DVXL CTNH 2: ..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở: ..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 79.001.337.T

Địa chỉ văn phòng: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

Địa chỉ cơ sở: Lô I-4A, Khu Công Nghệ Cao TP.HCM, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.3730 8481

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	35	PT, HR
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	136	SR, TC
3	Bao bì mềm dính keo, hóa chất thải	X			18 01 01	571	TĐ
4	Giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại	X			18 02 01		TĐ
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải		X		17 02 03		PT, XLN, TĐ
6	Hộp mực in thải	X			08 02 04		TĐ
7	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01		PD
8	Linh kiện, thiết bị điện tử thải	X			16 01 13		PD
9	Xỉ hàn thải từ quá trình sản xuất kim loại nặng	X			07 03 08	2	HR
10	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	X			17 08 03		TĐ
11	Chất thải y tế lây nhiễm	X			13 01 01		TĐ
12	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): ..... Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập: .....

Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: .....

Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu vận chuyển: 61C-021.25

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn văn phúc Ký: ..... Ngày: 16/07/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DVXL CTNH 2: ..... Ký: ..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 0306686650 C.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG VĂN CHUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2025

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

M.S.D.N: 3700[illegible] C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH TP TÂN UYÊN-T.BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Nguyễn Trường Giang

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Ghi chú : .....

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **394000**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/01/2025	kWh	82.490	-	156.361.436
	(kèm theo bảng kê số 641003988 ngày 11 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**156.361.436**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**12.508.915**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**168.870.351**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi nghìn ba trăm năm mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 01/ 2025 13:13:42

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **394942**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2025 từ ngày 11/01/2025 đến ngày 20/01/2025	kWh	75.633	-	138.615.542
	(kèm theo bảng kê số 641026173 ngày 21 tháng 01 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**138.615.542**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**11.089.243**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**149.704.785**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm linh bốn nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/ 01/ 2025 13:23:42

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **395529**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2025 từ ngày 21/01/2025 đến ngày 31/01/2025	kWh	46.612	-	84.633.325
	(kèm theo bảng kê số 641924675 ngày 02 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**84.633.325**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**6.770.666**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**91.403.991**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Chín mươi mốt triệu bốn trăm linh ba nghìn chín trăm chín mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/ 02/ 2025 14:12:24

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **788315**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 10/02/2025	kWh	62.734	-	116.288.998
	(kèm theo bảng kê số 643907941 ngày 11 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**116.288.998**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**9.303.120**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**125.592.118**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn một trăm mười tám đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 02/ 2025 10:47:08

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **789258**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2025 từ ngày 11/02/2025 đến ngày 20/02/2025	kWh	98.864	-	186.276.123
	(kèm theo bảng kê số 643930081 ngày 21 tháng 02 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**186.276.123**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**14.902.090**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**201.178.213**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm linh một triệu một trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm mười ba đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/ 02/ 2025 10:04:01

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **904220**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2025 từ ngày 21/02/2025 đến ngày 28/02/2025	kWh	74.240	-	137.242.076
	(kèm theo bảng kê số 645384957 ngày 02 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**137.242.076**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**10.979.366**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**148.221.442**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm bốn mươi tám triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/ 03/ 2025 13:54:53

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1182315**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 10/03/2025	kWh	85.100	-	155.782.062
	(kèm theo bảng kê số 647014591 ngày 11 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**155.782.062**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**12.462.565**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**168.244.627**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 03/ 2025 10:24:45

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1183246**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2025 từ ngày 11/03/2025 đến ngày 20/03/2025	kWh	97.865	-	179.604.721
	(kèm theo bảng kê số 647037973 ngày 21 tháng 03 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**179.604.721**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**14.368.378**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**193.973.099**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/ 03/ 2025 10:04:40

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1184179**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2025 từ ngày 21/03/2025 đến ngày 31/03/2025	kWh	93.321	-	171.711.459
	(kèm theo bảng kê số 647865547 ngày 02 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**171.711.459**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**13.736.917**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**185.448.376**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/ 04/ 2025 11:11:29

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1578140**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 10/04/2025	kWh	87.461	-	161.994.976
	(kèm theo bảng kê số 650039162 ngày 11 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**161.994.976**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**12.959.598**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**174.954.574**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 04/ 2025 09:54:52

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1579094**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 11/04/2025 đến ngày 20/04/2025	kWh	82.477	-	150.239.555
	(kèm theo bảng kê số 650061794 ngày 21 tháng 04 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**150.239.555**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**12.019.164**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**162.258.719**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm mười chín đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/ 04/ 2025 10:24:52

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1877345**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2025 từ ngày 21/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	92.455	-	171.547.926
	(kèm theo bảng kê số 652371524 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**171.547.926**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**13.723.834**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**185.271.760**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm sáu mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/ 05/ 2025 11:36:31

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1974410**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 10/05/2025	kWh	86.611	-	161.813.041
	(kèm theo bảng kê số 653036767 ngày 10 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**161.813.041**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**12.945.043**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**174.758.084**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn không trăm tám mươi bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 10/ 05/ 2025 16:14:05

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1975421**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2025 từ ngày 11/05/2025 đến ngày 20/05/2025	kWh	111.619	-	216.715.982
	(kèm theo bảng kê số 653057775 ngày 21 tháng 05 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**216.715.982**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**17.337.279**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**234.053.261**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi mốt đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/ 05/ 2025 13:17:02

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **1976068**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2025 từ ngày 21/05/2025 đến ngày 31/05/2025	kWh	120.651	-	234.626.719
	(kèm theo bảng kê số 655056670 ngày 02 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**234.626.719**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**18.770.138**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**253.396.857**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi bảy đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/ 06/ 2025 15:45:03

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **2372102**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 10/06/2025	kWh	105.016	-	207.469.484
	(kèm theo bảng kê số 655999157 ngày 11 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**207.469.484**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**16.597.559**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**224.067.043**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi ba đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 06/ 2025 11:26:17

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **2375143**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2025 từ ngày 11/06/2025 đến ngày 20/06/2025	kWh	112.853	-	219.342.871
	(kèm theo bảng kê số 656025535 ngày 21 tháng 06 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**219.342.871**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**17.547.430**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**236.890.301**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn ba trăm linh một đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/ 06/ 2025 09:53:18

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình , Thành phố Thủ Đức , Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **2376161**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2025 từ ngày 21/06/2025 đến ngày 30/06/2025	kWh	95.813	-	187.518.009
	(kèm theo bảng kê số 657287315 ngày 02 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**187.518.009**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**15.001.441**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**202.519.450**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm linh hai triệu năm trăm mười chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/ 07/ 2025 11:58:05

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **2770792**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 10/07/2025	kWh	104.034	-	204.290.669
	(kèm theo bảng kê số 1547348065 ngày 11 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**204.290.669**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**16.343.254**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**220.633.923**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm hai mươi triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi ba đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 07/ 2025 13:07:47

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **2771828**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2025 từ ngày 11/07/2025 đến ngày 20/07/2025	kWh	97.420	-	189.847.119
	(kèm theo bảng kê số 1547370723 ngày 21 tháng 07 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**189.847.119**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**15.187.770**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**205.034.889**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm linh năm triệu không trăm ba mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi chín đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/ 07/ 2025 13:14:10

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **2772499**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2025 từ ngày 21/07/2025 đến ngày 31/07/2025	kWh	112.583	-	222.638.555
	(kèm theo bảng kê số 1548434102 ngày 02 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**222.638.555**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**17.811.084**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**240.449.639**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/ 08/ 2025 15:20:57

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **3170176**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 10/08/2025	kWh	94.135	-	182.065.240
	(kèm theo bảng kê số 1551448129 ngày 11 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**182.065.240**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**14.565.219**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**196.630.459**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 11/ 08/ 2025 09:55:24

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **3171230**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509 **Số định danh** *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):* **Số hộ chiếu** *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2025 từ ngày 11/08/2025 đến ngày 20/08/2025	kWh	96.748	-	190.313.717
	(kèm theo bảng kê số 1551469068 ngày 21 tháng 08 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**190.313.717**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**15.225.097**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**205.538.814**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm linh năm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm mười bốn đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 21/ 08/ 2025 10:28:46

CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế *(Tax Code):* **0300951119-011**

Địa chỉ *(Address):* 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number):* 1900545454

Thông tin thanh toán *(Payment Information):* CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu *(Serial):* **1K25TTU**

Số *(No):* **3172229**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 0306686509

Số định danh *(ID No):*

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách *(State budget related unit code):*

Số hộ chiếu *(Passport No):*

Địa chỉ *(Address):* F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng *(Customer's Code):* PE12000235994

Số tài khoản*(Account No):*

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency):*VND

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3=1x2**
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2025 từ ngày 21/08/2025 đến ngày 31/08/2025	kWh	99.692	-	194.349.228
	(kèm theo bảng kê số 1552642247 ngày 02 tháng 09 năm 2025)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**194.349.228**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount):*	**15.547.938**
Tỷ giá *(Exchanged rate):*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment):*	**209.897.166**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words): Hai trăm linh chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng.*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/ 09/ 2025 12:50:51

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306678152

Địa chỉ *(Address)*: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại *(Tel)*: 02837307391

Số tài khoản *(Bank account)*:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TDA

Số *(No.)*: **00000171**

Ngày (Date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00BCFEC797B71242948E3F496C837AC6FD

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306686509

Địa chỉ *(Address)*: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao TP HCM, P. Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tiền nước Kỳ 01/2025; Từ 04/01/2025 đến 04/02/2025 (Chỉ số mới:75345-Chỉ số cũ:73901 =1444)	m3	1.444	12.100	17.472.400
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**17.472.400**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**5%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**873.620**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**18.346.020**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Mười tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm hai mươi đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế ***(General Dept. of TX)***

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi*: TỔNG CỤC THUẾ**

***Ký ngày*: 07/02/2025**

Người bán hàng ***(Seller)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: Ban Quản Lý Các Dự án Đầu Tư - Xây Dựng Khu Công Nghệ Cao TP.HCM**

***Ký ngày (Signing Date)*: 07/02/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **VBHJTL16ANVX**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306678152

Địa chỉ *(Address)*: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại *(Tel)*: 02837307391

Số tài khoản *(Bank account)*:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TDA

Số *(No.)*: **00000281**

Ngày (Date) 06 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00170CFDB5E9C44218A7F2ADA9BDE6A122

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306686509

Địa chỉ *(Address)*: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao TP HCM, P. Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tiền nước Kỳ 02/2025; Từ 04/02/2025 đến 04/3/2025 (Chỉ số mới:76753-Chỉ số cũ:75345 =1408)	m3	1.408	12.100	17.036.800
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**17.036.800**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**5%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**851.840**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**17.888.640**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Mười bảy triệu tám trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế ***(General Dept. of TX)***

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi*: TỔNG CỤC THUẾ**

***Ký ngày*: 06/03/2025**

Người bán hàng ***(Seller)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: Ban Quản Lý Các Dự án Đầu Tư - Xây Dựng Khu Công Nghệ Cao TP.HCM**

***Ký ngày (Signing Date)*: 06/03/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **WGHXCN8GL712**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306678152

Địa chỉ *(Address)*: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại *(Tel)*: 02837307391

Số tài khoản *(Bank account)*:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TDA

Số *(No.)*: **00000394**

Ngày (Date) 08 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 003B3B1400B4564AC2AB5EC812E9D68A17

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306686509

Địa chỉ *(Address)*: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao TP HCM, P. Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tiền nước Kỳ 03/2025; Từ 04/3/2025 đến 03/4/2025 (Chỉ số mới:78704-Chỉ số cũ:76753 =1951)	m3	1.951	12.100	23.607.100
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**23.607.100**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**5%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.180.355**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**24.787.455**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế ***(General Dept. of TX)***

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi*: CỤC THUẾ**

***Ký ngày*: 08/04/2025**

Người bán hàng ***(Seller)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: Ban Quản Lý Các Dự án Đầu Tư - Xây Dựng Khu Công Nghệ Cao TP.HCM**

***Ký ngày (Signing Date)*: 08/04/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **1PH2H70X9XN6**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306678152

Địa chỉ *(Address)*: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại *(Tel)*: 02837307391

Số tài khoản *(Bank account)*:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TDA

Số *(No.)*: **00000504**

Ngày (Date) 08 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00B725A317AAC74EDD909CA62267E7520C

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306686509

Địa chỉ *(Address)*: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao TP HCM, P. Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tiền nước Kỳ 04/2025; Từ 03/4/2025 đến 05/5/2025 (Chỉ số mới:80777-Chỉ số cũ:78704 =2073)	m3	2.073	12.100	25.083.300
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**25.083.300**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**5%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.254.165**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**26.337.465**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế *(General Dept. of TX)*

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi*: CỤC THUẾ**

***Ký ngày*: 08/05/2025**

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: Ban Quản Lý Các Dự án Đầu Tư - Xây Dựng Khu Công Nghệ Cao TP.HCM**

***Ký ngày (Signing Date)*: 08/05/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **1PHJF7JEWP2G**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306678152

Địa chỉ *(Address)*: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại *(Tel)*: 02837307391

Số tài khoản *(Bank account)*:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TDA

Số *(No.)*: **00000695**

Ngày (Date) 09 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00FB629268B68D47F991D4C6BA3F928264

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306686509

Địa chỉ *(Address)*: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao TP HCM, P. Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tiền nước Kỳ 05/2025; Từ 05/5/2025 đến 04/6/2025 (Chỉ số mới:82643-Chỉ số cũ:80777 =1866)	m3	1.866,00	12.100	22.578.600
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**22.578.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**5%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.128.930**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**23.707.530**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi ba triệu bảy trăm linh bảy nghìn năm trăm ba mươi đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế ***(General Dept. of TX)***

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi*: CỤC THUẾ**

***Ký ngày*: 09/06/2025**

Người bán hàng ***(Seller)***

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: Ban Quản Lý Các Dự án Đầu Tư - Xây Dựng Khu Công Nghệ Cao TP.HCM**

***Ký ngày (Signing Date)*: 09/06/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **GDHBS87510X_**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306678152

Địa chỉ *(Address)*: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại *(Tel)*: 02837307391

Số tài khoản *(Bank account)*:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TBQ

Số *(No.)*: **00000153**

Ngày (Date) 09 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 007D4F01B38E7748F9ACE27681ACD0E099

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306686509

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao TP HCM, P. Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tiền nước Kỳ 06/2025; Từ 04/6/2025 đến 04/7/2025 (Chỉ số mới:84629-Chỉ số cũ:82643 =1986)	m3	1.986,00	12.100	24.030.600
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**24.030.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:	**5%**			Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.201.530**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**25.232.130**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi hai nghìn một trăm ba mươi đồng chẵn.***					

Người mua hàng ***(Buyer)***	**Tổng cục thuế** ***(General Dept. of TX)***	**Người bán hàng** ***(Seller)***
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Chữ ký số)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	*(Digital signature)*	*(Signature, full name)*
	Signature Valid ***Ký bởi*: CỤC THUẾ** ***Ký ngày*: 09/07/2025**	**Signature Valid** ***Ký bởi (Signed By)*: Ban Quản Lý Các Dự án Đầu Tư - Xây Dựng Khu Công Nghệ Cao TP.HCM** ***Ký ngày (Signing Date)*: 09/07/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **7ZHWU0PWG1_5**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306678152

Địa chỉ *(Address)*: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại *(Tel)*: 02837307391

Số tài khoản *(Bank account)*:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TBQ

Số *(No.)*: **00000346**

Ngày (Date) 07 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 003C04F7E339AF4E7BBD3900A09B63565C

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306686509

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tiền nước Kỳ 07/2025; Từ 04/7/2025 đến 04/8/2025 (Chỉ số mới:86658-Chỉ số cũ:84629 =2029)	m3	2.029,00	12.100	24.550.900
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**24.550.900**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**5%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.227.545**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**25.778.445**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế *(General Dept. of TX)*

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Signature Valid

***Ký bởi*: CỤC THUẾ**

***Ký ngày*: 07/08/2025**

Người bán hàng *(Seller)*

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

***Ký bởi (Signed By)*: Ban Quản Lý Các Dự án Đầu Tư - Xây Dựng Khu Công Nghệ Cao TP.HCM**

***Ký ngày (Signing Date)*: 07/08/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **GDH2IKA0AWJA**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306678152

Địa chỉ *(Address)*: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại *(Tel)*: 02837307391

Số tài khoản *(Bank account)*:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu *(Serial)*: 1C25TBQ

Số *(No.)*: **00000544**

Ngày (Date) 08 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Mã CQT (Code): 00A73C7D85418141E1B534CC8E5BDD1BF8

Họ tên người mua hàng *(Buyer)*:

Tên đơn vị *(Company's name)*: CÔNG TY TNHH DATALOGIC VIỆT NAM

Mã số thuế *(Tax code)*: 0306686509

MSĐVCQHVNS *(Budgetary unit code)*:

Địa chỉ *(Address)*: F04, Lô I-4a, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: Chuyển khoản Số tài khoản *(Bank account)*:

STT *(No)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Name of goods and services)*	Đơn vị tính *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
1	Tiền nước Kỳ 08/2025; Từ 04/8/2025 đến 04/9/2025 (Chỉ số mới:88535-Chỉ số cũ:86658 =1877)	m3	1.877,00	12.100	22.711.700
				Cộng tiền hàng *(Total amount excl. VAT)*:	**22.711.700**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*:		**5%**		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**1.135.585**
				Tổng tiền thanh toán *(Total amount)*:	**23.847.285**
Số tiền viết bằng chữ *(Total amount in words)*: ***Hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng chẵn.***					

Người mua hàng *(Buyer)*	**Tổng cục thuế** *(General Dept. of TX)*	**Người bán hàng** *(Seller)*
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Chữ ký số)*	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*
(Signature, full name)	*(Digital signature)*	*(Signature, full name)*
	Signature Valid ***Ký bởi*: CỤC THUẾ** ***Ký ngày*: 08/09/2025**	**Signature Valid** ***Ký bởi (Signed By)*: Ban Quản Lý Các Dự án Đầu Tư - Xây Dựng Khu Công Nghệ Cao TP.HCM** ***Ký ngày (Signing Date)*: 08/09/2025**

Tra cứu tại Website *(Search in website)*: https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn *(Invoice code)*: **JPH5TN718080**

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) *(You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)*

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Isopropanol (IPA)	**Hình cảnh báo**
Số CAS: 67-63-0 Số UN: 1219 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Chất dễ cháy loại 2; Độc cấp tính đường miệng loại 5; kích ứng, nguy hiểm cho mắt loại 2B; đặc tính độc lên các cơ quan cụ thể (phơi nhiễm đơn): loại 3; Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Cồn IPA - Tên thương mại: IPA - Tên khác (không là tên khoa học):	Mã sản phẩm (nếu có)
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: Công ty TNHH TOP Solvent, khu công nghiệp Gò Dầu, Long Thanh, Đồng Nai - Tên nhà sản xuất và địa chỉ: - Mục đích sử dụng: Tẩy rửa board.	**Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:** Telephone: +84 8 3827 9030 ~ 34 Emergency telephone: +84 8 3827 9030 ~ 34

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Propan-2-ol	67-63-0		

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: 2

2. Cảnh báo nguy hiểm: Nguy hiểm cháy

- Mối nguy vật lý: chất lỏng và hơi dễ cháy cao.
- Mối nguy sức khỏe: có thể gây hại nếu nuốt phải, gây kích ứng mắt, có thể gây uể oải hoặc choáng.
- Có thể gây hại nếu nuốt phải và đổ vào lỗ thông gió
- Mối nguy môi trường: không được phân loại là mối nguy môi trường dưới tiêu chí GHS.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Tiếp xúc mắt: tiếp xúc với mắt gây kích ứng.
- Hít phải: Có thể gây kích ứng hô hấp
- Nuốt phải: không được cho là có hại khi nuốt phải.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Hít phải: di chuyển đến nơi thoáng khí. Nếu sự phục hồi nhanh chóng không diễn ra, di chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị.

2. Tiếp xúc với da: Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Vệ sinh khu vực tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể.

3. Tiếp xúc với mắt: lập tức rửa mắt với nhiều nước trong ít nhất 15 phút, mở mắt trong suốt thời gian rửa. di chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị.

4. Nuốt phải: Nếu nuốt phải, đừng cố nôn ra, di chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để điều trị. Nếu tự nhiên nôn ra, giữ đầu bên dưới hông để ngăn chặn hít hơi vào.

5. Những triệu chứng/ảnh hưởng quan trọng, cấp tính và mãn tính: dấu hiệu và triệu chứng kích ứng mắt có thể bao gồm cảm giác bị bỏng, đỏ mắt, sưng tấy, và/hoặc mờ mắt. Triệu chứng và dấu hiệu viêm da mỡ mắt có thể bao gồm bỏng mắt, hoặc xuất hiện khô/tổn thương mắt. các dấu hiệu khác của triệu chứng suy giảm hệ thần kinh trung ương có thể bao gồm: đau đầu, buồn nôn, thiếu sự phối hợp. Dấu hiệu và triệu chứng kích ứng hệ hô hấp có thể bao gồm cản giác bỏng tạm thời trên họng, mũi ho hoặc khó thở.

6. Biện pháp xử lý đặc biệt: Ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung tâm. Gọi bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát độc để được hướng dẫn. Tiềm ẩn viêm thành phế nang hóa học. Xem xét việc súc rửa dạ dày với hệ thống thông khí được bảo vệ, quản lý than hoạt tính.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy…): hơi và chất lỏng dễ cháy.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: COx có thể được tạo ra nếu sự cháy không hoàn toàn xảy ra. Hơi nặng hơn không khí, lan tỏa dọc the đất và trong không gian tự bốc cháy có thể xảy ra.

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát …): Không có.

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: bọt chống lại cồn, dàn phun nước, hoá chất khô hoặc CO_2, cát hoặc đất có thể được sử dụng cho đám cháy nhỏ. Không xả nước chữa cháy vào môi trường dưới nước.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: mang mặt nạ tự thở và quần áo bảo vệ kín.

6. Phương tiện chữa cháy không thích hợp: không sử dụng vòi phun nước.

7. Lưu ý: giữ thùng chứa lạnh bằng dàn phun nước.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Thủ tục ứng phó và trang thiết bị bảo vệ cá nhân: tránh tiếp xúc với nguyên vật liệu được thải bỏ hoặc đổ tràn. Lập tức loại bỏ quần áo nhiễm bẩn.

2. Cảnh báo môi trường: Cô lập khu vực rò rỉ, nếu có thể không gây rủi ro cho con người. Di chuyển tất cả các nguồn gây cháy ở khu vực xung quanh. Sử dụng vật chứa thích hợp (của sản phẩm và nước chữa cháy) để tránh ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn việc thải bỏ vào cống rảnh, kênh rạch hoặc sông bằng cách sử dụng cát, đất hoặc những tấm chắn thích hợp. Cố gắng phân tán hơi hoặc dòng chảy vào khu vực an toàn bằng cách sử dụng phun hơi. Biện pháp cảnh báo chống lại sự thải bỏ. Đảm bảo nối đất cho tất cả thiết bị điện. Kiểm tra khu vực sử dụng gas.

3. Biện pháp và nguyên vật liệu cho việc chứa đựng và vệ sinh:

- Đối với rò rỉ lớn (>1 thùng): vận chuyển bằng biện pháp kỹ thuật ví dụ như xe bồn tới các bồn chứa để thu hồi hoặc xử lý an toàn.

- **Đối với rò rỉ nhỏ (<1 thùng):** vận chuyển bằng biện pháp kỹ thuật: dán nhãn, niêm phong thùng chứa cho việc thu hồi sản phẩm hoặc xử lý an toàn. Cho phép các chất cặn bay hơi hoặc ngậm với

nguyên vật liệu thích hợp và xử lý an toàn. Loại bỏ đất nhiễm bẩn và xử lý an toàn.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:** tránh hít hơi hoặc tiếp xúc với nguyên liệu. Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Rửa sạch tay sau khi vận chuyển
2. **Cảnh báo an toàn xếp dỡ:** tĩnh điện có thể phát sinh trong suốt quá trình bơm. Tĩnh điện có thể gây ra cháy. Đảm bảo nối tiếp điện bằng cách kết hợp hoặc nối đất tất cả thiết bị. Hạn chế tốc độ dòng chảy trong suốt quá trình bơm để tránh phát sinh tĩnh điện (<= 10m/s). Tránh vung vãi khi bơm. Không sử dụng khí nén để bơm, thải bỏ hoặc vận chuyển. Dập tắt bất kỳ ngọn lửa trần. Không có khói. Loại bỏ nguồn gây cháy. Tránh ngọn lửa. Nhiệt độ xếp dỡ: nhiệt độ không khí xung quanh.
3. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, lưu trữ:** Tránh xa khỏi chất dễ cháy, chất chống oxy hóa, chất ăn mòn và khỏi sản phẩm có hại hoặc sản phẩm độc cho con người hoặc cho môi trường. Phải lưu trữ ở khu vực thông gió tốt, tránh xa ánh sáng mặt trời, nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Nhiệt độ lưu trữ: xung quanh.
4. **Vận chuyển sản phẩm:** giữ thùng chứa đóng chặt nắp khi không sử dụng. không sử dụng khí nén cho việc bơm, thải bỏ hoặc vận chuyển.
5. **Khuyến cáo nguyên vật liệu:** đối với sơn thùng chứa, sử dụng sơn Epoxy, sơn silicat tráng kẽm. đối với thùng chứa hoặc lót thùng chứa, sử dụng thép carbon, thép không rỉ.
6. **Nguyên vật liệu không thích hợp:** Nhôm nếu <50°C. Hầu hết là nhựa, cao su tổng hợp.
7. **Thùng chứa:** thùng chứa rỗng, có thể chứa hơi nổ. Không cắt, khoan, nghiền, hàn hoặc thực hiện hành động tương tự tại hoặc gần thùng chứa.
8. **Ngày hết hạn:** thời hạn của sản phẩm phụ thuộc vào nhiều yếu tố: bao gồm cấu trúc nguyên vật liệu thùng chứa, nhiệt độ lưu trữ, nhiệt độ không khí, v.v… Do ảnh hưởng của các giá trị này, nên rất khó để làm một cảnh báo trước về thời hạn sử dụng. Cung cấp những khuyến cáo về xếp dỡ và an toàn được thực hiện, sản phẩm có thời hạn sử dụng ít nhất là 18 tháng khi lưu trữ ở nhiệt độ dưới 40°C (140°F) trong thùng và 6 tháng khi lưu trữ với số lượng lớn. điều này không có nghĩa là sau chu kỳ này, nguyên liệu sử dụng cho mục đích đã hết hạn, nhưng nó được khuyến cáo xem xét sử dụng lại trong thời gian lưu trữ dài hơn.
9. **Khuyến cáo khác:** đảm bảo tát cả các yêu cầu địa phương về vận chuyển và lưu trữ được chấp hành.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc …): mức độ bảo vệ và loại kiểm soát cần thiết phụ thuộc vào điều kiện tiếp xúc tiềm ẩn. lựa chọn kiểm soát dựa vào đánh giá rủi ro của tình trạng hiện tại. biện pháp thích hợp bao gồm: thông gió thích hợp để kiểm soát sự tập trung không khí dưới hướng dẫn/giới hạn tiếp xúc. Vòi rửa mắt và vòi tắm khẩn cấp được sử dụng.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- **Bảo vệ mắt/mặt**: kính bảo hộ hoặc kính an toàn với mặt nạ bảo vệ.

- **Bảo vệ hô hấp:** Nếu biện pháp kỹ thuật không duy trì sự tập trung không khí tới mức độ phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, lựa chọn thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp cho điều kiện sử dụng đặc biệt và luật pháp liên quan. Kiểm tra nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp. Nếu mặt nạ lọc không khí phù hợp, lựa chọn kết hợp khẩu trang và miếng lọc. lựa chọn miếng lọc phù hợp với khí hữu cơ và hơi (điểm sôi >65°C (149°F))

- **Bảo vệ da:** sử dụng găng tay thích hợp và quần áo bảo vệ nếu cần thiết để ngăn chặn tiếp xúc với da.

Găng tay cao su tổng hợp, găng tay cao su butyl, gắng tay cao su thiên nhiên.

- Quần áo bảo vệ: Sử dụng quần áo bảo vệ chống lại hóa chất đối với nguyên liệu này. Giày bảo hộ và ủng cũng có thể chống lại hóa chất.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Vòi tắm hoặc rửa mắt trong trường hợp khẩn cấp.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc…)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): 82 - 83 ^{o}C (180 - 181°F)
Màu sắc: trong suốt	Điểm nóng chảy/điểm đông đặc (^{0}C): -88 ^{o}C/-126 ^{o}F
Mùi đặc trưng	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point): 12°C/54°F
Áp suất hóa hơi: 4,100 hPa ở 20°C (68°F)	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): 425 ^{o}C/797 ^{o}F (ASTM D-2155)
Tỷ trọng hơi: 2 at 20 °C / 68 °F	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên/dưới: 2 – 12% (V)
Độ hòa tan trong nước: hòa tan hoàn toàn	Tỷ trọng tương đối: 0.78 - 0.79 at 20 °C / 68 °F
Độ PH : không có	Tốc độ bay hơi: 1.5 (ASTM D 3539, nBuAc=1)
Ẩm độ: hòa tan hoàn toàn	Nhiệt độ phân hủy: ổn định dưới điều kiện thường của việc sử dụng, phản ứng với chất chống oxy hóa mạnh, phản ứng với axit mạnh.
Độ hòa tan trong dung môi khác: sẵn sàng hòa tan trong các dung môi hữu cơ	Khả năng cháy: không có dữ liệu.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định : bền dưới điều kiện sử dụng bình thường. phản ứng với chất chống oxy hóa mạnh, phản ứng với axit mạnh.

2. Khả năng phản ứng nguy hiểm: không có dữ liệu.

3. Điều kiện cần tránh: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở và các nguồn gây cháy khác.

4. Nguyên liệu kỵ nhau: chất chống oxy hóa mạnh, axit mạnh.

5. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: ngưỡng phân hủy phụ thuộc nhiều vào điều kiện. Một hỗn hợp phức tạp của chất rắn , chất lỏng, và chất khí thông hơi, bao gồm Cox, CO2, và các hợp chất hữu cơ khác sẽ được tạo ra khi nguyên liệu này trải qua sự đốt cháy, phân hủy hoặc suy giảm oxy.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử

1. **Các ảnh hưởng mãn tính với người** (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen …) có thể gây hại nếu nuốt phải. LD50>2000 - <=5000mg/kg, đối với chuột.
2. **Độc đường miệng cấp tính:** độc liều: LD50 > 5000mg/kg, thỏ.
3. **Độc cấp tính hít phải:** nồng độ cao có thể gây tê liệt hệ thần kinh trung tâm hậu quả là: đau đầu, choáng, ngất, tiếp tục hít vào có thể dẫn đến bất tỉnh hoặc chết.
4. **Kích ứng/ăn mòn da:** không kích ứng da. Tiếp xúc thời gian dài hoặc lập lại có thể gây tích mỡ cho da có thể dẫn tới viêm da.

5. **Nguy hiểm cho mắt:** kích ứng mắt.
6. **Nguy hiểm/kích ứng hệ hô hấp:** hít hơi hoặc sương có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Không có			

2. Tác động trong môi trường

- Đánh giá cơ bản: dữ liệu độc sinh thái dựa trên việc kiểm tra sản phẩm
- Độc cấp tính:

+ Cá: độc mức thấp: LC/EC/IC50 > 100 mg/l

+ Động vật không xương sống thủy sinh: độc mức thấp: LC/EC/IC50 > 1000mg/l.

+ Tảo: độc thấp: LC/EC/IC50 > 1000mg/l

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: Thông tư 36/2015/TT-BTNMT

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:

3. Biện pháp tiêu hủy: thu hồi hoặc tái chế nếu có thể. Chịu trách nhiệm phát sinh chất thải để xác định độc tính và tính chất vật lý thích hợp của vật liệu phát sinh để phân loại chất thải và có biện pháp xử lý chất thải tuân thủ quy định. Không thải bỏ vào môi trường, công nước mưa hoặc nước thải. sản phẩm thải bỏ phải được cho phép thải bỏ vào đất hoặc nước nhiễm bẩn.

4. Xử lý thùng chứa: Rửa sạch thùng chứa. sau khi rửa, để nơi thông thoáng an toàn và tránh xa khỏi ngọn lửa và tia lửa. Phần còn lại có thể gây nổ, không mài, khoan, cắt hoặc hàn khi thùng chứa không sạch. Chuyển thùng chứa cho người tái chế hoặc người thu mua phế liệu.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm						

bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA…	**1219**		**3**	**II**		

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới:

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 1/05/2009

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Thaioil

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Loctite(R) 222 Threadlocker Low Strength	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Số CAS: hỗn hợp chất Số UN: 3082 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 9	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: **Loctite(R) 222 Threadlocker Low Strength**	Mã sản phẩm (nếu có): **072000004**
- Tên thương mại: **Loctite(R) 222 Threadlocker Low Strength**	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: Henkel Corporation, One Henkel Way, Rocky Hill, Connecticut 06067	**Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:** Telephone: 860.571.5100 Emergency telephone: 1-877-671-4608
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Henkel Corporation, One Henkel Way, Rocky Hill, Connecticut 06067	
- Mục đích sử dụng: Chất trám kỵ khí	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Công thức hóa học**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**
Polyglycol dimethacrylate	25852-47-5		30 - 60
Oleic acid 5.5EO	9004-96-0		30 - 60
Silica, amorphous, treated	68909-20-6		5 - 10
Saccharin	81-07-2		1 - 5
Propanediol-1,2	57-55-6		1 - 5
Cumene hydroperoxide	80-15-9		1 - 5
Titanium dioxide	13463-67-7		0.1 - 1
Cumene	98-82-8		0.1 - 1

Datalogic INTERNAL

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

TỔNG QUAN TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

- **Trạng thái vật lý:** Dạng lỏng
- **Màu sắc:** Tím
- **Mùi:** Nhẹ
- **HMIS (Hệ thống nhận dạng vật liệu nguy hiểm):**
  - **Sức khỏe:** *2
  - **Dễ cháy:** 1
  - **Nguy cơ vật lý:** 1
  - **Bảo vệ cá nhân:** Xem Mục 8

CẢNH BÁO:

- GÂY KÍCH ỨNG MẮT.
- CÓ THỂ GÂY PHẢN ỨNG DỊ ỨNG DA.
- CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG DA.
- CÓ THỂ GÂY KÍCH ỨNG ĐƯỜNG HÔ HẤP.

Đường tiếp xúc có thể xảy ra: Da, Hít phải, Mắt

Tác động sức khỏe tiềm ẩn:

- **Hít phải:** Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- **Tiếp xúc da:** Có thể gây phản ứng dị ứng và kích ứng
- **Tiếp xúc mắt:** Gây kích ứng khi tiếp xúc
- **Nuốt phải:** Không được cho là gây hại

Tình trạng bệnh lý có thể bị trầm trọng hơn khi tiếp xúc:

- Các bệnh về mắt, da và đường hô hấp

Sản phẩm này được coi là **nguy hiểm** theo Tiêu chuẩn Truyền thông về Nguy hiểm của OSHA (29 CFR 1910.1200)

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Hít phải: di chuyển đến nơi thoáng khí. Nếu không thở, hô hấp nhân tạo. nếu khó thở, cung cấp oxy. Gọi cấp cứu.

2. Tiếp xúc với da: Rửa bằng nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giày. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại. nếu triệu chứng tiếp tục tăng và duy trì, chăm sóc y tế.

3. Tiếp xúc với mắt: dội thật nhiều nước, tốt nhất, là rửa với nước ấm trong ít nhất 15 phút, mở mắt trong suốt thời gian rửa. Đưa đi chăm sóc y tế.

4. Nuốt phải: Đừng cố nôn ra, không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân, giữ bình tĩnh, chăm sóc y tế.

Datalogic INTERNAL

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- **Điểm chớp cháy:** > 93 °C (199.4 °F)

Nhiệt độ tự động bốc cháy: không có sẵn

Giới hạn có khả năng cháy/nổ - Giới hạn dưới: Không có sẵn

Giới hạn có khả năng cháy/nổ - Giới hạn trên.

- **Chất chữa cháy thích hợp:** Bọt, hóa chất khô hoặc CO_2.
- **Trang bị chữa cháy:** Mặc quần áo bảo hộ và bình dưỡng khí (SCBA).

Mối nguy cháy nổ không thường xuyên: Không có sẵn

- **Sản phẩm cháy nguy hiểm:** Oxide carbon, nitơ, lưu huỳnh, và hơi hữu cơ kích thích.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- **Biện pháp cá nhân:** Dùng thiết bị bảo hộ (theo Mục 8), hạn chế tiếp cận khu vực.
- **Biện pháp môi trường:** Không để sản phẩm rơi vào cống, nguồn nước.
- **Làm sạch:** Dùng vật liệu hấp thụ trơ như cát, gel silica, mùn cưa… chứa trong thùng kín để xử lý.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- **Xử lý:** Dùng ở nơi thông thoáng, tránh tiếp xúc với mắt, da, quần áo. Không hít hơi, sương. Rửa sạch sau khi dùng.
- **Lưu trữ:** Lưu trữ ở nơi an toàn, dưới 38 °C (100.4 °F). Giữ ở nơi mát, thông gió tốt tránh nhiệt, lửa, tia lửa. Giữ kín khi không dùng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Người sử dụng lao động nên hoàn thành việc đánh giá tất cả nơi làm việc để xác định nhu cầu và lựa chọn các biện pháp kiểm soát phơi nhiễm và thiết bị bảo vệ phù hợp cho từng nhiệm vụ được thực hiện

- **Kiểm soát kỹ thuật:** Có thể cần thông gió cưỡng bức nếu vượt mức cho phép.
- **Bảo vệ hô hấp:** Dùng khẩu trang chuẩn NIOSH nếu nguy cơ phơi nhiễm cao.
- **Bảo vệ mắt/mặt:** Kính bảo hộ có tấm che bên.
- **Bảo vệ da:** Găng tay cao su neoprene, cao su tự nhiên hoặc cao su butyl.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): >149 ^{o}C (> 300.2 ^{o}F)
Màu sắc: màu tím	Điểm nóng chảy (^{0}C): không có
Mùi đặc trưng: nhẹ	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: >93 ^{o}C (>199.4 ^{o}F) Cốc đóng.

Datalogic INTERNAL

Áp suất hóa hơi: < 5 mm Hg 27°C (80.6°F))	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): không có
Tỷ trọng hơi: không có	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên: không có
Độ hòa tan trong nước: nhẹ	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới: không có.
Độ PH : không có	Tỷ lệ hóa hơi: không có.
Khối lượng riêng (kg/m^3): 1.08 ở 20°C (68°F)	Hàm lượng VOC: 0.67 %; 6.53 g/l

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định : bền

2. Khả năng phản ứng: sẽ không xảy ra.

3. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: CO, CO2, SO, SO2, NO, NO2, Hơi hữu cơ kích ứng.

4. Vật liệu không tương thích: Chất chống oxy hóa mạnh.

5. Điều kiện cần tránh: Bảo quản tránh xa các vật liệu không tương thích. Xem "Xử lý và lưu trữ" (Phần 7) và "Không tương thích" (Phần 10).

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	NTP Chất gây ung thư	IARC Chất gây ung thư	OSHA Chất gây ung thư (Được quy định cụ thể)
Polyglycol dimethacrylate	Không	Không	Không
Oleic acid 5.5EO	Không	Không	Không
Silica, amorphous, treated	Không	Không	Không
Saccharin	Không	Không	Không
Propanediol-1,2	Không	Không	Không
Cumene hydroperoxide	Không	Không	Không
Titanium dioxide	Không	Nhóm 2B	Không
Cumene	Không	Nhóm 2B	Không

1. Độc tính cấp tính của sản phẩm đường uống : LD50 (chuột) > 10,000 mg/kg

2. Độc tính cấp tính của sản phẩm qua da: LD50 (thỏ) > 5,000 mg/kg

Thành phần nguy hiểm	Ảnh hưởng sức khỏe/Cơ quan quan trọng
Polyglycol dimethacrylate	Chất gây kích ứng, dị ứng
Oleic acid 5.5EO	Chất gây kích ứng

Datalogic INTERNAL

Silica, amorphous, treated	Không có cơ quan quan trọng
Saccharin	Không có cơ quan quan trọng
Propanediol-1,2	Chất gây kích ứng
Cumene hydroperoxide	Chất gây dị ứng, Hệ thần kinh trung ương, Ăn mòn, Kích ứng, Gây đột biến
Titanium dioxide	Gây kích ứng, Hô hấp, Một số bằng chứng về khả năng gây ung thư
Cumene	Hệ thần kinh trung ương, Kích ứng, Phổi

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin về sinh thái: không có

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Thông tin được cung cấp chỉ dành cho sản phẩm chưa sử dụng.

Phương pháp xử lý được khuyến nghị: Thực hiện theo tất cả các quy định của địa phương, tiểu bang, liên bang và tỉnh về việc xử lý.

Số lượng chất thải nguy hại: Không phải là chất thải nguy hại theo RCRA.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Phân loại vận chuyển trong phần này chỉ dành cho bao bì số lượng lớn. Phân loại vận chuyển có thể khác đối với bao bì không phải số lượng lớn vì có thể áp dụng ngoại lệ. Tham khảo tài liệu vận chuyển để biết phân loại vận chuyển cụ thể cho từng gói hàng.

Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ (49 CFR)

Tên vận chuyển thích hợp:	Chất nguy hại cho môi trường, chất lỏng, n.o.s.
Lớp hoặc phân loại nguy hiểm:	9
Số nhận diện:	UN3082
Nhóm đóng gói:	III
Số lượng báo cáo theo DOT:	Alpha,alpha-Dimethylbenzylhydroperoxide

Vận tải hàng không quốc tế (ICAO/IATA)

Tên vận chuyển thích hợp:	Chất nguy hại cho môi trường, chất lỏng, n.o.s.
Lớp hoặc phân loại nguy hiểm:	9
Số nhận diện:	UN3082
Nhóm đóng gói:	III

Vận tải đường thủy (IMO/IMDG):

Tên vận chuyển thích hợp:	Chất nguy hại cho môi trường, chất lỏng, n.o.s.
Lớp hoặc phân loại nguy hiểm:	9
Số nhận diện:	UN3082

Datalogic INTERNAL

Nhóm đóng gói: III

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Thông tin quy định của Hoa Kỳ:

TSCA 8 (b) Tình trạng tồn kho: Tất cả các thành phần đều được liệt kê hoặc được miễn niêm yết trong Đạo luật kiểm soát chất độc hại tồn kho.

TSCA 12(b) Thông báo xuất khẩu: Không có thành phần nào trên mức báo cáo tối thiểu

CERCLA/SARA Mục 302 EHS: Không có thành phần nào trên mức báo cáo tối thiểu

CERCLA/SARA Mục 311/312: Sức khỏe tức thời, Sức khỏe trì hoãn

CERCLA/SARA 313: Sản phẩm này chứa các hóa chất độc hại sau đây phải tuân theo các yêu cầu báo cáo của mục 313 của Đạo luật về Kế hoạch khẩn cấp và Quyền được biết của cộng đồng năm 1986 (40CFR 372). Cumene hydroperoxide (CAS# 80-15-9).

CERCLA Số lượng có thể báo cáo: Cumene hydroperoxide (CAS# 80-15-9) 10 lbs. (4,54 kg)

Đề xuất 65 của California: Sản phẩm này chứa một loại hóa chất mà Tiểu bang California biết là gây ra dị tật bẩm sinh hoặc các tác hại sinh sản khác. Sản phẩm này chứa một loại hóa chất mà Tiểu bang California biết là gây ung thư.

Thông tin quy định của Canada:

Trạng thái CEPA DSL/NDSL: Tất cả các thành phần đều được liệt kê trong hoặc được miễn khỏi danh sách trong Danh sách các chất trong nước của Canada.

Lớp nguy hiểm WHMIS: D.2.A, D.2.B

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 21/06/2025

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Datalogic Việt Nam

Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu này có những thay đổi so với phiên bản trước ở các phần: 14, 15

Người biên soạn: Kyra Kozak Woods, Trưởng phòng, Các vấn đề quản lý

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM: Dữ liệu có trong đây chỉ được cung cấp để tham khảo và được cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, Henkel

Corporation và các công ty liên kết (“Henkel”) không chịu trách nhiệm về bất kỳ kết quả nào do những người mà Henkel không kiểm soát được phương pháp của họ thu được. Người dùng có trách nhiệm xác định tính phù hợp của các sản phẩm của Henkel hoặc bất kỳ phương pháp sản xuất nào được đề cập trong đây cho một mục đích cụ thể và áp dụng các biện pháp phòng ngừa có thể được khuyến nghị để bảo vệ tài sản và con người khỏi mọi mối nguy hiểm có thể liên quan đến việc xử lý và sử dụng bất kỳ sản phẩm nào của Henkel. Theo quan điểm nêu trên, Henkel từ chối mọi bảo hành, dù là rõ ràng hay ngụ ý, bao gồm bảo hành về khả năng bán được và tính phù hợp cho một mục đích cụ thể, phát sinh từ việc bán hoặc sử dụng các sản phẩm của Henkel. Henkel từ chối thêm bất kỳ trách nhiệm nào đối với các thiệt hại do hậu quả hoặc ngẫu nhiên dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm cả lợi nhuận bị mất

Datalogic INTERNAL

Machine Translated by Google

alpha

Material Safety Data Sheet

Bảng dữ liệu an toàn vật liệu

Số điện thoại khẩn cấp: Hoa Kỳ và Canada: 800 424-9300
Mexico: 01 800 022 1400, (55) 5559 1588



Sức khỏe	1
Tính dễ cháy	1
Mối nguy hiểm vật lý	0
Bảo vệ cá nhân	

1 . Mã sản phẩm và công ty ALPHA® OM-338-T Kem hàn 96,5Sn/3,0Ag/0,5Cu 88,5-3-M13

Tên sản phẩm : 144969 Cookson Electronics 109 Corporate Blvd.
Mã sản phẩm :
Nhà sản xuất :

South Plainfield, NJ 07080 (800) Điện thoại 367-5460 Miễn phí: chính: (908) 791-3000 Fax: (908) 791-3090 www.alphametals.com

Cookson Electronics Mexico, SA de CV Avenida Nafta Số 800, Parque Industrial Stiva Aeropuerto Apodaca, Nuevo León, CP 66600 Mexico www.cooksonelectronics.com Dịch vụ khách hàng: (814) 946-1611

Ngày xác nhận 8/11/2008. : : T.
Được chuẩn bị bởi Maturo (203)-799-4917
Nhận dạng mối nguy hiểm
Ngày thay thế : 11/5/2007.

2.

Trạng thái vật lý : Chất lỏng. [Dán.]
Mùi : Cay nồng.
Tình trạng OSHA/HCS : Vật liệu này được coi là nguy hiểm theo Tiêu chuẩn truyền đạt nguy hiểm của OSHA (29 CFR 1910.1200).
Tổng quan khẩn cấp : CẢNH BÁO !

Có hại nếu nuốt phải. Gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Không hít phải hơi hoặc sương. Không được nuốt. Không để dính vào da hoặc quần áo. Tránh tiếp xúc với mắt. Chứa vật liệu có thể gây tổn thương cơ quan đích. Chỉ sử dụng ở nơi thông thoáng. Đậy kín nắp và niêm phong kín cho đến khi sử dụng. Rửa kỹ sau khi xử lý.

Các tuyến đường xâm nhập : Tiếp xúc qua da. Hít phải. Nuốt phải.
Các tác động cấp tính tiềm ẩn đến sức khỏe

Hít vào : Gây kích ứng hệ hô hấp.
Tiêu hóa : Có hại nếu nuốt phải. Có thể gây tổn thương cơ quan đích. Nuốt phải có thể gây kích ứng đường tiêu hóa và tiêu chảy.

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Da : Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Viêm da là đặc trưng bởi ngứa, bong tróc, đỏ hoặc đôi khi là phồng rộp. Kéo dài hoặc Tiếp xúc nhiều lần có thể gây viêm da. Một khi bị kích ứng, phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra. xảy ra khi sau đó tiếp xúc với mức độ rất thấp. Trong trường hợp có bất kỳ khiếu nại hoặc triệu chứng, tránh tiếp xúc thêm. Những người có tiền sử về các vấn đề nhạy cảm da không nên sử dụng trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này.

Mắt : Gây kích ứng mắt. Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm: đỏ, ngứa, sưng, đau

Tác động tiềm ẩn đến sức khỏe mãn tính

Tác dụng mãn tính : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
thiếc: Tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại có thể gây ra bệnh bụi phổi lành tính (Stannosis).
bạc: Hít phải: khói kim loại sốt, ớn lạnh hoặc run rẩy, yếu cơ, kim loại vị. Nuốt phải: co giật, sốc. Tiếp xúc với sản phẩm này có thể dẫn đến tình trạng từ các hợp chất bạc được gọi là Argvria (sự đổi màu xám xanh của da, mắt và niêm mạc).
Nhựa thông: Vật liệu nóng có thể gây bỏng nhiệt. Hơi có thể gây kích ứng. Có thể gây ra phản ứng dị ứng da khi tiếp xúc nhiều lần.
nhựa thông độc quyền: Có thể gây ra phản ứng dị ứng da khi tiếp xúc nhiều lần.

Các cơ quan đích : Chứa các chất gây tổn thương cho các cơ quan sau: niêm mạc, đường hô hấp trên, da, mắt, thủy tinh thể hoặc giác mạc, mũi/xoang.
Chứa các chất có thể gây tổn thương cho các cơ quan sau: thận.

Tính gây ung thư : Không có dữ liệu kết luận nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức cao hơn hơn 0,1% có thể gây ung thư.

Tính gây đột biến : Không có dữ liệu kết luận nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức cao hơn hơn 0,1% có thể gây ra các tác động di truyền.

Hiệu ứng phát triển : Không có dữ liệu kết luận nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức cao hơn hơn 0,1% có thể gây ra những bất thường về phát triển.

Tác động đến khả năng sinh sản : Không có dữ liệu kết luận nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức cao hơn hơn 0,1% có thể làm suy giảm khả năng sinh sản.

Tình trạng y tế trầm trọng hơn do tiếp xúc quá mức : Các rối loạn về da và tiêu hóa có từ trước và các rối loạn liên quan đến bất kỳ cơ quan đích nào khác được đề cập trong MSDS này là có nguy cơ có thể trở nên trầm trọng hơn do tiếp xúc quá nhiều với chất này sản phẩm. Những người có tiền sử về các vấn đề nhạy cảm da không nên được tuyển dụng trong bất kỳ quy trình nào sử dụng sản phẩm này.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Tên tin	Số CAS	% theo trọng lượng
propanol, [2-(2-butoxymethylethoxy)methylethoxy]- bạc nhựa thông độc	7440-31-5	80-100
quyền nhựa thông Bất kỳ	55934-93-5	1-10
	7440-22-4	1-10
		1-10
		1-10

thành phần nào không được liệt kê trong Mục 3 đều không được quy định hoặc có trong sản phẩm ở nồng độ dưới mức pháp lý giới hạn tiết lộ.

4 . Các biện pháp sơ cứu

Giao tiếp bằng mắt : Kiểm tra và tháo kính áp tròng. Nếu bị kích ứng, hãy đến cơ sở y tế.
Ngay lập tức rửa mắt bằng nước chảy trong ít nhất 30 phút, giữ cho mí mắt mở.

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

4. Các biện pháp sơ cứu

Tiếp xúc với da : Rửa sạch vùng da bị dính hóa chất bằng nhiều nước. Cởi bỏ quần áo và giày dép bị dính hóa chất. Giặt kỹ quần áo bị dính hóa chất bằng nước trước khi cởi ra hoặc đeo găng tay. Tiếp tục xả nước trong ít nhất 15 phút. Đi khám bác sĩ. Giặt sạch quần áo trước khi sử dụng lại. Vệ sinh giày dép kỹ lưỡng trước khi sử dụng lại. Có thể gây kích ứng da khi tiếp xúc với hóa chất. Một khi đã bị kích ứng, phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra khi tiếp xúc với nồng độ rất thấp.

Hít vào : Hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức. Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu nghi ngờ vẫn còn khói, người cứu hộ nên đeo mặt nạ phù hợp hoặc thiết bị hỗ trợ thở. Giữ ấm và nghỉ ngơi cho nạn nhân. Nếu nạn nhân ngừng thở, thở không đều hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo hoặc thở oxy bởi nhân viên được đào tạo. Việc hô hấp nhân tạo bằng miệng có thể gây nguy hiểm cho người sơ cứu. Nếu nạn nhân bất tỉnh, hãy đặt nạn nhân ở tư thế hồi sức và đến cơ sở y tế ngay lập tức. Duy trì đường thở thông thoáng. Nới lỏng quần áo chật như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc cạp quần.

Tiêu hóa : Hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức. Súc miệng bằng nước. Tháo răng giả nếu có. Đưa người bị phơi nhiễm ra nơi thoáng khí. Giữ ấm và nghỉ ngơi cho người đó. Không gây nôn trừ khi có chỉ định của nhân viên y tế. Nếu bị nôn, hãy giữ đầu thấp để chất nôn không vào phổi. Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, hãy đặt nạn nhân ở tư thế hồi phục và đến cơ sở y tế ngay lập tức. Duy trì đường thở thông thoáng. Nới lỏng quần áo bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc cạp quần. Nếu không thở, thở không đều hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo hoặc thở oxy bởi nhân viên được đào tạo.

Bảo vệ người sơ cứu : Không được thực hiện bất kỳ hành động nào có nguy cơ gây nguy hiểm cho bản thân hoặc nếu chưa được đào tạo bài bản. Việc hô hấp nhân tạo bằng miệng có thể gây nguy hiểm cho người sơ cứu. Hãy mặc quần áo bảo hộ, găng tay và kính bảo hộ mắt/mặt phù hợp. Nếu nghi ngờ vẫn còn khói, người cứu hộ nên đeo mặt nạ hoặc thiết bị thở chuyên dụng. Giặt kỹ quần áo bị nhiễm khí bằng nước trước khi cởi bỏ hoặc đeo găng tay.

5 . Các biện pháp chữa cháy

Tính dễ cháy của sản phẩm:

Phương tiện chữa cháy

Thích hợp : Sử dụng chất chữa cháy phù hợp với đám cháy xung quanh.

Không phù hợp : Không có thông tin nào được biết.

Nguy cơ phơi nhiễm đặc biệt : Nếu có hỏa hoạn, phải nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách di dời tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố. Không được thực hiện bất kỳ hành động nào có nguy cơ gây nguy hiểm cho bản thân hoặc nếu chưa được đào tạo bài bản.

Sản phẩm cháy nguy hiểm: : oxit cacbon oxit
kim loại/các oxit Lính

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa : cứu hỏa phải mặc thiết bị bảo hộ thích hợp và thiết bị thở tự cung cấp (SCBA) có mặt nạ kín hoạt động ở chế độ áp suất dương.

6 . Các biện pháp phát hành ngẫu nhiên

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân : Không được thực hiện bất kỳ hành động nào có nguy cơ gây rủi ro cho cá nhân hoặc nếu không được đào tạo phù hợp. Sơ tán khu vực xung quanh. Không cho những người không cần thiết và không được bảo hộ vào. Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Tránh hít phải hơi hoặc sương. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Đeo mặt nạ phòng độc phù hợp khi thông gió không đủ. Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (xem mục 8).

Các biện pháp phòng ngừa môi trường : Tránh làm phát tán vật liệu bị đổ, nước chảy tràn và tiếp xúc với đất, đường thủy, cống rãnh và hệ thống thoát nước. Thông báo cho cơ quan chức năng nếu sản phẩm gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, đường thủy, đất hoặc không khí).

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

6. Các biện pháp giải phóng ngẫu nhiên

Sự cố tràn lớn : Chặn rò rỉ nếu không có nguy cơ. Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực tràn. Tiếp cận điểm xả thải theo hướng ngược gió. Ngăn chặn việc tràn vào cống rãnh, dòng nước, tầng hầm hoặc khu vực kín. Rửa sạch chất tràn bằng hệ thống xử lý nước thải hoặc thực hiện theo các bước sau. Chứa và thu gom chất tràn bằng vật liệu không cháy, có khả năng hấp thụ như cát, đất, vermiculite hoặc đất diatomit và cho vào thùng chứa để xử lý theo quy định của địa phương (xem mục 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Vật liệu hấp thụ bị nhiễm bẩn có thể gây ra mối nguy hiểm tương tự như sản phẩm bị tràn. Lưu ý: xem mục 1 để biết thông tin liên hệ khẩn cấp và mục 13 để biết cách xử lý chất thải.

Sự cố tràn nhỏ : Chặn rò rỉ nếu không có nguy cơ. Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực bị tràn. Pha loãng với nước và lau sạch nếu tan trong nước hoặc thấm bằng vật liệu khô trơ và bỏ vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép.

7 · Xử lý và lưu trữ

Xử lý : Mang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (xem mục 8). Cấm ăn uống và hút thuốc tại khu vực xử lý, bảo quản và chế biến vật liệu này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc.
Những người có tiền sử dị ứng da không nên tham gia vào bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này. Không để sản phẩm dính vào mắt, da hoặc quần áo. Không hít phải hơi hoặc sương. Không được nuốt. Chỉ sử dụng khi thông gió đầy đủ. Đeo mặt nạ phòng độc phù hợp khi thông gió kém. Bảo quản trong bao bì gốc hoặc bao bì thay thế được phê duyệt. Đóng kín bao bì khi không sử dụng.
Các thùng chứa rỗng vẫn còn sót lại cặn sản phẩm và có thể gây nguy hiểm. Không tái sử dụng thùng chứa.

Kho : Bảo quản theo quy định địa phương. Bảo quản trong bao bì gốc, tránh ánh nắng trực tiếp, ở nơi khô ráo, thoáng mát, thông thoáng, tránh xa các vật liệu không tương thích (xem mục 10) và thực phẩm, đồ uống. Đậy kín và niêm phong bao bì cho đến khi sử dụng. Bao bì đã mở phải được đóng kín cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ. Không bảo quản trong bao bì không có nhãn mác. Sử dụng bao bì phù hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Đậy kín hộp đựng. Để hộp đựng ở nơi thoáng mát, thông gió tốt.

8 · Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Tên sản phẩm	Số CAS	Giới hạn phơi
tin	7440-31-5	nhiễm OSHA PEL (Hoa Kỳ, 9/2005). TWA: 2 mg/m³ 8 giờ. ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2006). TWA: 2 mg/m³ 8 giờ. NIOSH REL (Hoa Kỳ, 12/2001). Ghi chú: Ghi chú: REL và PEL cũng áp dụng cho các hợp chất thiếc vô cơ khác (dưới dạng Sn) ngoại trừ oxit thiếc. TWA: 2 mg/m³ 10 giờ.
bạc	7440-22-4	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2006). Ghi chú: Các chất có TLV cao hơn Giới hạn phơi nhiễm cho phép (PEL) của OSHA và/hoặc Giới hạn phơi nhiễm khuyến nghị (REL) của NIOSH. Xem CFR 58(124) :36338-33351, ngày 30 tháng 6 năm 1993, để biết OSHA PEL đã sửa đổi. TWA: 0,1 mg/m³ sau 8 giờ. Dạng: Dạng kim loại NIOSH REL (Hoa Kỳ, 12/2001). Ghi chú: dưới dạng Ag TWA: 0,01 mg/m³, (dưới dạng Ag) sau 10 giờ. OSHA PEL (Hoa Kỳ, 8/1997). Ghi chú: dưới dạng Ag TWA: 0,01 mg/m³, (dưới dạng Ag) 8 giờ. OSHA PEL 1989 (Hoa Kỳ, 3/1989). Ghi chú: dưới dạng Ag TWA: 0,01 mg/m³, (dưới dạng Ag) 8 giờ.

Tham khảo chính quyền địa phương để biết giới hạn phơi nhiễm chấp nhận được.

Các thủ tục giám sát được đề xuất : Nếu sản phẩm này chứa các thành phần có giới hạn phơi nhiễm, có thể cần phải theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hoặc sinh học để xác định hiệu quả của thông gió hoặc các biện pháp kiểm soát khác và/hoặc sự cần thiết phải sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp.

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Các biện pháp kỹ thuật : Chỉ sử dụng khi có hệ thống thông gió đầy đủ. Nếu hoạt động của người dùng tạo ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương mù, hãy sử dụng hệ thống bao che quy trình, hệ thống thông gió hút cục bộ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để hạn chế mức độ tiếp xúc của người lao động với các chất gây ô nhiễm trong không khí dưới bất kỳ giới hạn khuyến nghị hoặc quy định nào.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay, cẳng tay và mặt thật kỹ sau khi xử lý các sản phẩm hóa chất, trước khi Ăn uống, hút thuốc và sử dụng nhà vệ sinh, và sau khi kết thúc ca làm việc. Cần áp dụng các biện pháp phù hợp để loại bỏ quần áo có nguy cơ bị nhiễm bẩn. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Đảm bảo các trạm rửa mắt và vòi sen an toàn ở gần khu vực làm việc. Cấm ăn uống và hút thuốc tại khu vực xử lý, lưu trữ và chế biến vật liệu này. Cởi bỏ/thay mới ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

Bảo vệ cá nhân

Hô hấp : Sử dụng mặt nạ phòng độc lọc khí hoặc cấp khí được lắp đặt phù hợp, tuân thủ tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết. Việc lựa chọn mặt nạ phòng độc phải dựa trên mức độ phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, các mối nguy hiểm của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của mặt nạ đã chọn.

Bàn tay : Găng tay chống hóa chất, không thấm nước, đáp ứng tiêu chuẩn đã được phê duyệt phải được đeo mọi lúc khi xử lý sản phẩm hóa chất nếu đánh giá rủi ro cho thấy cần thiết. Người dùng phải kiểm tra xem lựa chọn cuối cùng về loại găng tay được chọn để xử lý sản phẩm này có phù hợp nhất hay không và phải tính đến các điều kiện sử dụng cụ thể, như đã nêu trong đánh giá rủi ro của người dùng.

Mắt : Tránh tiếp xúc với mắt. Nên sử dụng kính bảo hộ khi có nguy cơ tiếp xúc. Sử dụng kính bảo hộ được thiết kế để bảo vệ mắt khỏi chất lỏng bắn vào.

Da : Tránh tiếp xúc với da và quần áo. Mặc quần áo bảo hộ. Trang phục bảo hộ nên được sử dụng dựa trên công việc được thực hiện (ví dụ: áo khoác phòng thí nghiệm, bộ đồ bảo hộ chống hóa chất, tạp dề tổng hợp, găng tay) để tránh tiếp xúc với bề mặt da. Giặt sạch quần áo bị dính hóa chất bằng nước trước khi tháo hoặc đeo găng tay.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Khí thải từ hệ thống thông gió hoặc thiết bị quy trình làm việc cần được kiểm tra để đảm bảo chúng tuân thủ các yêu cầu của luật bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần phải lắp đặt máy lọc khói, bộ lọc hoặc sửa đổi thiết bị quy trình để giảm lượng khí thải xuống mức chấp nhận được.

9 · Tính chất vật lý và hóa học

Trạng thái vật lý	: Chất lỏng. [Dán.]
Điểm chớp cháy	: Cốc kín: Không áp dụng.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: Không có sẵn.
Giới hạn dễ cháy	: Không có sẵn.
Màu sắc	: Xám.
Mùi	: Cay nồng.
độ pH	: Không có sẵn.
Điểm sôi/ngưng tụ	: Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/đông đặc	: Không có sẵn.
Áp suất hơi	: Không có sẵn.
Mật độ hơi	: Không có sẵn.
Ngưỡng mùi	: Không có sẵn.
Tốc độ bay hơi	: Không có sẵn.
VOC	: 0%

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

10 · Độ ổn định và khả năng phản ứng

Sự ổn định : Sản phẩm ổn định. Trong điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường, sản phẩm có thể gây nguy hiểm. quá trình trùng hợp sẽ không xảy ra.

Điều kiện cần tránh : Không có dữ liệu cụ thể.

Không tương thích với nhiều các chất: : Phản ứng với chất oxy hóa, axit.

Phân hủy nguy hiểm các sản phẩm : Trong điều kiện lưu trữ và sử dụng bình thường, các sản phẩm phân hủy nguy hiểm nên không được sản xuất.

Nguy hiểm khác sản phẩm phân hủy : oxit cacbon (CO, CO2), oxit kim loại, khói độc

Trùng hợp nguy hiểm : Sẽ không xảy ra.

11. Thông tin về độc tính

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	CAS con số	Kết quả	Liều lượng	loài	Phơi bày
nhựa thông	Thỏ da LD50 độc quyền		>2,5 g/kg		-
		LD50 uống	>3 g/kg	Chuột	-
		LD50 uống	>4 g/kg	Con chuột	-

Tính gây ung thư

Phân loại

Sản phẩm/thành phần tên	CAS con số	A.C.G.I.H.	IARC		NIOSH	NTP	OSHA
bạc	7440-22-4 -		-	D	-	-	-

Alpha chưa tiến hành nghiên cứu cụ thể về độc tính của sản phẩm này.

12. Thông tin sinh thái

Độc tính sinh thái dưới nước

Tên sản phẩm/thành phần	Số CAS	Bài kiểm tra	Kết quả	Giống loài	Phơi bày
bạc	7440-22-4	Ngộ độc	EC50 cấp tính 0,0092 mg/L	Daphnia	48 giờ
		Tỷ lệ tử vong	LC50 cấp tính 0,00342 mg/L	Cá	96 giờ
		Tỷ lệ tử vong	LC50 cấp tính 0,00312 mg/L	Cá	96 giờ
		Tỷ lệ tử vong	LC50 cấp tính 0,00276 mg/L	Cá	96 giờ
		Tỷ lệ tử vong	LC50 cấp tính 0,00238 mg/L	Cá	96 giờ
		Tỷ lệ tử vong	LC50 cấp tính 0,00213 mg/L	Cá	96 giờ

13 · Cân nhắc xử lý

Xử lý chất thải : Việc tạo ra chất thải nên được tránh hoặc giảm thiểu bất cứ khi nào có thể. Xử lý các sản phẩm dư thừa và không thể tái chế thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Xử lý của sản phẩm này, các giải pháp và bất kỳ sản phẩm phụ nào phải luôn tuân thủ yêu cầu của luật bảo vệ môi trường và xử lý chất thải và bất kỳ khu vực nào yêu cầu của chính quyền địa phương. Tránh phát tán vật liệu bị đổ và nước chảy tràn và tiếp xúc với đất, đường thủy, cống rãnh và hệ thống thoát nước.

Việc xử lý phải tuân thủ theo luật pháp và quy định hiện hành của khu vực, quốc gia và địa phương.

Tham khảo Mục 7: XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ và Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

để biết thêm thông tin xử lý và bảo vệ nhân viên.

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

14 · Thông tin vận chuyển

Thông tin quy định	Số UN Vận chuyển đúng cách tên	Các lớp học	Nhãn PG*	Thông tin bổ sung
Phân loại DOT	Không được quản lý.	-	-	

PG* : Nhóm đóng gói

15 · Thông tin quy định

Hoa Kỳ

Phân loại HCS : Vật liệu gây kích ứng Vật liệu gây nhạy cảm Tác động lên cơ

Quy định của Liên bang Hoa Kỳ : quan đích Tất cả các thành phần đều tuân thủ các quy tắc hoặc lệnh hiện hành theo TSCA của Hoa Kỳ. Danh mục hàng hóa của Hoa Kỳ (TSCA 8b): Tất cả các thành phần đều được liệt kê hoặc miễn trừ. TSCA 5(a)2 đề xuất các quy tắc quan trọng: Không tìm thấy sản phẩm nào. Quy tắc quan trọng cuối cùng của TSCA 5(a)2: Không tìm thấy sản phẩm nào.

SARA 313

		Tên sản phẩm bạc	Số CAS Nồng độ 7440-22-4	
Mẫu R - Yêu cầu báo cáo	:			1-10
Thông báo nhà cung cấp	:	bạc	7440-22-4	1-10

Canada

WHMIS (Canada) : Lớp D-2B: Vật liệu gây ra các tác động độc hại khác (Độc hại).

Hàng tồn kho của Canada : Hàng tồn kho của Canada: Chưa xác định.

Danh sách quốc tế

Hàng tồn kho của Trung Quốc (IECSC) :

Hàng tồn kho Châu Âu :

Hàng tồn kho của Úc (AICS):

Hàng tồn kho của Nhật Bản (ENCS) :

Hàng tồn kho Hàn Quốc (KECI) :

Hàng tồn kho của Philippines (PICCS) :

16. Thông tin khác

Định nghĩa các thuật ngữ

A.C.G.I.H.	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ Giới hạn phơi nhiễm
Trần nhà	tối đa do OSHA quy định Dịch vụ tóm tắt hóa chất Cơ
CAS	quan nghiên cứu ung thư quốc tế
IARC	Viện quốc gia về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp Chương
NIOSH	trình độc chất quốc gia Cục quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
NTP	Giới hạn phơi nhiễm cho phép Giới hạn
OSHA	phơi nhiễm khuyến nghị Quyền được biết Đạo luật sửa đổi và
PEL	tái thẩm quyền Superfund Giới hạn
REL	phơi nhiễm ngắn hạn Giá trị giới hạn
RTK	ngưỡng ACGIH Giá
SARA	trị giới hạn ngưỡng ACGIH, Trần Được tuyên bố là cho phép theo
BỘ	29CFR§1910.1200 Đạo luật kiểm soát
TLV	chất độc hại Thiết bị bảo vệ cá nhân
TLV-C	Đạo luật bảo vệ môi trường Canada
BÍ MẬT THƯƠNG MẠI	
TSCA	
Thiết bị bảo hộ cá nhân	
CEPA	

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

16. Thông tin khác

DSL	Danh sách chất trong nước
NDSL	Danh sách chất không phải trong nước
NSN	Quy định mới về thông báo chất

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được coi là chính xác. Tuy nhiên, không có bất kỳ bảo đảm nào được thể hiện hoặc ngụ ý về tính chính xác của dữ liệu này hoặc kết quả thu được từ việc sử dụng chúng. Ngoài ra, Cookson Electronics không chịu trách nhiệm về thương tích cho người mua hoặc người thứ ba do vật liệu gây ra, ngay cả khi các quy trình an toàn hợp lý được tuân thủ. Hơn nữa, người mua tự chịu rủi ro khi sử dụng vật liệu.

Cookson Electronics

Machine Translated by Google

alpha

Material Safety Data Sheet

Bảng dữ liệu an toàn vật liệu

Số điện thoại khẩn cấp: Alpha Chemtrec #5591
Hoa Kỳ và Canada: 800 424-9300
Mexico: 01 800 022 1400, (55) 5559 1588

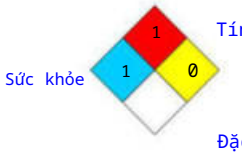

Sức khỏe	1
Tính dễ cháy	1
Mối nguy hiểm vật lý	0
Bảo vệ cá nhân	

1 . Nhận dạng sản phẩm và công ty Dây hàn lõi hợp kim 96,5Sn/3,0Ag/0,5Cu (SAC305),

Tên sản phẩm : Chất trợ dung lõi tinh khiết M771PURE Cookson Electronics 109 Corporate Blvd.

Mã sản phẩm :

Nhà sản xuất :

South Plainfield, NJ 07080 Miễn phí: (800) 367-5460 Điện thoại chính: (908) 791-3000 Fax: (908) 791-3090 www.alphametals.com

Cookson Electronics Mexico, SA de CV Avenida Nafta Số 800, Parque Industrial Stiva Aeropuerto Apodaca, Nuevo León, CP 66600 Mexico www.cooksonelectronics.com Dịch vụ khách hàng: (814) 946-1611

Ngày xác nhận : 23/4/2010. Ngày thay thế : 15/01/2010.

Được chuẩn bị bởi : T. Valverde (203)-799-4940 Nhận

2. dạng mối nguy hiểm

Trạng thái vật lý : Chất rắn.

Mùi : Không có.

Tình trạng OSHA/HCS : Vật liệu này được coi là nguy hiểm theo Tiêu chuẩn truyền đạt nguy hiểm của OSHA (29 CFR 1910.1200).

Tổng quan khẩn cấp : CẢNH BÁO!

Có hại nếu nuốt phải. Gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da. Không được nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Có chứa thành phần có thể gây tổn thương cơ quan đích, dựa trên dữ liệu trên động vật. Chỉ sử dụng ở nơi thông gió đầy đủ. Đậy kín nắp và niêm phong kín cho đến khi sử dụng. Rửa kỹ sau khi xử lý.

Các tuyến đường xâm nhập : Tiếp xúc qua da. Tiếp xúc qua mắt. Hít phải. Nuốt phải.

Các tác động cấp tính tiềm ẩn đến sức khỏe

Hít vào : Gây kích ứng hệ hô hấp.

Tiêu hóa : Có hại nếu nuốt phải. Có thể gây tổn thương cơ quan đích. Nuốt phải có thể gây kích ứng đường tiêu hóa và tiêu chảy.

Da : Gây kích ứng da. Viêm da có biểu hiện là ngứa, bong tróc, đỏ hoặc đôi khi là phồng rộp.

Mắt : Gây kích ứng mắt. Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm: đỏ, ngứa, sưng, đau.

Tác động tiềm ẩn đến sức khỏe mãn tính

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Tác dụng mãn tính : Chứa vật liệu có thể gây tổn thương cơ quan đích. Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm sau đây:
Thiếc: Tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể gây ra bệnh bụi phổi lành tính (Stannosis).
Bạc: Hít phải: sốt do khói kim loại, ớn lạnh hoặc run rẩy, yếu cơ, kim loại vị. Nuốt phải: co giật, sốc. Tiếp xúc với sản phẩm này có thể dẫn đến tình trạng từ các hợp chất bạc được gọi là Argvria (sự đổi màu xám xanh của da, mắt và niêm mạc).
alkyl béo, amin alkoxylat hóa: Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức: Mắt - quá mức Chảy nước mắt, đỏ mắt. Tiếp xúc lâu dài có thể gây tổn thương mắt. Ngứa da, đỏ da. Tiêu hóa - kích ứng đường tiêu hóa, buồn nôn hoặc nôn.

Các cơ quan đích : Chứa các chất có thể gây tổn thương cho các cơ quan sau: thận, niêm mạc màng, đường hô hấp trên, da, mắt, mũi/xoang.

Tính gây ung thư : Không được phân loại hoặc liệt kê bởi IARC, NTP, OSHA, EU và ACGIH.

Tính gây đột biến : Không có dữ liệu kết luận nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức cao hơn hơn 0,1% có thể gây ra các tác động di truyền.

Hiệu ứng phát triển : Không có dữ liệu kết luận nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức cao hơn hơn 0,1% có thể gây ra những bất thường về phát triển.

Tác động đến khả năng sinh sản : Không có dữ liệu kết luận nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức cao hơn hơn 0,1% có thể làm suy giảm khả năng sinh sản.

Đạo luật 65 của California : CẢNH BÁO: Sản phẩm này chứa ít hơn 0,1% hóa chất được Tiểu bang biết đến California có thể gây ung thư.
CẢNH BÁO: Sản phẩm này chứa ít hơn 1% hóa chất được Tiểu bang biết đến California có thể gây ra dị tật bẩm sinh hoặc các tác hại sinh sản khác.

Tình trạng y tế trầm trọng hơn do tiếp xúc quá mức : Các rối loạn tiêu hóa có từ trước và các rối loạn liên quan đến bất kỳ cơ quan đích nào khác được đề cập trong MSDS này là có nguy cơ có thể trở nên trầm trọng hơn do tiếp xúc quá nhiều với chất này sản phẩm.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Tên	Số CAS	% theo trọng lượng
Tin	7440-31-5	80-100
Bạc	7440-22-4	1-5
alkyl béo, amin alkoxyl hóa độc quyền		1-5

Bất kỳ thành phần nào không được liệt kê trong Mục 3 đều không được quy định hoặc có trong sản phẩm ở nồng độ dưới mức pháp lý giới hạn tiết lộ.

4 . Các biện pháp sơ cứu

Giao tiếp bằng mắt : Kiểm tra và tháo kính áp tròng. Nếu bị kích ứng, hãy đến cơ sở y tế. Ngay lập tức rửa mắt bằng nước chảy trong ít nhất 30 phút, giữ cho mí mắt mở.

Tiếp xúc với da : Rửa sạch vùng da bị nhiễm bẩn bằng nhiều nước. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giày. Tiếp tục xả trong ít nhất 15 phút. Đi khám bác sĩ nếu có triệu chứng xảy ra. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Làm sạch giày kỹ lưỡng trước khi tái sử dụng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích ứng vẫn còn. Trong trường hợp tiếp xúc, hãy rửa ngay lập tức rửa da bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút trong khi cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giày dép.

Hít vào : Hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức. Đưa người bị phơi nhiễm ra nơi thoáng khí. Nếu nghi ngờ Nếu vẫn còn khói, người cứu hộ nên đeo mặt nạ phù hợp hoặc thiết bị thở tự cung cấp. Giữ ấm và nghỉ ngơi cho nạn nhân. Nếu nạn nhân không thở, nếu thở không đều hoặc nếu ngừng thở xảy ra, hãy hô hấp nhân tạo hoặc cung cấp oxy bởi nhân viên được đào tạo. Việc hô hấp nhân tạo bằng miệng có thể gây nguy hiểm cho người hỗ trợ. Nếu bất tỉnh, hãy đặt nạn nhân ở tư thế hồi sức và tìm kiếm sự chăm sóc y tế. ngay lập tức. Duy trì đường thở thông thoáng. Nới lỏng quần áo chật như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc thắt lưng.

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

4. Các biện pháp sơ cứu

Tiêu hóa : Hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức. Súc miệng bằng nước. Tháo răng giả nếu có. Đưa người bị phơi nhiễm ra nơi thoáng khí. Giữ ấm và nghỉ ngơi cho người đó. Không gây nôn trừ khi có chỉ định của nhân viên y tế. Nếu bị nôn, hãy giữ đầu thấp để chất nôn không vào phổi. Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, hãy đặt nạn nhân ở tư thế hồi phục và đến cơ sở y tế ngay lập tức. Duy trì đường thở thông thoáng. Nới lỏng quần áo bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc cạp quần. Nếu không thở, thở không đều hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo hoặc thở oxy bởi nhân viên được đào tạo.

Bảo vệ người sơ cứu : Không được thực hiện bất kỳ hành động nào có nguy cơ gây nguy hiểm cho bản thân hoặc nếu chưa được đào tạo bài bản. Việc hô hấp nhân tạo bằng miệng có thể gây nguy hiểm cho người sơ cứu. Hãy mặc quần áo bảo hộ, găng tay và kính bảo hộ/mặt phù hợp. Nếu nghi ngờ vẫn còn khói, người cứu hộ nên đeo mặt nạ hoặc thiết bị hỗ trợ hô hấp phù hợp.

5 · Các biện pháp chữa cháy

Tính dễ cháy của sản phẩm: Không có nguy cơ cháy nổ cụ thể.

Phương tiện chữa cháy

Thích hợp : Sử dụng chất chữa cháy phù hợp với đám cháy xung quanh.

Không phù hợp : Không có thông tin nào được biết.

Nguy cơ phơi nhiễm đặc biệt : Nếu có hỏa hoạn, hãy nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách di dời tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố. Không được thực hiện bất kỳ hành động nào có nguy cơ gây nguy hiểm cho cá nhân hoặc nếu chưa được đào tạo

Sản phẩm cháy nguy hiểm bài bản. : oxit kim loại/oxit

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa : Lính cứu hỏa phải mặc thiết bị bảo hộ phù hợp và thiết bị thở tự cung cấp (SCBA) có mặt nạ kín hoạt động ở chế độ áp suất dương.

6 . Các biện pháp phát hành ngẫu nhiên

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân : Không được thực hiện bất kỳ hành động nào có nguy cơ gây rủi ro cho cá nhân hoặc nếu không được đào tạo phù hợp.
Sơ tán khu vực xung quanh. Không cho những người không cần thiết và không được bảo hộ vào. Không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ. Đảm bảo thông gió đầy đủ.
Đeo mặt nạ phòng độc phù hợp khi thông gió không đủ. Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (xem mục 8).

Các biện pháp phòng ngừa môi trường : Tránh làm phát tán vật liệu bị đổ, nước chảy tràn và tiếp xúc với đất, đường thủy, cống rãnh và hệ thống thoát nước. Thông báo cho cơ quan chức năng nếu sản phẩm gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, đường thủy, đất hoặc không khí).

Sự cố tràn lớn : Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực tràn. Tiếp cận điểm xả thải theo hướng ngược gió. Ngăn chặn chất thải tràn vào cống rãnh, kênh rạch, tầng hầm hoặc khu vực kín. Hút bụi hoặc quét sạch vật liệu và bỏ vào thùng chứa chất thải được chỉ định, có dán nhãn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Lưu ý: xem mục 1 để biết thông tin liên hệ khẩn cấp và mục 13 để biết thông tin xử lý chất thải.

Sự cố tràn nhỏ : Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực bị đổ. Hút bụi hoặc quét sạch vật liệu và bỏ vào thùng chứa chất thải được chỉ định, có dán nhãn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép.

7 · Xử lý và lưu trữ

Xử lý : Mang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (xem mục 8). Cấm ăn uống và hút thuốc tại khu vực xử lý, bảo quản và chế biến vật liệu này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc.
Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Không được nuốt. Chỉ sử dụng khi có đủ thông gió. Đeo mặt nạ phòng độc phù hợp khi thông gió kém. Bảo quản trong bao bì gốc hoặc bao bì thay thế được phê duyệt. Đậy kín bao bì khi không sử dụng. Bao bì rỗng sẽ giữ lại cặn sản phẩm và có thể gây nguy hiểm. Không tái sử dụng bao bì.

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

7. Xử lý và lưu trữ

Kho : Bảo quản theo quy định địa phương. Bảo quản trong bao bì gốc, tránh ánh nắng trực tiếp, ở nơi khô ráo, thoáng mát, thông thoáng, tránh xa các vật liệu không tương thích (xem mục 10) và thực phẩm, đồ uống. Đậy kín và niêm phong bao bì cho đến khi sử dụng. Bao bì đã mở phải được đóng kín cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ. Không bảo quản trong bao bì không có nhãn mác. Sử dụng bao bì phù hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

Bảo quản bình chứa ở nơi thoáng mát, thông thoáng. Đậy kín bình chứa cho đến khi sử dụng. Tránh mọi nguồn gây cháy (tia lửa hoặc ngọn lửa).

8 . Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Tên sản phẩm	Giới hạn phơi nhiễm
Tin	OSHA PEL (Hoa Kỳ, 9/2005). TWA: 2 mg/m³ 8 giờ. ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2008). TWA: 2 mg/m³ 8 giờ. NIOSH REL (Hoa Kỳ, 6/2008). Ghi chú: Ghi chú: REL và PEL cũng áp dụng cho các hợp chất thiếc vô cơ khác (dưới dạng Sn) ngoại trừ oxit thiếc. TWA: 2 mg/m³ 10 giờ.
Bạc	NIOSH REL (Hoa Kỳ, 6/2008). Ghi chú: dưới dạng Ag TWA: 0,01 mg/m³, (dưới dạng Ag) 10 giờ. Dạng: BỤI KIM LOẠI VÀ CHẤT HÒA TAN OSHA PEL (Hoa Kỳ, 11/2006). Ghi chú: dưới dạng Ag TWA: 0,01 mg/m³, (dưới dạng Ag) 8 giờ. OSHA PEL 1989 (Hoa Kỳ, 3/1989). Ghi chú: dưới dạng Ag TWA: 0,01 mg/m³, (dưới dạng Ag) 8 giờ. ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2008). Ghi chú: Các chất có TLV cao hơn Giới hạn phơi nhiễm cho phép (PEL) của OSHA và/hoặc Giới hạn phơi nhiễm khuyến nghị (REL) của NIOSH. Xem CFR 58(124) :36338-33351, ngày 30 tháng 6 năm 1993, để biết OSHA PEL đã sửa đổi. TWA: 0,1 mg/m³ 8 giờ. Dạng: Dạng kim loại

Tham khảo chính quyền địa phương để biết giới hạn phơi nhiễm chấp nhận được.

Các thủ tục giám sát được đề xuất : Nếu sản phẩm này chứa các thành phần có giới hạn phơi nhiễm, có thể cần phải theo dõi cá nhân, không khí nơi làm việc hoặc sinh học để xác định hiệu quả của thông gió hoặc các biện pháp kiểm soát khác và/hoặc sự cần thiết phải sử dụng thiết bị bảo vệ đường hô hấp.

Các biện pháp kỹ thuật : Chỉ sử dụng với hệ thống thông gió đầy đủ. Nếu hoạt động của người dùng tạo ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương mù, hãy sử dụng hệ thống bao che quy trình, hệ thống thông gió hút cục bộ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để hạn chế mức độ tiếp xúc của người lao động với các chất gây ô nhiễm trong không khí dưới bất kỳ giới hạn khuyến nghị hoặc quy định nào. Các quy trình nên được thiết kế để giảm thiểu việc tiếp xúc với các chất độc hại trong không khí và trên da.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay, cẳng tay và mặt thật kỹ sau khi xử lý các sản phẩm hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và sử dụng nhà vệ sinh, và sau khi kết thúc ca làm việc. Cần áp dụng các biện pháp phù hợp để loại bỏ quần áo có nguy cơ bị nhiễm bẩn. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Đảm bảo các trạm rửa mắt và vòi sen an toàn ở gần khu vực làm việc. Cấm ăn uống và hút thuốc tại khu vực xử lý, lưu trữ và chế biến vật liệu này. Cởi bỏ/thay mới ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

Bảo vệ cá nhân

Hô hấp : Sử dụng mặt nạ phòng độc lọc khí hoặc cấp khí phù hợp, tuân thủ tiêu chuẩn NIOSH nếu đánh giá rủi ro cho thấy cần thiết. Việc lựa chọn mặt nạ phòng độc phải dựa trên mức độ phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, các mối nguy hiểm của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của mặt nạ đã chọn.

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Bàn tay	:	Găng tay chống hóa chất, không thấm nước, đáp ứng tiêu chuẩn đã được phê duyệt phải được đeo mọi lúc khi xử lý sản phẩm hóa chất nếu đánh giá rủi ro cho thấy cần thiết. Người dùng phải kiểm tra xem lựa chọn cuối cùng về loại găng tay được chọn để xử lý sản phẩm này có phù hợp nhất hay không và phải tính đến các điều kiện sử dụng cụ thể, như đã nêu trong đánh giá rủi ro của người dùng.
Mắt	:	Tránh tiếp xúc với mắt. Nên sử dụng kính bảo hộ khi có khả năng tiếp xúc.
Da	:	Tránh tiếp xúc với da và quần áo. Mặc quần áo bảo hộ. Trang phục bảo hộ nên được sử dụng dựa trên công việc được thực hiện (ví dụ: áo khoác phòng thí nghiệm, bộ đồ bảo hộ chống hóa chất, tay áo, tạp dề tổng hợp, găng tay) để tránh tiếp xúc với bề mặt da. Giặt sạch quần áo bị dính hóa chất bằng nước trước khi cởi ra hoặc đeo găng tay.
Kiểm soát phơi nhiễm môi trường	:	Khí thải từ hệ thống thông gió hoặc thiết bị quy trình làm việc cần được kiểm tra để đảm bảo chúng tuân thủ các yêu cầu của luật bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần phải lắp đặt máy lọc khói, bộ lọc hoặc sửa đổi thiết bị quy trình để giảm lượng khí thải xuống mức chấp nhận được.

9 · Tính chất vật lý và hóa học

Trạng thái vật lý	:	Chất rắn.
Điểm chớp cháy	:	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	Không có sẵn.
Giới hạn dễ cháy	:	Không có sẵn.
Màu sắc	:	Xám.
Mùi	:	Không có.
độ pH	:	Không có sẵn.
Điểm sôi/ngưng tụ	:	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/đông đặc	:	Không có sẵn.
Áp suất hơi	:	Không có sẵn.
Mật độ hơi	:	Không có sẵn.
Ngưỡng mùi	:	Không có sẵn.
Tốc độ bay hơi	:	Không có sẵn.
VOC	:	9,6 g/
Độ hòa tan	:	l Không tan trong các chất sau: nước lạnh và nước nóng.

10 · Độ ổn định và khả năng phản ứng

Sự ổn định	:	Sản phẩm ổn định.
Điều kiện cần tránh	:	Không có dữ liệu cụ thể.
Không tương thích với nhiều chất khác nhau	:	Phản ứng với chất oxy hóa, chất khử, axit, kiềm. Clo, peroxit Trong
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	:	điều kiện bảo quản và sử dụng bình thường, không được tạo ra các sản phẩm phân hủy nguy hiểm. : oxit kim loại,
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm khác		khói độc
Trùng hợp nguy hiểm	:	Trong điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, phản ứng trùng hợp nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

11. Thông tin về độc tính

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần Kết quả		Giống loài	Liều lượng	Phơi bày
Bạc	LD Oral LD Oral LD50 uống	Chuột lang Chuột Chuột	>5 g/kg >10 g/kg 100 mg/kg	- - -

Tính gây ung thư

Phân loại

Tên sản phẩm/thành phần ACGIH		IARC		NIOSH	NTP	OSHA
Bạc	-	-	D	-	-	-

Alpha chưa tiến hành nghiên cứu cụ thể về độc tính của sản phẩm này.

12. Thông tin sinh thái

Độc tính sinh thái dưới nước

Tên sản phẩm/thành phần Kết quả	Bạc cấp tính EC50	Giống loài	Phơi bày
0,0092 mg/L EC50 cấp tính 0,24 ug/L Nước	ngọt	Daphnia	48 giờ
		Daphnia - Daphnia magna - <1 ngày	48 giờ
	LC50 cấp tính 15 đến 18 ug/L Giáp xác nước ngọt	- Simocephalus cũ - <24 giờ	48 giờ
	LC50 cấp tính 0,00213 mg/L	Cá	96 giờ
	LC50 cấp tính 0,00238 mg/L	Cá	96 giờ
	LC50 cấp tính 0,00276 mg/L	Cá	96 giờ
	LC50 cấp tính 0,00312 mg/L	Cá	96 giờ
	LC50 cấp tính 0,00342 mg/L	Cá	96 giờ

13 · Cân nhắc xử lý

Xử lý chất thải : Việc tạo ra chất thải phải được tránh hoặc giảm thiểu bất cứ khi nào có thể. Các thùng chứa hoặc lớp lót có thể giữ lại một số cặn sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được xử lý theo cách an toàn. Xử lý các sản phẩm dư thừa và không thể tái chế thông qua một nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép. Việc xử lý sản phẩm này, các dung dịch và bất kỳ sản phẩm phụ nào phải luôn tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường. và luật xử lý chất thải và bất kỳ yêu cầu nào của chính quyền địa phương khu vực. Tránh sự phát tán của vật liệu bị đổ và dòng chảy và tiếp xúc với đất, đường thủy, cống rãnh và cống rãnh.

Việc xử lý phải tuân thủ theo luật pháp và quy định hiện hành của khu vực, quốc gia và địa phương.

Tham khảo Mục 7: XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ và Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

để biết thêm thông tin xử lý và bảo vệ nhân viên.

14 · Thông tin vận chuyển

Quy định thông tin	Số UN Vận chuyển đúng cách tên	Các lớp học	Nhãn PG*	Thêm vào thông tin
Phân loại DOT	Không được quy định.	-	-	

PG* : Nhóm đóng gói

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

15. Thông tin quy định

Hoa Kỳ

Phân loại HCS : Vật liệu gây kích ứng Tác động lên cơ

Quy định của Liên bang Hoa Kỳ : quan đích TSCA 5(a)2 đề xuất các quy tắc sử dụng mới quan trọng: Không tìm thấy sản phẩm nào.
Quy tắc sử dụng mới quan trọng cuối cùng của TSCA 5(a)2: Không tìm thấy sản phẩm nào.
Xuất khẩu một lần TSCA 12(b): Không tìm thấy sản phẩm nào.

Hàng tồn kho của Hoa Kỳ (TSCA 8b) : Tất cả các thành phần đều được liệt kê hoặc miễn trừ.

SARA 313

	Tên sản phẩm	Số CAS Nồng độ	
Mẫu R - Yêu cầu báo cáo	Bạc	7440-22-4	1-5
Thông báo nhà cung cấp	Bạc	7440-22-4	1-5

CẢNH BÁO theo Đề

xuất 65 của California : Sản phẩm này chứa ít hơn 0,1% hóa chất mà Tiểu bang California biết là có thể gây ung thư.
CẢNH BÁO: Sản phẩm này chứa ít hơn 1% hóa chất mà Tiểu bang California biết là có thể gây dị tật bẩm sinh hoặc các tác hại khác đến khả năng sinh sản.

Canada

WHMIS (Canada) : Không được kiểm soát theo WHMIS (Canada).

Hàng tồn kho của Canada : Chưa xác định.

Danh sách quốc tế

16. Thông tin khác

Định nghĩa các thuật ngữ

A.C.G.I.H.	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ Giới hạn phơi nhiễm
Trần nhà	tối đa do OSHA quy định Dịch vụ tóm tắt hóa chất Cơ
CAS	quan nghiên cứu ung thư quốc tế
IARC	Viện quốc gia về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp Chương
NIOSH	trình độc chất quốc gia Cục quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
NTP	Giới hạn phơi nhiễm cho phép Giới
OSHA	hạn phơi nhiễm khuyến nghị Quyền được biết Đạo luật sửa đổi
PEL	và tái thẩm quyền Superfund Giới
REL	hạn phơi nhiễm ngắn hạn Giá trị giới
RTK	hạn ngưỡng ACGIH
SARA	Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH, Trần được tuyên bố là cho phép
BỘ	theo 29CFR§1910.1200 Đạo luật kiểm
TLV	soát chất độc hại Thiết bị bảo vệ cá
TLV-C	nhân Đạo luật bảo vệ môi trường Canada Danh sách
BÍ MẬT THƯƠNG MẠI	chất trong nước Danh sách chất ngoài nước Quy tắc thông
TSCA	báo chất mới

Thuật ngữ bổ sung và viết tắt

CEPA	
DSL	
NDSL	
NSN	

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tiếp tục ở trang tiếp theo

Machine Translated by Google

16. Thông tin khác

Thông tin trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được coi là chính xác. Tuy nhiên, không có bất kỳ bảo đảm nào được thể hiện hoặc ngụ ý về tính chính xác của dữ liệu này hoặc kết quả thu được từ việc sử dụng chúng. Ngoài ra, Cookson Electronics không chịu trách nhiệm về thương tích cho người mua hoặc người thứ ba do vật liệu gây ra, ngay cả khi các quy trình an toàn hợp lý được tuân thủ. Hơn nữa, người mua tự chịu rủi ro khi sử dụng vật liệu.

4.1b1161

Cookson Electronics

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

GFLEX COMPONENT "A"	Hình đồ cảnh báo
Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	 Hóa chất kích ứng, ảnh hưởng sức khỏe

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: **GFLEX COMPONENT "A"**	Mã sản phẩm (nếu có): 072000198
- Tên thương mại:	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	**Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:**
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Sealed Air Corporation (US) 10 old Sherman Turnpike, Danbury, CT 06810	Emergency telephone: 800-424-9300
- Mục đích sử dụng:	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Polymeric Diphenylmethane Diisocyanate (Polymeric MDI or PMDI)	9016-87-9		60-100
4,4'-Diphenylmethane diisocyanate	101-68-8		30-60

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. **Mức xếp loại nguy hiểm:** Độc mãn tính nếu hít phải: Mức 4
   Kích ứng/ăn mòn da: mức 2
   Phá hủy mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt.: Mức 2B
   Mẫn cảm cho hệ hô hấp: mức 1
   Mẫn cảm da: Mức 1
   Độc tính cho bộ phận cụ thể (Tiếp xúc một lần) [Kích thích đường hô hấp]: Mức 3
   (1=nguy hiểm cao nhất; 2=nguy hiểm cao; 3=nguy hiểm thấp; 4=nguy hiểm thấp nhất.)

2. Cảnh báo nguy hiểm: Chất gây kích ứng, ảnh hưởng sức khỏe con người

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Tiếp xúc mắt/da: gây kích ứng cho mắt và da.
- Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải.
- Có thể gây phản ứng dị ứng da.

- Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

4. Tình Trạng cảnh báo: Mang găng tay cao su, năng tay nitrile, neoprene chống hóa chất, hoặc găng tay bảo vệ thích hợp. mang mặt nạ bảo vệ mắt, mặt. Sử dụng ở khu vực thông gió thích hợp. tránh hít phải hơi. Rửa sạch tay sau khi sử dụng. Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn phải được cho phép mang ra ngoài khu vực làm việc.

Nếu Hít phải: Di chuyển nạn nhân tới nơi thoáng khí và giữ thoải mái để thở. Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe. Nếu triệu chứng đường thở tang: gọi trung tâm chống độc hoặc bác sỹ.

Nếu Tiếp xúc da: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại. Nếu kích ứng da hoặc nổi ban da: chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nếu văng vào mắt: Rửa mắt kỹ với nước trong vài phút. Cởi bỏ kính áp tròng, nếu có hoặc dễ dàng để tháo. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn xảy ra: Chăm sóc y tế ngay lập tức. Xử lý thành phần và thùng chứa theo quy định của pháp luật địa phương, vùng, quốc già và theo quy định quốc tế.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Hít phải: Chăm sóc y tế ngay lập tức. gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ. Di chuyển nạn nhân tới nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngời ở nơi thoải mái để thở. Điều trị triệu chứng kích thích tiên phát và co thắt phế quản.

2. Tiếp xúc với da: Sau khi dính vào da, rửa sạch ngay lập tức với nhiều xà phòng và nước ấm. Cởi bỏ quần áo và giày nhiễm bẩn. Tiếp tục rửa ít nhất 10 phút. Một nghiên cứu MDI đã chứng minh rằng chất làm sạch da dựa trên poly glycol (như D-TamTM, PEG-400) hoặc dầu ngô có thể hiệu quả hơn xà phòng và nước. Chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xảy ra. Giặt quần áo trước khi tái sử dụng. Rửa giày thật kỹ trước khi sử dụng.

3. Tiếp xúc với mắt: Chăm sóc y tế ngay lập tức. Gọi trung tâm chống độc. kiểm tra và tháo bỏ kính áp tròng. Lập tức rửa mắt với thật nhiều nước dưới vòi nước đang chảy trong ít nhất 15 phút,

4. Nuốt phải: Chăm sóc y tế ngay lập tức. Đừng cố nôn ra trừ khi được trực tiếp làm bởi nhân viên y tế. không bao giờ đưa bất kỳ thứ gì vào miệng nạn nhân. Nếu nạn nhân còn tỉnh táo , rửa sạch miệng bằng nhiều nước. Chăm sóc y tế nếu triệu chứng vẫn tiếp tục xảy ra.

Ảnh hưởng/triệu chứng quan trọng nhất:

Mắt: Gây kích ứng mắt, Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm đau hoặc kích ứng, chảy nước và đỏ mắt.

Da: gây kích ứng da. Các triệu chứng bất lợi có thể có gây kích ứng và đỏ da. Có thể gây mẫn cảm khi dính vào da. Các nghiên cứu trên động vật đã chỉ ra rằng sự nhạy cảm hô hấp có thể được gây ra do tiếp xúc với da với các chất nhạy cảm hô hấp đã biết bao gồm diisocyanate. Những kết quả này nhấn mạnh sự cần thiết của quần áo bảo hộ bao gồm cả găng tay phải được đeo mọi lúc khi xử lý các hóa chất này.

Hít phải: Gây hại nếu hít phải. Có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Triệu chứng bất lợi có thể bao gồm kích thích đường hô hấp, ho, thở khò khè và khó thở, và hen suyễn. Sản phẩm này là một chất kích thích hô hấp và nhạy cảm hô hấp tiềm năng. Hít nhiều lần hơi hoặc khí dung ở mức cao hơn giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp có thể gây ra nhạy cảm hô hấp. Các triệu chứng có thể bao gồm kích ứng mắt, mũi, họng và phổi, có thể kết hợp với khô cổ họng, tức ngực và khó thở. Sự khởi đầu của các triệu chứng hô hấp có thể bị trì hoãn trong vài giờ sau khi tiếp xúc. Đáp ứng siêu phản ứng với nồng độ MDI thậm chí tối thiểu có thể phát triển ở những người nhạy cảm. LC50 (chuột): ca. 490 mg / m^3 (4 giờ): sử dụng khí dung có thể hô hấp được sản xuất thử nghiệm có đường kính khí động học <5 micron.

Nuốt phải: Độc cho đường miệng thấp, nhưng nuốt phải cso thể gây kích ứng dạ dày.

Điều trị y tế ngay lập tức và biện pháp xử lý đặc biệt cần thiết: triệu chứng và liệu pháp điều trị hỗ trợ được chỉ định. Theo dõi sự tiếp xúc một cách gay gắt, Chăm sóc y tế phải được kiểm tra trong ít nhất 48 giờ.

Điều kiện y tế tang thêm: Những người bị rối loạn hô hấp từ trước có thể dễ bị tác động kích thích hơn.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Biện pháp đặc biệt: Không có biên pháp đặc biệt được yêu cầu.
2. Phương tiện chữa cháy thích hợp: bọt, CO2, bột khô.
3. Mối nguy đặc biệt: Các thùng chứa hóa chất dư có thể vỡ dưới sức nóng hoặc áp lực mạnh. Do phản ứng với nước, áp lực tích tụ nguy hiểm có thể xảy ra nếu các thùng chứa bị nhiễm ẩm.
4. Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho người cứu hỏa: Lính cứu hỏa nên mặc các thiết bị bảo vệ thích hợp và thiết bị thở độc lập (SCBA) với một mặt đầy đủ hoạt động ở chế độ áp suất dương. Nên mang ủng PVC, găng tay, mũ bảo hộ và quần áo bảo hộ.
5. Phương tiện chữa cháy không thích hợp: Nước có thể được sử dụng với số lượng lớn. Phản ứng giữa nước và isocyanate nóng có thể mạnh mẽ. Chứa nước chảy ra với các rào chắn tạm thời và làm cho các thùng chứa tiếp xúc với lửa được mát bằng cách phun nước.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Cảnh báo cá nhân:** Di tản khu vực xung quanh sự cố tràn và ngăn chặn sự cố tràn, rò rỉ hoặc xâm nhập vào cống. Bảo vệ mắt và da nên được đeo trong quá trình làm sạch tràn và duy trì thông gió. Nếu tiềm năng về nồng độ MDI trong không khí trên PEL tồn tại, thì nên bảo vệ đường hô hấp (xem Phần 8).
2. **Cảnh báo về môi trường:** Tránh làm lây lan chất bị đổ ra và dòng chảy và tiếp xúc với đất, đường thủy, hệ thống thoát nước và cống rãnh.
3. **Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch:** Hấp thụ chất thải vào cát, đất hoặc bất kỳ vật liệu hấp phụ thích hợp nào. Để lại phản ứng trong ít nhất 30 phút. Xẻng vào thùng phuy mở, thùng mở hoặc túi nhựa dày để khử nhiễm thêm. Rửa vùng bị đổ bằng nước. Trung hòa lượng tràn nhỏ bằng chất khử độc (5-10% natri cacbonat, chất tẩy lỏng 0,2-2%, nước để tạo thành tới 100%). Loại bỏ và xử lý dư lượng. Lưu ý: xem Phần 1 để biết thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 để xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:

Đặt thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp (xem Phần 8). Những người có tiền sử nhạy cảm với da hoặc hen suyễn, dị ứng hoặc bệnh hô hấp mãn tính hoặc tái phát không nên sử dụng sản phẩm này. Tránh tiếp xúc - có được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không xử lý cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu. Không để vào mắt hoặc trên da hoặc quần áo. Không được ăn. Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ. Đeo khẩu trang phù hợp khi thông gió không đầy đủ. Giữ trong thùng chứa ban đầu hoặc một thay thế được phê duyệt được làm từ một vật liệu tương thích. Container rỗng giữ lại dư lượng sản phẩm và có thể nguy hiểm.2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

2. Bảo quản sản phẩm theo quy định của địa phương. Giữ chặt thùng chứa ở nơi thoáng mát, thoáng mát. Tránh xa độ ẩm. Do phản ứng với nước tạo ra khí CO2, áp lực tích tụ nguy hiểm có thể xảy ra nếu các thùng chứa bị ô nhiễm được niêm phong lại. Không đóng lại các thùng chứa bị ô nhiễm. Sử dụng các vật thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp kỹ thuật hạn chế tiếp xúc cần thiết: Chỉ sử dụng với thông gió đầy đủ. Sử dụng

thông gió khí thải cục bộ nếu cần thiết để duy trì mức dưới bất kỳ giới hạn khuyến nghị hoặc theo luật định. Nên giám sát y tế tất cả các nhân viên xử lý hoặc tiếp xúc với các chất nhạy cảm hô hấp. Nhân viên có tiền sử bệnh hen suyễn, viêm phế quản hoặc điều kiện mẫn cảm với da không nên làm việc với các sản phẩm dựa trên MDI. Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được liệt kê không áp dụng cho các cá nhân nhạy cảm trước đây. Các cá nhân nhạy cảm nên được loại bỏ khỏi bất kỳ tiếp xúc.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- **Bảo vệ mắt**: Kính an toàn với tấm chắn bên hoặc kính bảo hộ..

- **Bảo vệ hô hấp:** Do áp suất hơi thấp của vật liệu này, PEL không có khả năng bị vượt quá trong điều kiện bình thường. Nếu vật liệu được làm nóng hoặc tràn ra trong khu vực hạn chế, nên bảo vệ đường hô hấp. Mặt nạ làm sạch không khí được phê duyệt được trang bị hộp hơi hữu cơ và bộ lọc hạt HEPA (P100) có thể được sử dụng khi lịch trình thay đổi hộp mực thích hợp được phát triển theo tiêu chuẩn bảo vệ hô hấp OSHA (29 CFR 1910.134). Khi nồng độ vượt quá mức mà mặt nạ làm sạch không khí có hiệu quả, hãy sử dụng mặt nạ phòng độc có áp suất dương.

- **Bảo vệ tay**: Cao su butyl kháng hóa chất, cao su nitrile, cao su tổng hợp hoặc găng tay bảo hộ phù hợp khác.

- **Bảo vệ da và cơ thể**: Giày dép phù hợp và bất kỳ biện pháp bảo vệ da bổ sung nào nên được lựa chọn dựa trên nhiệm vụ được thực hiện.

3. Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay, cẳng tay và mặt thật kỹ sau khi xử lý các sản phẩm hóa học, trước khi ăn, hút thuốc và sử dụng nhà vệ sinh và vào cuối thời gian làm việc. Đảm bảo rằng các trạm rửa mắt gần với vị trí máy trạm.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi/Điểm ngưng tụ (^{0}C): 406oF (208oC)
Màu sắc: nâu đen	Điểm nóng chảy/đông lạnh (^{0}C): không có
Mùi: Hơi thơm (mốc)	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: 390°F (199oC)
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: < 10^{-5} mm Hg (25°C) (PMDI)	Chất dễ cháy: không có
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: >1	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên và nổ dưới: không có
Độ hòa tan trong nước: không tan Phản ứng chậm để giải phóng CO2..	Tỷ trọng liên quan: 1.24 ở 25oC
Độ PH : không có	Tỷ lệ hóa hơi: không có.
Khối lượng riêng (kg/m^3): 1.1131 ở 23.9 ^{o}C (75.02^{o}F)	Nhiệt độ tự bốc cháy: >600oC

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định : bền ở nhiệt độ phòng

2. Khả năng phản ứng:

- Không có dữ liệu thử nghiệm cụ thể liên quan đến phản ứng có sẵn cho sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
	LD50	>10,000 mg/kg	Miệng	Chuột

	LD50	>9,400 mg/kg	da	Thỏ
	LC50	0.49 mg/l	Hít phải	Chuột
	ATE	1.5 mg/l		

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen …)

2. Các ảnh hưởng độc khác

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: gây độc cho hệ thủy sinh.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy: Thông tư 36/2015/TT-BTNMT

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:

3. Biện pháp tiêu hủy

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy						

định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA…						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : Mỹ, Canada.

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 29/12/2015

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Datalogic Việt Nam

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN VỀ HÓA CHẤT

Material Safety Data Sheet (MSDS)

***

1. THÔNG TIN VỀ HÓA CHẤT

Tên hóa chất: TSE397-C, SILICONE RUBBER SEALANT (***DLS P/N: ZC0000080***)

Nhà cung cấp: Momentive Performance Materials

Địa chỉ: 133 Nishishin-machi, Ohta-shi, Ohta-shi 10 3738505,Japan.

Số liên lạc khẩn cấp: 1-800-424-9300

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

PRODUCT COMPOSITION	CAS REG NO.	WGT. %
A. HAZARDOUS		
CYCLOPENTYLSILAZANE-AMINO SILOXANE COPOLYMER, METHOXY TERMINATED	134759-20-9	1 - 5 %
B. NON-HAZARDOUS		
Methoxypolydimethylsiloxane	68037-58-1	60 - 100 %
Polydimethylsiloxane	63148-62-9	10 - 30 %
Silica	7631-86-9	10 - 30 %

3. ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI

Khi tiếp xúc mắt: gây ra một số triệu chứng như ngứa, rát, và đỏ mắt.

Khi tiếp xúc da: gây ngứa, rát da, sưng môi, nướu răng, và lưỡi.

Khi hít phải: ảnh hưởng đến hệ hô hấp.

Khi nuốt phải: ngộ độc nếu nuốt phải hóa chất.

4. SƠ CỨU VÀ CẤP CỨU

Khi tiếp xúc với mắt: Nhanh chóng rửa mắt bằng nước sạch với thời gian ít nhất là 15 phút. Đến ngay y tế để được giúp đỡ.

Khi tiếp xúc da: Nhanh chóng rửa da bằng nước sạch và xà bông. Đến ngay y tế để được giúp đỡ.

Khi hít phải: Đưa nạn nhân tới nơi có không khí trong lành. Đến ngay y tế để được giúp đỡ.

Khi nuốt phải: Đừng cố nôn mửa trừ khi được sự hướng dẫn của bác sĩ. Cho nạn nhân uống 1~3 cốc nước. Không đưa bất kỳ vật gì vào miệng nạn nhân. Đến ngay y tế để được giúp đỡ.

5. CẦM NẮM VÀ LƯU TRỮ

Cầm nắm : Tránh tiếp xúc trực tiếp với da, để xa tầm tay trẻ em.

Lưu trữ: Bảo quản lạnh <10°C, tránh ánh nắng trực tiếp.

Đóng kín hóa chất khi không sử dụng.

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN VỀ HÓA CHẤT

Material Safety Data Sheet (MSDS)

***

6. CHỮA CHÁY

Điểm cháy : >198°C (388°F)

Phương tiện chữa cháy : Nước, hóa chất khô, bọt hóa chất, CO_2.

7. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Việc xử lí chất thải phải theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Machine Translated by Google

{ lỗi: không tìm thấy tệp đồ họa: C:\Program Files\SAP\FrontEnd\sapgui\WWI\graphics\vkoJP01.bmp }

Bảng dữ liệu an toàn vật liệu

Phiên bản: 1.3
29/11/2010

TSE397-C
KEO DÁN CAO SU SILICONE

1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM HÓA HỌC VÀ CÔNG TY

Sản xuất bởi: Vật liệu hiệu suất Momentive
133 Nishishin-machi, Ohta-shi
Ohta-shi 10 3738505

Đã sửa đổi: 29/11/2010

Người chuẩn bị: TUÂN THỦ VÀ TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ SẢN PHẨM 1-800-424-9300
CHEMTREC

Họ hóa chất/Công dụng: Chất trám kín
Công thức: Hỗn hợp

HMIS

Tính dễ cháy:	1	Khả năng phản ứng:	0	Sức khỏe:	0

NFPA

Tính dễ cháy:	1	Khả năng phản ứng:	0	Sức khỏe:	1

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

TỔNG QUAN VỀ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

CẢNH BÁO! Gây kích ứng mắt, hệ hô hấp và da. Có thể gây hại nếu nuốt phải. Không được tiêm cho người. Có thể gây tác dụng phụ lên khả năng sinh sản. Đã có báo cáo về tác dụng phụ lên khả năng sinh sản ở động vật.
Hình thức: Dán Màu sắc: trong suốt Mùi: Nhẹ

TÁC ĐỘNG TIỀM ẨN ĐỐI VỚI SỨC KHỎE

NUỐT PHẢI Có thể
gây hại nếu nuốt phải.

DA
Sản phẩm chưa đông cứng sẽ gây kích ứng môi, nướu và lưỡi. Có thể gây kích ứng da.

HÍT PHẢI Gây kích
ứng hệ hô hấp. Có tác dụng khi chưa đông cứng.

MẮT Kích
ứng mắt khi tiếp xúc với sản phẩm chưa đóng rắn.

TÌNH TRẠNG Y TẾ TRỞ NÊN TRẦM TRỌNG
Không có thông tin nào được biết.

BÁN MÃN TÍNH (CƠ QUAN ĐÍCH)
Không có thông tin nào được biết.

TÁC DỤNG MÃN TÍNH / TÍNH GÂY UNG THƯ
Sản phẩm này hoặc một trong các thành phần của nó có hàm lượng 0,1% trở lên KHÔNG được liệt kê là chất gây ung thư hoặc

Machine Translated by Google

chất gây ung thư bị nghi ngờ bởi NTP, IARC hoặc OSHA.

CÁC CON ĐƯỜNG TIẾP XÚC da; Mắt

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

THÀNH PHẦN SẢN PHẨM	SỐ ĐĂNG KÝ CAS	WGT.%
A. NGUY HIỂM		
CYCLOPENTYLSILAZANE-AMINO COPOLYMER SILOXANE, METHOXY CHẤM DỨT	134759-20-9	1 - 5%
B. KHÔNG NGUY HIỂM		
Methoxypolydimethylsiloxane	68037-58-1	60 - 100%
Polydimethylsiloxane	63148-62-9	10 - 30%
Silica	7631-86-9	10 - 30%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

NUỐT PHẢI: Không

gây nôn. Nếu nạn nhân còn tỉnh, hãy cho uống 1-3 cốc nước. Tuyệt đối không cho người bất tỉnh ăn bất cứ thứ gì. Nếu kích ứng vẫn còn, hãy đến cơ sở y tế.

DA

Rửa bằng xà phòng và nước. Đi khám bác sĩ nếu bị kích ứng hoặc có các triệu chứng khác.

HÍT PHẢI Nếu hít

phải, hãy đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí. Nếu không thở được, hãy hô hấp nhân tạo bằng thiết bị chắn. Nếu khó thở, hãy cho thở oxy. Hãy đến cơ sở y tế.

MẮT

Trong trường hợp tiếp xúc, hãy rửa mắt ngay bằng nước trong ít nhất 15 phút và đi khám bác sĩ nếu tình trạng kích ứng vẫn tiếp diễn.

LƯU Ý CHO BÁC SĨ Điều trị

là điều trị triệu chứng và hỗ trợ.

Machine Translated by Google

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

ĐIỂM NỔI BẬT:	198 °C; 388 °F
GIỚI HẠN CHÁY TRONG KHÔNG KHÍ - THẤP HƠN (%):	Không áp dụng
GIỚI HẠN CHÁY TRONG KHÔNG KHÍ - TRÊN (%):	Không áp dụng
ĐỘ NHẠY CẢM VỚI TÁC ĐỘNG CƠ HỌC:	KHÔNG

ĐỘ NHẠY CẢM VỚI XẢ TĨNH Không mong đợi độ nhạy cảm với xả tĩnh điện.

CÁC CHẤT CHỮA CHÁY Tất cả các chất chữa cháy tiêu chuẩn đều phù hợp.

QUY TRÌNH CHỮA CHÁY ĐẶC BIỆT

Lính cứu hỏa phải đeo thiết bị thở áp suất dương tự cung cấp được NIOSH/MSHA chấp thuận, có mặt nạ che kín mặt và quần áo bảo hộ đầy đủ.

6. BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TAI NẠN

HÀNH ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN NẾU VẬT LIỆU BỊ RÒ RỈ HOẶC ĐỔ

Lau, cạo hoặc ngâm trong vật liệu trơ và cho vào thùng chứa để xử lý. Rửa sạch bề mặt đi lại bằng chất tẩy rửa và nước để giảm nguy cơ trơn trượt. Mang thiết bị bảo hộ phù hợp theo quy định trong phần thiết bị bảo hộ.

7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN: Đậy kín hộp khi không sử dụng. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tháo kính áp tròng trước khi sử dụng keo bịt kín. Không cầm kính áp tròng cho đến khi keo bịt kín hoàn toàn khỏi ngón tay và bàn tay.
Chất trám còn sót lại có thể bám trên ngón tay trong nhiều ngày và dính vào kính áp tròng, gây kích ứng mắt.
Không hít hơi. Để xa tầm tay trẻ em.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Trạm rửa mắt; Vòi hoa sen; Thông gió hút

BẢO VỆ HÔ HẤP: Nếu có nguy cơ vượt quá giới hạn phơi nhiễm hoặc bị kích ứng đường hô hấp, nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp được NIOSH/MSHA phê duyệt. Nhìn chung, mặt nạ phòng độc được NIOSH/MSHA phê duyệt có hộp lọc hơi hữu cơ là phù hợp. Có thể cần mặt nạ phòng độc được cung cấp khí nén cho trường hợp tiếp xúc với hơi cao.

Machine Translated by Google

nồng độ. Phải cung cấp biện pháp bảo vệ hô hấp theo quy định của OSHA (xem 29 CFR 1910.134).

BẢO VỆ MẮT VÀ MẶT

Kính an toàn có tấm chắn bên phù hợp với tiêu chuẩn EN166

THIẾT BỊ BẢO VỆ KHÁC

Mặc quần áo bảo hộ phù hợp và đồ bảo hộ mắt/mặt.

Hướng dẫn phơi sáng

Thành phần	CAS RN	Nguồn	Giá trị

Không có giá trị nào cho thấy không tìm thấy giá trị nào

PEL - Giới hạn tiếp xúc cho phép của OSHA; TLV - Giá trị giới hạn ngưỡng của ACGIH; TWA - Trung bình có trọng số theo thời gian; INTL REL - Nội bộ
Giới hạn phơi nhiễm được khuyến nghị

OSHA đã thu hồi Quy định giới hạn cuối cùng ngày 19 tháng 1 năm 1989 để đáp lại quyết định của Tòa Phúc thẩm vòng 11 (AFL-CIO v. OSHA) có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 1993. Xem 29 CFR 1910.1000 (58 FR 35338).

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

ĐIỂM SÔI - C & F:	Không áp dụng
ÁP SUẤT HƠI (20 C) (MM HG):	Không có dữ liệu nào có sẵn.
ĐIỂM ĐÔNG ĐÔNG:	Không áp dụng
TÌNH TRẠNG THỂ CHẤT:	Dán
MÙI:	Mờ mờ
MÀU SẮC:	trong suốt
TRỌNG LƯỢNG RÕ (NƯỚC = 1):	>
MẬT ĐỘ: pH:	1 ca. 1.000 g/ cm3 Không có dữ liệu.
ĐỘ HÒA TAN TRONG DUNG MÔI HỮU CƠ (TRẠNG THÁI DUNG MÔI):	Không hòa tan

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

SỰ ỔN ĐỊNH

Ổn định

TRÙNG HÓA NGUY HIỂM Không xảy ra hiện tượng trùng

hợp nguy hiểm.

SẢN PHẨM PHÂN HỦY NHIỆT / ĐỐT NGUY HIỂM

Carbon dioxide; Carbon monoxide; Silicon dioxide; Formaldehyde.; Sản phẩm này chứa methylpolysiloxanes, có thể tạo ra formaldehyde ở nhiệt độ khoảng 300 độ F (150 độ C) trở lên, trong môi trường có oxy. Formaldehyde là chất gây dị ứng da và hô hấp, gây kích ứng mắt và họng, độc tính cấp tính và có khả năng gây ung thư. Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (MSDS) cho

Machine Translated by Google

Formaldehyde có sẵn tại Momentive.

KHÔNG TƯƠNG THÍCH (VẬT LIỆU CẦN TRÁNH)

Không có thông tin nào được biết.

ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Viêm miệng cấp tính

Ghi chú: Không có dữ liệu nào có sẵn.

VIÊM DA CẤP TÍNH Ghi chú:

Không có dữ liệu.

HÍT PHẢI CẤP TÍNH

Ghi chú: Không có dữ liệu nào có sẵn.

KHÁC Chứa

dibutyl tin dilaurate có thể gây dị tật bẩm sinh và ảnh hưởng đến khả năng sinh sản dựa trên dữ liệu trên động vật.

NHẠY CẢM

Không có dữ liệu nào có sẵn.

KÍCH ỨNG DA

Không có dữ liệu nào có sẵn.

KÍCH ỨNG MẮT

Không có dữ liệu nào có sẵn.

TÍNH GÂY ĐỘT BIẾN

Không có dữ liệu nào có sẵn.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Không có dữ liệu nào có sẵn.

PHÂN PHỐI Không có dữ liệu.

SỐ PHẬN HÓA HỌC

Không có dữ liệu nào có sẵn.

Machine Translated by Google

13. NHỮNG CÂN NHẮC VỀ VIỆC THẢI BỎ

PHƯƠNG PHÁP THẢI BỎ

Việc xử lý phải được thực hiện theo quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Thông tin thêm: Sản phẩm này không được coi là hàng nguy hiểm theo quy định quốc gia và quốc tế về vận chuyển hàng nguy hiểm.

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Hàng tồn kho

Danh mục hóa chất của Úc (AICS)	q (số lượng hạn chế)
Danh sách các chất hóa học hiện có của EU	y (liệt kê tích cực)
Danh mục các chất hóa học hiện có và mới của Nhật Bản (ENCS)	y (liệt kê tích cực)
Bản kê khai hóa chất hiện có của Trung Quốc Bản kê khai hóa	y (liệt kê tích cực)
chất hiện có của Hàn Quốc (KECI)	y (liệt kê tích cực)
Bản kê khai DSL của Canada	q (số lượng hạn chế) n
Bản kê khai NDSL của Canada	(Niêm yết tiêu cực) y
Bản kê khai Hóa chất và Chất hóa học của Philippines (PICCS)	(Niêm yết tích cực)
Danh sách TSCA Trên TSCA Inventory Đối với những hàng tồn kho có tính năng, là số lượng hạn chế hoặc trường hợp đặc biệt, vui lòng liên hệ với Momentive.	y (liệt kê tích cực)

Thông tin quy định của Hoa Kỳ

SARA (311,312) LỚP NGUY HIỂM

Nguy cơ sức khỏe cấp tính; Nguy cơ sức khỏe mãn tính

SARA (313) HÓA CHẤT

ĐỀ XUẤT 65 CỦA CALIFORNIA

Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào được Tiểu bang California biết đến là có thể gây ung thư, dị tật bẩm sinh,

Machine Translated by Google

hoặc bất kỳ tác hại sinh sản nào khác.

Thông tin quản lý của Canada

LỚP NGUY HIỂM WHMIS

D2B - Vật liệu độc hại gây ra các tác động độc hại khác

16. THÔNG TIN KHÁC

KHÁC

Những dữ liệu này được cung cấp một cách thiện chí như các giá trị điển hình chứ không phải là thông số kỹ thuật của sản phẩm. Không có bảo hành nào, dù là rõ ràng hay ngụ ý, được đưa ra. Các quy trình xử lý an toàn và vệ sinh công nghiệp được khuyến nghị được cho là có thể áp dụng chung. Tuy nhiên, mỗi người dùng nên xem xét các khuyến nghị này trong bối cảnh cụ thể của mục đích sử dụng dự định và xác định xem chúng có phù hợp hay không., C = giới hạn trần NEGL = không đáng kể EST = ước tính NF = không tìm thấy NA = không áp dụng UNKN = không xác định NE = không xác định REC = khuyến nghị ND = không xác định V = được nhà cung cấp khuyến nghị SKN = da TS = bí mật thương mại R = khuyến nghị MST = sương mù NT = chưa thử nghiệm trên một triệu ppb = phần trên một tỷ Sản phẩm phụ = sản phẩm phụ của phản ứng, tình trạng tồn kho TSCA không bắt buộc theo 40 CFR phần 720.30(h-2).

STEL = giới hạn tiếp xúc ngắn hạn ppm = phần

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất **LOCTITE 454 GEL ADHESIVE**	**Hình cảnh báo**
Số CAS: Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: **LOCTITE 454 GEL ADHESIVE**	Mã sản phẩm (nếu có): ZC0000843 – IDH195678
- Tên thương mại:	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	**Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:** Emergency telephone: +1 703-741-5970
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Henkel Adhensive Tech. Vietnam Co., Ltd (Taunus) .	
- Mục đích sử dụng: keo UV	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	**Số CAS**	**Hàm lượng (% theo trọng lượng)**	**Phân loại GHS**
Ethyl 2-cyanoacrylate 7085-85-0	7085-85-0	60 - 100%	Chất lỏng dễ cháy 4 – H227 Kích ứng/ăn mòn da 2 – H315 Kích ứng mắt/nguy hiểm cho mắt nghiêm trọng 2A - H319 Độc hệ thống cơ quan đơn bào – tiếp xúc đơn 3 – H335

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

- Tiếp xúc mắt: có thể gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
- Hít phải: Kích ứng hệ hô hấp.
- Tiếp xúc da: Kích ứng da.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Hít phải: Di chuyển đến nơi thoáng khí. Nếu triệu chứng còn tồn tại, chăm sóc y tế ngay lập tức.

2. Tiếp xúc với da:

Nếu môi vô tình dính vào nhau, hãy thoa nước ấm lên môi và khuyến khích làm ướt tối đa và tạo áp lực từ nước bọt bên trong miệng.

Lột hoặc cuộn môi ra. Đừng cố kéo đôi môi ra bằng hành động đối lập trực tiếp.

Cyanoacrylate tỏa nhiệt khi hóa rắn. Trong một số ít trường hợp, một giọt lớn sẽ tạo ra đủ nhiệt để gây bỏng.

Vết bỏng nên được xử lý bình thường sau khi chất dính đã được lấy ra khỏi da. Không kéo da ngoại quan ra. Có thể nhẹ nhàng bóc nó ra bằng một vật cùn như thìa, tốt nhất là sau khi ngâm trong nước xà phòng ấm.

3. Tiếp xúc với mắt:

Nếu mắt nhắm lại, hãy thả lông mi bằng nước ấm bằng cách phủ một miếng đệm ướt.

Che mắt cho đến khi quá trình gỡ băng hoàn tất, thường trong vòng 1-3 ngày.

Cyanoacrylate sẽ liên kết với protein mắt và sẽ gây ra các giai đoạn chảy nước mắt giúp loại bỏ chất kết dính.

Đừng cố mở mắt. Nên tìm tư vấn y tế trong trường hợp các hạt cyanoacrylate rắn bị mắc kẹt phía sau mí mắt gây ra bất kỳ tổn thương mài mòn nào.

4. Nuốt phải: Đảm bảo rằng đường thở không bị tắc nghẽn. Sản phẩm sẽ polyme hóa ngay lập tức trong miệng khiến bạn gần như không thể nuốt được. Nước bọt sẽ từ từ tách sản phẩm đông đặc ra khỏi miệng (vài giờ).

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Hóa chất khô, CO2, bọt.

2. Mối nguy đặc biệt phát sinh từ hóa chất: Trong trường hợp hỏa hoạn, có thể phát triển các loại khí nguy hiểm CO, CO2 và NO2.

3. Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy: Mang mặt nạ tự thở và quần áo bảo hộ đầy đủ, như Thiết bị bảo vệ quay vòng.

4. Tư vấn chữa cháy bổ sung:

Trong trường hợp hỏa hoạn: hãy làm mát các thùng chứa bằng cách phun nước

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

6.1. Cảnh báo cá nhân

Đảm bảo thông gió thích hợp

Tránh tiếp xúc với da và mắt

Mang thiết bị bảo vệ cá nhân

Xem thêm thông tin tại phần 8

6.2. Biện pháp phòng ngừa môi trường

Không đổ vào cống rãnh/ nước bề mặt/ nước ngầm.

6.3. Biện pháp vệ sinh

Không sử dụng vải để lau. Đổ đầy nước để hoàn thành quá trình trùng hợp và cạo khỏi sàn. Vật liệu đã được xử lý có thể được xử lý như chất thải không nguy hại.

Xử lý vật liệu bị ô nhiễm như chất thải theo Mục 13.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ, LƯU TRỮ

7.1. Xếp dỡ

Thông gió (mức thấp) được khuyến nghị khi sử dụng khối lượng lớn

Nên sử dụng thiết bị pha chế để giảm thiểu nguy cơ tiếp xúc với da hoặc mắt

Tránh da và mắt.

Xem lời khuyên trong phần 8

7.2. Lưu trữ

Lưu trữ ở điều kiện nhiệt độ từ 2 – 8ºC

Tham khảo bảng dữ liệu kỹ thuật.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

CYANOACRYLATES, ETHYL AND METHYL 7085-85-0	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn:
	ppm	1
	Ghi chú	ACGIH
CYANOACRYLATES, ETHYL AND METHYL 7085-85-0	**Loại giá trị**	Trung bình theo trọng số theo thời gian:
	ppm	0.2
	Ghi chú	ACGIH

Bảo vệ hô hấp - Lưu ý

Đảm bảo thông gió đầy đủ.

Nên đeo mặt nạ hoặc mặt nạ phòng độc đã được phê duyệt có gắn hộp hơi hữu cơ nếu sản phẩm được sử dụng ở khu vực thông gió kém

Loại bộ lọc: A (EN 14387)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo hộ chống hóa chất (EN 374).

Các vật liệu phù hợp khi tiếp xúc ngắn hạn hoặc bắn tóe (khuyến nghị: ít nhất có chỉ số bảo vệ 2, tương ứng với thời gian thấm > 30 phút theo EN 374):

cao su nitrile (NBR; độ dày >= 0.4 mm)

Các vật liệu phù hợp để tiếp xúc trực tiếp, lâu hơn (khuyến nghị: chỉ số bảo vệ 6, tương ứng với thời gian thấm > 480 phút theo EN 374):

cao su nitrile (NBR; độ dày >= 0.4 mm)

Thông tin này dựa trên tài liệu tham khảo và thông tin được cung cấp bởi các nhà sản xuất găng tay, hoặc có nguồn gốc từ sự tương tự với các chất tương tự. Xin lưu ý rằng trong thực tế, tuổi thọ làm việc của găng tay bảo hộ chống hóa chất có thể ngắn hơn đáng kể so với thời gian thấm được xác định theo EN 374 do nhiều yếu tố ảnh hưởng (ví dụ: nhiệt độ). Nếu nhận thấy dấu hiệu hao mòn thì nên thay găng tay.

Nên sử dụng găng tay polyetylen hoặc polypropylen khi sử dụng khối lượng lớn.

Không sử dụng găng tay PVC, cao su hoặc nylon.

Xin lưu ý rằng trong thực tế, tuổi thọ làm việc của găng tay chống hóa chất có thể giảm đáng kể do nhiều yếu tố ảnh hưởng (ví dụ: nhiệt độ). Đánh giá rủi ro phù hợp nên được thực hiện bởi người dùng cuối. Nếu nhận thấy dấu hiệu hao mòn thì nên thay găng tay

Bảo vệ mắt:

Nên đeo kính an toàn có kính bảo hộ hoặc kính bảo hộ chống hóa chất nếu có nguy cơ bị bắn tung tóe.

Thiết bị bảo vệ mắt phải phù hợp với EN166.

Bảo vệ cơ thể:

Mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Quần áo bảo hộ phải tuân theo EN 14605 đối với chất lỏng bắn vào hoặc EN 13982 đối với bụi.

Biện pháp kỹ thuật

Cung cấp hệ thống thông gió cục bộ và thông gió chung để loại bỏ và ngăn ngừa hiệu quả sự tích tụ của bất kỳ hơi hoặc sương mù nào được tạo ra từ việc xử lý sản phẩm này.

Biện pháp vệ sinh

Cởi quần áo nhiễm bẩn và rửa sạch trước khi tái sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ làm và sau khi kết thúc công việc. Không ăn uống, hút thuốc khi đang làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất lỏng, gel	pH: không xác định, sản phẩm phản ứng với nước
Mùi: mùi đặc trưng	Trọng lượng riêng: N/A
Màu: trong suốt, trong	Điểm sôi: >149°C (>300.2°F)
Điểm nóng chảy/ điểm đóng băng: N/A, sản phẩn là chất lỏng	Tốc độ bay hơi: N/A
Tỷ trọng: 1.05 g/cm^3	Giới hạn nổ dưới: N/A
Điểm chớp cháy: >80 - 93°C (176 – 199.4°F)	Giới hạn nổ trên: N/A
Khả năng cháy (rắn, khí): chất dễ cháy	Khả năng hòa tan: Polyme hóa khi có nước. (20°C)
Áp suất hơi: <0.5mm hg (không có phương pháp; 20oC (68oF) <700 mbar	Độ nhớt: 18,000 đến 40,000 mPa.s (25oC)
Mật độ hơi: 3	Hệ số phân vùng: n-octanal/nước: N/A
Chứa VOC: <3%	

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định : bền dưới điều kiện lưu trữ khuyến cáo.

2. khả năng trùng hợp nguy hiểm: Phản ứng trùng hợp tỏa nhiệt nhanh sẽ xảy ra khi có nước, amin, kiềm và rượu.

3. Điều kiện cần tránh: bền dưới điều kiện lưu trữ và sử dụng bình thường.

4. Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: không có nếu sử dụng đúng mục đích.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin độc tính chung:

Cyanoacrylate được coi là có độc tính tương đối thấp. LD50 đường miệng cấp tính là >5000mg/kg (chuột cống). Hầu như không thể nuốt được vì nó nhanh chóng polyme hóa trong miệng.

Tiếp xúc kéo dài với hơi nồng độ cao có thể dẫn đến các tác động mãn tính ở những người nhạy cảm

Trong không khí khô với độ ẩm < 50%, hơi có thể gây kích ứng mắt và hệ hô hấp

Ảnh hưởng sức khỏe

Da: gây kích ứng da

Mắt: gây kích ứng mắt

Hít vào: có thể gây kích ứng hệ hô hấp

Triệu chứng phơi nhiễm quá mức: không biết

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. **thông tin sinh thái chung**
   Không thải bỏ vào cống rãnh/ nước bề mặt/ nước ngầm. Nhu cầu oxy sinh học và hóa học là không đáng kể.
2. **Tính bền vững và khả năng phân hủy**

Ethyl 2-cyanoacrylate 7085-85-0	Kết quả	Không có khả năng phân hủy
	Lộ trình áp dụng	aerobic
	Khả năng phân hủy	57%
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)

3. **Tiềm năng tích lũy sinh học / Tính di động trong đất:**

Ethyl 2-cyanoacrylate 7085-85-0	Logpow	0.776
	Nhiệt độ	22ºC
	Phương pháp	EU Method A.8 (Partition Coefficient)

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Sản phẩm

Phương pháp xử lý:

Vứt bỏ theo quy định của địa phương và quốc gia.

Chất kết dính đã được xử lý: Vứt bỏ dưới dạng hóa chất rắn không độc hại không tan trong nước tại bãi chôn lấp được phép hoặc lò đốt trong các điều kiện được kiểm soát.

Đóng góp của sản phẩm này vào chất thải là rất không đáng kể so với vật phẩm mà nó được sử dụng

Đóng gói

Xử lý các gói không sạch

Sau khi sử dụng, ống, hộp và chai chứa sản phẩm còn sót lại phải được xử lý như chất thải bị ô nhiễm hóa học tại bãi chôn lấp hợp pháp được ủy quyền hoặc đốt.

Bao bì không thể làm sạch phải được xử lý theo cách tương tự như sản phẩm.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy						

định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA…	**3334**		**III**	**964**	**9**	

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới:

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

Bảng Dữ liệu An toàn Hóa chất này được lập dựa trên Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (Quy định về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất)

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 06.12.2022

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Henkel

Lưu ý người đọc:

Bảng Dữ liệu An toàn Hóa chất này được lập dựa trên Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (Quy định về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất). Không có bảo đảm hoặc đại diện dưới bất kỳ hình thức nào được đưa ra đối với luật nội dung hoặc luật xuất khẩu của bất kỳ khu vực tài phán hoặc quốc gia nào khác. Vui lòng xác nhận rằng thông tin được cung cấp ở đây tuân thủ luật xuất khẩu nội dung hoặc luật khác của bất kỳ khu vực tài phán nào khác trước khi xuất khẩu. Vui lòng liên hệ với Ban Quản lý và An toàn Sản phẩm của Henkel để được hỗ trợ thêm. Thông tin này dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm ở tiểu bang nơi sản phẩm được giao. Nó nhằm mô tả các sản phẩm của chúng tôi theo quan điểm về các yêu cầu an toàn và không nhằm đảm bảo bất kỳ đặc tính cụ thể nào. Kính gửi Quý khách hàng, Henkel cam kết tạo ra một tương lai bền vững bằng cách thúc đẩy các cơ hội trong toàn bộ chuỗi giá trị. Nếu bạn muốn đóng góp bằng cách chuyển từ bản giấy sang phiên bản điện tử của SDS, vui lòng liên hệ với đại diện Dịch vụ Khách hàng tại địa phương. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng địa chỉ email phi cá nhân (ví dụ: SDS@your_company.com).

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất **VIKING V1630FS AIR DRY RESIN**	**Hình cảnh báo**
Số CAS: hợp chất Số UN: 1866 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	Chất có khả năng gây cháy, gây kích ứng và gây hại cho cơ thể người 

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: **VIKING V1630FS AIR DRY RESIN**	Mã sản phẩm (nếu có): ZC0000943
- Tên thương mại:	
- Tên khác (không là tên khoa học):	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	**Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:** Emergency telephone: +60332918878
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: ELANTAS Malaysia Sdn. Bhd. (1011068-A) Lot 550, Jalan Keretapi Lama, Batu 7 ½Jalan Kapar/KU15, 42200 Klang, Selangor Darul Ehsan, MALAYSIA	
- Mục đích sử dụng: nhựa Alkyd	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

1. Bản chất hóa học: Dung dịch copolymer dầu thực vật đã biến tính.
2. Thành phần nguy hại

THÀNH PHẦN	CAS-No.	NỘI DUNG
Các sản phẩm chưng cất (dầu mỏ), quá trình hydro xử lý chưng cất nhẹ, nhiệt độ sôi thấp	68410-97-9	<35%
Dung môi Naphta bay hơi nhanh	8032-32-4	<23%
Xylene	1330-20-7	<6%
Vinyl toluene	25013-15-4	<3%
Toluene	108-88-3	<3%
Ethyl benzene	100-41-4	<1%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

NHẬN DẠNG MỐI NGUY HIỂM GHS:
Phân loại nguy hiểm theo GHS:

- **Chất lỏng dễ cháy:** Loại 2
- **Kích ứng da:** Loại 2
- **Đột biến tế bào mầm:** Loại 1B
- **Chất gây ung thư:** Loại 1B
- **Độc đối với sinh sản:** Loại 2

INTERNAL Datalogic Confidential

- **Độc với cơ quan đích cụ thể – phơi nhiễm đơn:** Loại 3 (Hệ thần kinh trung ương)
- **Độc với cơ quan đích cụ thể – phơi nhiễm lặp lại:** Loại 2

THÀNH PHẦN GHS TRÊN NHÃN



Từ cảnh báo: NGUY HIỂM

Câu cảnh báo:

- **H225:** Chất lỏng và hơi dễ cháy cao.
- **H315:** Gây kích ứng da.
- **H336:** Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
- **H340:** Có thể gây khuyết tật di truyền.
- **H350:** Có thể gây ung thư.
- **H361:** Nghi ngờ gây ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
- **H373:** Gây tổn thương cơ quan khi tiếp xúc lâu dài hoặc lặp lại.

Câu phòng ngừa:

- **P201:** Đọc kỹ hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- **P202:** Không được xử lý cho đến khi đã đọc và hiểu đầy đủ các biện pháp an toàn.
- **P210:** Tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa bề mặt nóng. Không hút thuốc.
- **P233:** Đậy kín thùng chứa.
- **P240:** Nối đất/thùng chứa và thiết bị tiếp nhận.
- **P241:** Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống cháy nổ.
- **P242:** Chỉ sử dụng công cụ không tạo tia lửa.
- **P243:** Thực hiện các biện pháp phòng ngừa hiện tượng phóng tĩnh điện.
- **P260:** Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/xịt.
- **P264:** Rửa sạch da sau khi tiếp xúc.
- **P271:** Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông thoáng.
- **P280:** Đeo găng tay/chống thấm/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

Phản ứng:

- **P303 + P361 + P353:** NẾU DÍNH TRÊN DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức toàn bộ quần áo bị nhiễm. Rửa da bằng nước/vòi sen.
- **P304 + P340 + P312:** NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân đến nơi có không khí trong lành và để nghỉ ở tư thế dễ thở. Gọi bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
- **P308 + P313:** NẾU tiếp xúc hoặc có lo ngại: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.
- **P332 + P313:** Nếu bị kích ứng da: Nhận tư vấn/y tế.
- **P362:** Cởi bỏ quần áo bị nhiễm và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
- **P370 + P378:** Trong trường hợp cháy: Sử dụng vòi nước, khí CO_2, hóa chất khô hoặc bọt để dập lửa.

INTERNAL Datalogic Confidential

Lưu trữ:

- **P403 + P233:** Bảo quản ở nơi thông thoáng. Đậy kín thùng chứa.
- **P403 + P235:** Bảo quản ở nơi thông thoáng. Giữ mát.
- **P405:** Cất giữ nơi khóa kín.

Xử lý:

- **P501:** Thải bỏ sản phẩm/thùng chứa tại cơ sở xử lý thích hợp theo quy định pháp luật hiện hành và đặc tính của sản phẩm vào thời điểm thải bỏ.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

4.1 Khuyến cáo chung:
Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm. Đưa bảng dữ liệu an toàn này cho bác sĩ đang điều trị.
Không để nạn nhân một mình.

4.2 Hít phải:
Tham khảo ý kiến bác sĩ sau khi tiếp xúc đáng kể.
Nếu bất tỉnh, đặt nạn nhân ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

4.3 Tiếp xúc với da:
Nếu kích ứng da vẫn tiếp diễn, gọi bác sĩ.
Nếu dính trên da, rửa kỹ bằng nước.
Nếu dính vào quần áo, cởi bỏ quần áo đó.

4.4 Tiếp xúc với mắt:
Rửa mắt ngay lập tức với nhiều nước. Tháo kính áp tròng nếu có. Bảo vệ mắt chưa bị tổn thương.
Giữ mắt mở to trong khi rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn còn, tham khảo ý kiến bác sĩ chuyên khoa.

4.5 Nuốt phải:
Giữ đường hô hấp thông thoáng. Không cho uống sữa hoặc đồ uống có cồn. Không cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng nếu nạn nhân bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng kéo dài, gọi bác sĩ. Đưa nạn nhân đến bệnh viện ngay lập tức.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

5.1. Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Bọt chống cồn, khí carbonic (CO_2) và bột chữa cháy khô.

5.2. Phương tiện chữa cháy không phù hợp:
Tia nước áp lực cao.

5.3. Nguy cơ đặc biệt khi chữa cháy:
Không để nước chữa cháy chảy vào cống thoát nước hoặc nguồn nước.
Tiếp xúc với nhiệt độ cao trong thời gian dài sẽ dẫn đến quá trình trùng hợp tỏa nhiệt không kiểm soát. Điều này làm tăng áp suất bên trong thùng kín và có thể dẫn đến sự nổ mạnh.
Không để nước chữa cháy chảy vào cống hoặc nguồn nước.

5.4. Thông tin bổ sung:
Thu gom riêng biệt nước chữa cháy bị ô nhiễm. Không được xả nước này vào hệ thống thoát nước.

INTERNAL Datalogic Confidential

Cặn cháy và nước chữa cháy ô nhiễm phải được xử lý theo quy định địa phương.
Vì lý do an toàn khi cháy, các thùng chứa nên được lưu trữ riêng biệt trong các khu vực kín.
Sử dụng vòi phun nước để làm mát các thùng chứa đã đóng kín hoàn toàn.

5.5. Trang bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa:
Đeo thiết bị thở độc lập khi cần thiết.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp:
Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Loại bỏ mọi nguồn phát tia lửa.
Sơ tán nhân sự đến khu vực an toàn.
Cẩn trọng với hơi có thể tích tụ tạo thành hỗn hợp nổ. Hơi có thể tích tụ ở các khu vực thấp.

6.2. Biện pháp bảo vệ môi trường:
Ngăn không cho sản phẩm xâm nhập vào hệ thống thoát nước.
Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn thêm nếu có thể thực hiện an toàn.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc hệ thống thoát nước, phải thông báo cho cơ quan chức năng liên quan.

6.3. Phương pháp và vật liệu để kiểm soát và làm sạch:

- Khống chế khu vực tràn, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (như cát, đất, đất tảo cát, vermiculite) và cho vào thùng chứa để xử lý theo quy định địa phương/quốc gia (xem mục 13).
- Giấy thấm hoặc vật liệu hữu cơ dùng để lau nhựa là nguy cơ cháy, vì có thể xảy ra hiện tượng tự bốc cháy do nhiệt, đặc biệt nếu nhựa đã được xúc tác.
- Nhựa đã xúc tác có thể sinh nhiệt tỏa ra nguy hiểm nếu để trùng hợp thành khối.
- Mọi vật liệu đã nhiễm bẩn hoặc chất thải phải được ngâm nước và giữ trong thùng kín cho đến khi được xử lý.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ, LƯU TRỮ

7.1. Khuyến cáo về thao tác an toàn:
Tránh tạo sương mù hoặc khí dung. Không hít hơi/bụi.
Tránh tiếp xúc – cần có hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Vui lòng xem Mục 8 để biết thông tin bảo hộ cá nhân.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thực hiện các biện pháp phòng ngừa hiện tượng phóng tĩnh điện.
Đảm bảo thông gió và/hoặc hút khí đầy đủ trong khu làm việc.
Mở thùng cẩn thận vì bên trong có thể có áp suất.
Nước súc rửa phải được xử lý theo quy định địa phương và quốc gia.

7.2. Điều kiện bảo quản an toàn:
Bảo quản theo điều kiện ghi trong Bảng Dữ Liệu Kỹ Thuật sản phẩm để duy trì chất lượng.
Cấm hút thuốc. Đậy kín thùng chứa và bảo quản nơi khô ráo, thông thoáng.
Các thùng đã mở phải được đóng lại cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ.
Tuân thủ các cảnh báo trên nhãn.
Hệ thống điện và vật liệu làm việc phải đáp ứng tiêu chuẩn an toàn công nghệ.
Tiếp xúc với nhiệt độ cao trong thời gian dài trong quá trình lưu trữ có thể dẫn đến quá trình trùng hợp

INTERNAL Datalogic Confidential

tỏa nhiệt không kiểm soát.
Điều này làm tăng áp suất bên trong thùng kín và có thể gây nổ mạnh.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có thông số kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Hình thức phơi nhiễm)	Thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Distillates (petroleum), light distillate hydrotreating process, low boiling	68410-97-9	TWA	500 ppm 2,000 mg/m3	OSHA Z-1
Distillates (petroleum), light distillate hydrotreating process, low boiling		TWA	400 ppm 1,600 mg/m3	OSHA P0
VM&P Naphtha	8032-32-4	TWA	500 ppm 2,000 mg/m3	OSHA Z-1
Xylene	1330-20-7	TWA	100 ppm 435 mg/m3	OSHA Z-1
Xylene		STEL	150 ppm 655 mg/m3	OSHA P0
Xylene		TWA	100 ppm 435 mg/m3	OSHA P0
Xylene		TWA	100 ppm	ACGIH
Xylene		STEL	150 ppm	ACGIH
Vinyl toluene	25013-15-4	TWA	50 ppm	ACGIH
Vinyl toluene		STEL	100 ppm	ACGIH
Vinyl toluene		TWA	100 ppm 480 mg/m3	OSHA Z-1
Toluene	108-88-3	TWA	20 ppm	ACGIH
Toluene		TWA	200 ppm	OSHA Z-2
Toluene		CEIL	300 ppm	OSHA Z-2
Toluene		Peak	500 ppm	OSHA Z-2
Toluene		TWA	100 ppm 375 mg/m3	OSHA P0
Toluene		STEL	150 ppm 560 mg/m3	OSHA P0
Ethyl benzene	100-41-4	TWA	20 ppm	ACGIH
Ethyl benzene		TWA	100 ppm 435 mg/m3	OSHA Z-1
Ethyl benzene		TWA	100 ppm 435 mg/m3	OSHA P0

INTERNAL Datalogic Confidential

Ethyl benzene		STEL	125 ppm 545 mg/m3	OSHA P0

8.1. Biện pháp kiểm soát kỹ thuật / thông gió:
Sử dụng trong điều kiện thông gió đầy đủ. Tất cả khu vực sử dụng phải được thông gió theo quy định OSHA hiện hành (29 CFR 1910.94).

8.2. Thiết bị bảo hộ cá nhân:

8.2.1. Bảo vệ hô hấp:
Khi có hơi phát sinh, sử dụng mặt nạ phòng độc với bộ lọc đã được phê duyệt.

8.2.2. Bảo vệ tay:
Tính phù hợp tại nơi làm việc cụ thể cần được trao đổi với nhà sản xuất găng tay bảo hộ.

8.2.3. Bảo vệ mắt:
Chuẩn bị chai rửa mắt với nước sạch.
Đeo kính bảo hộ vừa khít.
Đeo mặt nạ chắn và trang phục bảo hộ khi có sự cố bất thường.

8.2.4. Bảo vệ da và cơ thể:
Mặc trang phục chống thấm.
Lựa chọn bảo hộ cơ thể dựa trên lượng và nồng độ chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

8.2.5. Biện pháp vệ sinh:
Không ăn uống khi sử dụng sản phẩm.
Không hút thuốc khi sử dụng.
Rửa tay trước khi nghỉ và khi kết thúc ca làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Đây chỉ là các giá trị tham khảo. Vui lòng tham khảo thêm Bảng Thông Số Kỹ Thuật sản phẩm.

- **Ngoại quan:** Chất lỏng
- **Ngưỡng mùi:** Không có dữ liệu
- **pH:** Không có dữ liệu
- **Điểm nóng chảy/đông đặc:** Không có dữ liệu
- **Điểm sôi ban đầu và khoảng nhiệt độ sôi:** >100°C (212°F)
  (Thông tin được lấy từ tài liệu tham khảo và tài liệu chuyên ngành)
- **Áp suất hơi:** Không có dữ liệu
- **Điểm chớp cháy:** 19°C (66°F)
  Phương pháp: ASTM D93, cốc kín
- **Giới hạn nổ trên:** Không có dữ liệu
- **Giới hạn nổ dưới:** Không có dữ liệu
- **Tốc độ bay hơi:** Không có dữ liệu
- **Khả năng cháy (rắn, khí):** Không có dữ liệu
- **Tỷ trọng hơi tương đối:** Không có dữ liệu
- **Tỷ trọng tương đối / Tỷ trọng riêng:** Không có dữ liệu
- **Tỷ trọng:** 0.816 g/cm³ (77°F / 25°C)

INTERNAL Datalogic Confidential

Độ hòa tan:
- **Độ hòa tan trong nước:** Không có dữ liệu
- **Độ hòa tan trong dung môi khác:** Không có dữ liệu

Hệ số phân chia n-octanol/nước: Không có dữ liệu
Nhiệt độ bắt cháy: Không có dữ liệu
Phân hủy nhiệt: Không có dữ liệu
Độ nhớt:
- **Độ nhớt động học:** > 21 mm²/s (104°F / 40°C)
- **Độ nhớt động lực học:** Không có dữ liệu

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Phản ứng:
Không xảy ra phân hủy nếu được bảo quản và sử dụng đúng cách.

Độ ổn định hóa học:
Ổn định, không phân hủy nếu bảo quản và sử dụng đúng hướng dẫn.

Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm:
- Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh
- Có thể phản ứng với axit và bazơ
- Hơi có thể tạo hỗn hợp nổ với không khí

Điều kiện cần tránh:
- Tránh xa ngọn lửa trần, bề mặt nóng và nguồn đánh lửa
- Tránh nhiệt, tia lửa và ngọn lửa

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:
- Khí carbon monoxide khi cháy
- Khí oxit nitơ khi cháy

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra:
- Hít phải
- Tiếp xúc qua da
- Hấp thụ qua da

Độc tính cấp tính
Sản phẩm:
- **Độc tính cấp qua đường uống:**
  Ước tính độc tính cấp: > 5.000 mg/kg
  Phương pháp: Tính toán
- **Độc tính cấp qua hô hấp:**
  Ước tính độc tính cấp: 182,87 mg/l
  Thời gian phơi nhiễm: 4 giờ
  Môi trường thử nghiệm: Hơi
  Phương pháp: Tính toán
- **Độc tính cấp qua da:**
  Ước tính độc tính cấp: > 5.000 mg/kg
  Phương pháp: Tính toán

INTERNAL Datalogic Confidential

Thành phần:
VM&P Naphtha (CAS 8032-32-4):
- **Độc tính cấp qua hô hấp:**
  LC50 (Chuột): 3.400 ppm
  Thời gian phơi nhiễm: 4 giờ

Xylene (CAS 1330-20-7):
- **Độc tính cấp qua đường uống:**
  LD50 (Chuột): 4.300 mg/kg
  Phương pháp: Chỉ thị EC 92/69/EEC B.1 (Độc tính cấp – Đường uống)
  GLP: không
- **Độc tính cấp qua hô hấp:**
  LC50 (Chuột): 5.000 ppm
  Thời gian phơi nhiễm: 4 giờ
- **Độc tính cấp qua da:**
  LD50 (Thỏ): 1.700 mg/kg
  LD50 (Thỏ): > 4.200 mg/kg
  GLP: Không có thông tin

25013-15-4 Vinyl toluene:
- **Độc tính cấp qua đường uống:** LD50 (Chuột): 2.255 mg/kg
- **Độc tính cấp qua da:** LD50 (Thỏ): > 4.400 mg/kg

108-88-3 Toluene:
- **Độc tính cấp qua đường uống:** LD50 (Chuột): 2.600 mg/kg

100-41-4 Ethyl benzene:
- **Độc tính cấp qua đường uống:** LD50 (Chuột): 3.500 mg/kg
- **Độc tính cấp qua da:** LD50 (Thỏ): 5.510 mg/kg

Ăn mòn / kích ứng da
Sản phẩm:
- Ghi chú: Có thể gây kích ứng da ở người nhạy cảm

Thành phần:
- **Xylene (1330-20-7):** Thỏ – Gây kích ứng da mức độ vừa
- **Vinyl toluene (25013-15-4):** Thỏ – Gây kích ứng da mức độ vừa
- **Ethyl benzene (100-41-4):** Thỏ – Gây kích ứng da mức độ vừa

Tổn thương nghiêm trọng/ kích ứng mắt
Sản phẩm:
- Ghi chú: Có thể gây tổn thương mắt không hồi phục

Thành phần:
- **VM&P Naphtha (8032-32-4):** Gây kích ứng mắt mức độ vừa (thời gian tiếp xúc: 0,25 giờ)
  Ghi chú: Dựa chủ yếu trên bằng chứng từ người
- **Xylene (1330-20-7):** Thỏ – Gây kích ứng mắt
- **Vinyl toluene (25013-15-4):** Thỏ – Gây kích ứng mắt nhẹ
- **Ethyl benzene (100-41-4):** Thỏ – Gây kích ứng mắt mức độ vừa

Mẫn cảm qua đường hô hấp hoặc da:
Không có dữ liệu cụ thể trong đoạn trên.
Khả năng gây ung thư (Carcinogenicity):
IARC:
- Nhóm 2B: Có thể gây ung thư cho người
  - **VM&P Naphtha (CAS 8032-32-4)**
  - **Ethyl benzene (CAS 100-41-4)**

OSHA:

INTERNAL Datalogic Confidential

Không có thành phần nào trong sản phẩm này ở nồng độ lớn hơn hoặc bằng 0,1% nằm trong danh sách các chất gây ung thư được OSHA quản lý.

NTP:

Không có thành phần nào trong sản phẩm này ở nồng độ lớn hơn hoặc bằng 0,1% được NTP xác định là chất gây ung thư đã biết hoặc dự đoán.

Thông tin bổ sung

Sản phẩm:

Ghi chú:

- Các triệu chứng khi phơi nhiễm quá mức có thể bao gồm: đau đầu, chóng mặt, mệt mỏi, buồn nôn và nôn mửa.
- Nồng độ vượt xa giá trị TLV (giới hạn ngưỡng) có thể gây tác dụng gây mê.
- Dung môi có thể làm mất lớp dầu tự nhiên trên da.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái:

- Không có dữ liệu

Tính bền vững và khả năng phân hủy:

- Không có dữ liệu

Tiềm năng tích lũy sinh học:

- Không có dữ liệu

Khả năng di chuyển trong đất:

- Không có dữ liệu

Tác động bất lợi khác:

- Không có dữ liệu

Sản phẩm:

Quy định:

- **40 CFR – Bảo vệ môi trường; Phần 82 – Bảo vệ tầng ôzôn** (Luật Không khí sạch – Mục 602: Chất loại I)

Ghi chú:

- Sản phẩm này không chứa và cũng không được sản xuất bằng các chất phá hủy tầng ôzôn thuộc loại I hoặc II theo định nghĩa của Đạo luật Không khí Sạch Hoa Kỳ Mục 602 (40 CFR 82, Phụ lục A và B).

Thông tin sinh thái bổ sung:

- Không có dữ liệu

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Phương pháp xử lý chất thải:

Mã chất thải nguy hại theo EPA:

- **D001:** Dễ cháy
- **D018:** Benzen

INTERNAL Datalogic Confidential

Chất thải từ cặn dư:

- Xử lý theo quy định hiện hành của liên bang, tiểu bang và địa phương.
- Theo quy định của Đạo luật Bảo tồn và Phục hồi Tài nguyên (RCRA), người sử dụng sản phẩm có trách nhiệm xác định vào thời điểm thải bỏ liệu vật liệu đó có được phân loại là chất thải nguy hại hay không.
- Tham khảo ý kiến luật sư hoặc cán bộ quản lý pháp lý để biết thông tin về việc xử lý đúng cách.

Lưu ý đặc biệt với nhựa đã xúc tác:

- Có thể sinh nhiệt tỏa ra nguy hiểm nếu để trùng hợp thành khối.
- Tất cả vật liệu nhiễm bẩn hoặc chất thải phải được ngâm nước và giữ trong thùng kín cho đến khi được xử lý.
- Chỉ xử lý khối rắn nếu đã đóng rắn hoàn toàn và đã nguội.
- Tuân thủ quy định xử lý chất thải của liên bang, tiểu bang hoặc địa phương.
- Không xả chất thải vào hệ thống thoát nước.
- Không làm ô nhiễm ao hồ, sông suối hoặc kênh rạch bằng hóa chất hay bao bì đã sử dụng.
- Gửi đến công ty quản lý chất thải được cấp phép.

Bao bì bị nhiễm bẩn:

- Đổ hết phần còn lại.
- Xử lý như sản phẩm chưa sử dụng.
- Không tái sử dụng thùng rỗng.
- Không đốt hoặc sử dụng đèn cắt trên thùng rỗng.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Quy định quốc tế

IATA-DGR (Vận chuyển hàng không):

- **UN/ID số:** UN 1866
- **Tên vận chuyển chuẩn:** Resin solution (Dung dịch nhựa)
- **Loại hàng:** 3 (Chất lỏng dễ cháy)
- **Nhóm đóng gói:** II
- **Nhãn:** Chất lỏng dễ cháy
- **Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa - máy bay chở hàng):** 364
- **Hướng dẫn đóng gói (máy bay chở khách):** 353

IMDG-Code (Vận chuyển đường biển):

- **Số UN:** UN 1866
- **Tên vận chuyển chuẩn:** Resin solution
- **Loại hàng:** 3
- **Nhóm đóng gói:** II
- **Nhãn:** 3

INTERNAL Datalogic Confidential

- **Mã EmS:** F-E, S-E
- **Chất ô nhiễm biển (Marine pollutant):** Không

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II MARPOL 73/78 và Quy tắc IBC:

- Không áp dụng cho sản phẩm ở dạng cung cấp hiện tại

Quy định quốc gia (Hoa Kỳ - 49 CFR):

- **Số UN/ID/NA:** UN 1866
- **Tên vận chuyển chuẩn:** Resin solution
- **Loại hàng:** 3
- **Nhóm đóng gói:** II
- **Nhãn:** Chất lỏng dễ cháy
- **Mã ERG:** 127
- **Chất ô nhiễm biển:** Không

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

EPCRA – Đạo luật Lập kế hoạch Khẩn cấp và Quyền được Biết của Cộng đồng

US EPA CERCLA – Các chất nguy hại theo quy định (40 CFR 302):

Thành phần	Số CAS	Thành phần RQ (lbs)	Ngưỡng báo cáo tính toán cho sản phẩm (lbs)
Xylene	1330-20-7	100	2352

SARA 304 – Thông báo xả thải khẩn cấp:

- Vật liệu này không chứa thành phần nào có ngưỡng báo cáo (RQ) thuộc Mục 304 EHS.

SARA Title III – Mục 302 (Chất cực kỳ nguy hại):

- Vật liệu này không chứa thành phần nào nằm trong danh sách chất cực kỳ nguy hại có ngưỡng báo cáo theo Mục 302 (40 CFR 355, Phụ lục A).

SARA 311/312 – Mối nguy được phân loại:
Theo thông báo trên Công báo Liên bang ngày 13/6/2016, EPA đã điều chỉnh các phân loại mối nguy EPCRA 311/312 để phù hợp với tiêu chuẩn GHS của OSHA 2012. Vui lòng tham khảo **Mục 2 của SDS** để xác định danh mục mối nguy phù hợp nhằm mục đích báo cáo.

SARA 302:
Không có hóa chất nào trong sản phẩm này thuộc diện phải báo cáo theo **SARA Title III, Mục 302**.

SARA 313:
Sản phẩm này chứa các hóa chất độc hại sau phải báo cáo theo Mục 313 của **Đạo luật SARA Title III và 40 CFR phần 372**:

- **Xylene (CAS 1330-20-7):** 4.2%
- **Toluene (CAS 108-88-3):** 1.1%
- **Ethyl benzene (CAS 100-41-4):** 0.5%

INTERNAL Datalogic Confidential

Đạo luật Không khí sạch Hoa Kỳ (Clean Air Act):

Các chất được liệt kê là HAP (Chất gây ô nhiễm không khí nguy hại) theo Mục 112 (40 CFR 61):

- **Xylene (1330-20-7):** 4.2%
- **Toluene (108-88-3):** 1.1%

Sản phẩm này không chứa hóa chất nào thuộc Mục 112(r) của Đạo luật Không khí Sạch về phòng ngừa rò rỉ tai nạn (40 CFR 68.130, Subpart F).

Các chất thuộc danh sách VOC trung gian hoặc cuối cùng SOCMI theo Mục 111 (40 CFR 60.489):

- **Xylene (1330-20-7):** 4.2%
- **Vinyl Toluene (25013-15-4):** 1.7%
- **Toluene (108-88-3):** 1.1%

Thành phần không bay hơi (theo trọng lượng): Tham khảo Bảng Dữ liệu Kỹ thuật sản phẩm (TDS) để biết thông tin về VOC.

Phân loại và Ghi nhãn:

- **Ký hiệu phân loại:** Chất kích ứng / Xi
- **Ký hiệu phân loại:** Dễ cháy / F

Quy định về quản lý an toàn hóa chất nguy hiểm:

- **Luật An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp – Quy định Phân loại, Ghi nhãn và SDS về Hóa chất Nguy hiểm (2013)**
- **Luật An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp – Tiêu chuẩn và Mức phơi nhiễm đối với các Tác nhân Hóa học Nguy hiểm (2000)**

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Tài liệu tham khảo:

- **GHS:** Hệ thống Hài hòa Toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất
- **TDG:** Quy định Vận chuyển Hàng nguy hiểm

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM:
Thông tin trong bảng dữ liệu an toàn này dựa trên kiến thức hiện tại và quy định pháp luật quốc gia hiện hành. Tài liệu này cung cấp hướng dẫn về các khía cạnh sức khỏe, an toàn và môi trường liên quan đến sản phẩm, không nên hiểu là sự đảm bảo về hiệu suất kỹ thuật hoặc tính phù hợp cho mục đích sử dụng cụ thể nào đó.
Do điều kiện sử dụng cụ thể nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà cung cấp, người sử dụng có trách nhiệm đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan

INTERNAL Datalogic Confidential

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN VỀ HÓA CHẤT

Material Safety Data Sheet (MSDS)

***

1. THÔNG TIN VỀ HÓA CHẤT

Tên hóa chất: **Jet-Melt (TM) Adhesive 3748-VO-TC /-VO-PG / VO-Q (*DLS P/N: ZC0500010*)**

Nhà cung cấp: **3M**

Địa chỉ: **3M Center, St. Paul, MN 55144-1000**

Số liên lạc khẩn cấp: **1-800-364-3577 or (651) 737-6501 (24 hours)**

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Ingredient	C.A.S. No.	% by Wt
AMORPHOUS POLYPROPYLENE COPOLYMER	9010-79-1	30 - 40
BROMINATED FLAME RETARDANT	32588-76-4	10 - 20
HYDROCARBON RESIN	69430-35-9	10 - 20
STYRENE-BUTADIENE POLYMER	66070-58-4	7 - 13
POLYETHYLENE	9002-88-4	5 - 10
POLYOLEFIN BLEND	9003-07-0	3 - 7
ANTIMONY TRIOXIDE	1309-64-4	3 - 7
PARAFFIN WAX	8002-74-2	3 - 7

3. ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỨC KHỎE CỦA NGƯỜI

Khi hít vào: keo nóng khi hít phải gây kích ứng hệ hô hấp, xuất hiện các triệu chứng ho, hắt hơi, sổ mũi, đau đầu, khàn giọng, đau cổ và nhức mũi.

Khi tiếp xúc da: gây bỏng, rát do keo nóng, sưng tấy, đỏ da, nghiêm trọng có thể làm vùng da đó bị hoại tử.

Khi tiếp xúc với mắt: khói từ keo nóng kích ứng mắt, gây đỏ mắt, sưng tấy, chảy nước mắt, gây mờ mắt.

Khi nuốt phải: gây nghẹt đường thở, triệu chứng có thể xuất hiện vọt bẻ, đau bụng bất thường và táo bón.

Keo chứa hóa chất có thể gây ung thư.

4. SƠ CỨU VÀ CẤP CỨU

Khi hít vào: chuyển tới nơi có không khí trong lành. Nếu có thêm triệu chứng thì cần được chăm sóc y tế.

Khi tiếp xúc da: rửa bằng thật nhiều nước lạnh ít nhất 15 phút. Không cố gỡ keo dính trên da, băng vùng da bị tổn thương và đến y tế ngay để được chăm sóc.

Khi tiếp xúc với mắt: rửa thật nhiều nước, ít nhất 15 phút. Không cố gỡ keo dính mắt, lập tức đến y tế/bác sĩ để được chữa trị.

Khi nuốt phải: đừng cố nôn mửa trừ khi có sự hướng dẫn của phụ trách y tế, cho nạn nhân uống 2 cốc nước, không cho vật lạ vào miệng nếu nạn nhân đã bất tỉnh. Lập tức đến bác sĩ để chữa trị.

5. CẦM NẮM VÀ LƯU TRỮ

Cầm nắm : tránh tiếp xúc trực tiếp với keo nóng, sử dụng keo khi đã được hướng dẫn, hoặc dùng trong công nghiệp.

Lưu trữ : Bảo quản trong môi trường mát mẻ, thông thoáng và tránh ánh nắng trực tiếp, tránh tiếp xúc với nhiệt độ, lửa.

6. CHỮA CHÁY

Điểm cháy : 280^0C (536^0F)

Tự bốc cháy : 330^0C

Phương tiện chữa cháy : Bình chữa cháy dạng bọt, CO_2, nước.

7. PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Việc xử lí chất thải phải theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

PHỤ LỤC 1.2
VĂN BẢN PHÁP LÝ
CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO

1. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 333/QĐ-BTNMT ngày 23/03/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Dự án Dự án "Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh";
2. Giấy phép xả thải số 544/GP-BTNMT ngày 08/03/2019, thời hạn đến hết ngày 08/03/2029;

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: .....333... /QĐ-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Về việc : Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh" tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh" họp ngày 12 tháng 01 năm 2004;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh" đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 12 tháng 01 năm 2004 và những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu tại Công văn số 91/CV-KCNC ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là Chủ dự án). Báo cáo được phê duyệt không bao gồm nội dung về khai thác đất, cát phục vụ san lấp mặt bằng Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là Khu công nghệ cao).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Chỉ được tiếp nhận vào Khu công nghệ cao các dự án đầu tư thuộc những ngành sản xuất như đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp muốn thu hút các dự án thuộc những ngành sản xuất khác với đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Khu công nghệ cao, Chủ dự án phải báo cáo các cơ quan hữu quan, trong đó có Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét quyết định.

2. Thực hiện phân khu chức năng Khu công nghệ cao như quy hoạch đã được phê duyệt; Diện tích đất trồng cây xanh phải được quy hoạch hợp lý và đảm bảo ít nhất 15% diện tích mặt bằng của Khu công nghệ cao.

3. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và giai đoạn hoạt động của Khu công nghệ cao bảo đảm đạt các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường TCVN 5945-1995, cột B và TCVN 6984:2001 ứng với Q=50-200m^3/s, cột F2 trước khi thải vào lưu vực sông Tắc.

4. Trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghệ cao phải bảo đảm các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường liên quan đến chất lượng không khí TCVN 5939-1995; 5940-1995; 6991-2001 và 6994-2001.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp và rác thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghệ cao bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường; thu gom, vận chuyển, bảo quản và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các quy định tại Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý chất thải nguy hại.

6. Đảm bảo kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã đề xuất và lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

7. Thực hiện nghiêm túc Quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 09 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Báo cáo bằng văn bản về những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các cơ quan liên quan, trong đó có sự đồng ý của Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Định kỳ 06 tháng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực và sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

Điều 5. Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường này; Xem xét và xác nhận Dự án đủ điều kiện được đi vào hoạt động chính thức.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh,
- UBND Tp. Hồ Chí Minh (để chỉ đạo),
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh (để phối hợp)
- Lưu VT, HS, Vụ TĐ.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phạm Khôi Nguyên

MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

Số: 214 / QĐ-KCNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố "Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1".

TRƯỞNG BAN
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 19/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính Phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường;

Căn cứ Quy chuẩn số QCVN 24: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-KCNC ngày 05/7/2004 của Trưởng ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về việc duyệt dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật – dự toán hạng mục Thiết bị xử lý nước thải – Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần công nghệ Biển Xanh lập tháng 1/2005;

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-GT ngày 24/02/2005 của Sở Giao thông công chánh về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự toán gói thầu Thiết bị xử lý nước thải – Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao giai đoạn 1;

Theo văn bản số 214/CV ngày 01/3/2007 của Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Xanh về việc đề nghị xử lý sơ bộ pH trước khi xả thải vào nhà máy xử lý nước thải;

Xét Tờ trình số 57/TTr-QHXDMT ngày 29/12/2009 của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường về việc đề nghị công bố "Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1".

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố "Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1" (tài liệu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ nội dung ở Điều 1, Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường có trách nhiệm quản lý việc thoát nước thải cục bộ của các nhà đầu tư trong Khu công nghệ cao; Công ty Phát triển Khu công nghệ cao có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao – Giai đoạn 1 theo đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, Xúc tiến Đầu tư và Hợp tác Quốc tế, Doanh nghiệp; Giám đốc Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao; các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3;
- Lưu./.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Thái Hỷ

TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM – GĐ1

(Ban hành theo Quyết định số .214../QĐ-KCNC ngày .30.. tháng .12..năm 2009 của Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh)

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN
1	Nhiệt độ	°C	< 60°C
2	pH	-	5 - 9
3	BOD_5	mg/l	250
4	COD	mg/l	600
5	SS	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (VI)	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	10
19	Tổng Phốt pho	mg/l	14
20	Sắt	mg/l	10
21	Tetracloetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân	mg/l	0,005
24	Tổng Nitơ	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	NH_3 (Tính theo N)	mg/l	29
27	Florua	mg/l	2
28	Phenol	mg/l	0,05
29	Sulfua	mg/l	0,5
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Tổng Coliform	No/100ml	37.10^7
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bg/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bg/l	1

Chất lượng nước thải sau xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt cột A – Bảng giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp theo Quy chuẩn số QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 544 /GP-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh cho Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ tại Km 1001, xa lộ Hà Nội, đường D1 Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh) được xả nước thải từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Gò Công tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Vị trí xả nước thải: tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°), như sau:

X: 1199251 Y: 618283

3. Phương thức xả nước thải: 4

- Từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 31 tháng 5 năm 2021, nước thải sau xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, rồi xả ra hồ sinh thái, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày Giấy phép hết hiệu lực, nước thải sau xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất là 9.000 m^3/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và giới hạn giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số K = 1. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số ô nhiễm và giới hạn tối đa của thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	^oC	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	24,3
5	COD	mg/l	60,75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
7	Asen	mg/l	0,041
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,041

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
11	Crom (VI)	mg/l	0,041
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81
18	Tổng xianua	mg/l	0,057
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05
24	Tổng nitơ	mg/l	16,2
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24
26	Clo dư	mg/l	0,81
27	Tổng PCB	mg/l	0,002
28	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
29	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
30	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội

dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.

3. Thực hiện quan trắc nước thải:

a) Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý tại vị trí mương quan trắc trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực đối với các thông số: nhiệt độ, pH, COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Phốtpho và lưu lượng nước thải.

b) Quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí mương quan trắc trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực đối với các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.

4. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành hồ để phòng ngừa, ứng phó sự cố với dung tích tối thiểu 17.000m^3 trước ngày 01 tháng 6 năm 2021.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.

7. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và gửi về cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

8. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép.

Điều 3. Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2125/GP-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục môi trường;
- Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP (TNN-NT-038.18) (02), TNN (02).

Võ Tuấn Nhân

